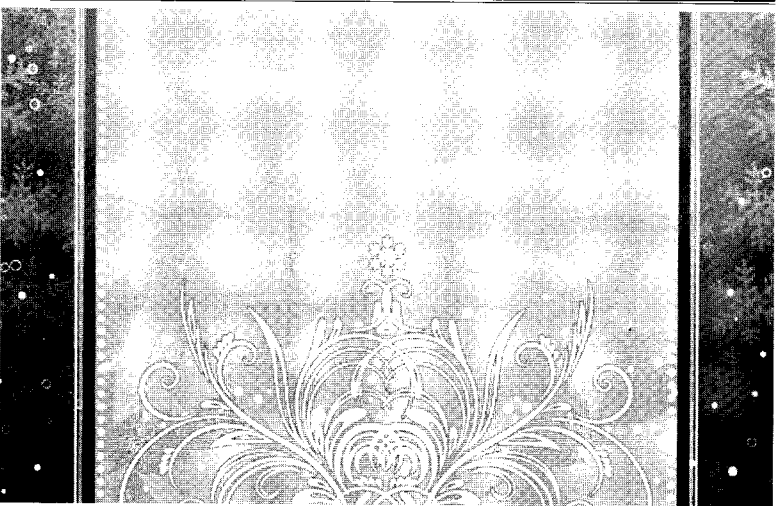


LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 81



Phẩm Thứ Sáu Mười Tám (TIẾP THEO)



Lục Độ Tương Nhiếp (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa đó nếu có chúng sanh nào sân giận đến mắng nhiếc, hoặc chặt đứt tay chân, liền tự nghĩ rằng: “Ta phải bố thí tất cả cho chúng sanh; nếu chúng sanh cần ăn thì cho họ ăn, cần uống thì cho họ uống... dẫn đến cần bất cứ gì thì đều cho họ đầy đủ; rồi đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề”. Khi hồi hướng, Bồ tát chẳng sanh 2 tâm: Ai hồi hướng và hồi hướng về đâu.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa đó trọn chẳng sát sanh, chẳng trộm cướp, chẳng tà dâm, chẳng tham các quả vị Thanh Văn và Bích Chi Phật; rồi đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Khi

4 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

hồi hướng, Bồ tát chẳng sanh 3 tâm: Ai hồi hướng, dùng pháp gì để hồi hướng, và hồi hướng về đâu.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp Thi Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật phát sanh tinh tấn, tự nghĩ rằng: “Nếu chỉ để khuyên dạy một người thọ trì 5 giới mà phải đi một do tuần... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, phải qua một thế giới... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức thế giới, ta vẫn phải tinh tấn, huống nữa là để dạy cho họ được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến được quả A-la-hán, được quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề”; rồi phải đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.”

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền... dẫn đến xả niệm thanh tịnh, nhập đệ tứ thiền. Trong các thiền, nếu có bao nhiêu tâm và tâm sở thanh tịnh, Bồ tát đều đem hồi hướng về Nhất thiết chủng trí. Khi hồi hướng, Bồ tát ở nơi các thiền đều bất khả đắc.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật mà nhiếp Thiên Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Sẵn đề Ba-la-mật, quán các pháp là ly tướng, là tịch diệt tướng, là vô tận tướng, mà chẳng chứng tịch diệt tướng đó; dẫn đến tọa đạo tràng, được nhất thiết chủng trí; rồi rời đạo tràng để chuyển pháp luân. Như vậy, gọi là Bồ tát an trú trong Sẵn

đề Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật, vì là chẳng thủ, chẳng xả vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, thân tâm tinh tấn, chẳng hề giải đãi, tự nghĩ rằng: Ta quyết phải được Vô Thượng Bồ Đề, chớ nên giải đãi. Vì lợi ích chúng sanh ta phải đi 1 do tuần... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, phải qua 1 thế giới... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức thế giới để giáo hóa họ. Dù ta chẳng dạy được một người vào được Phật đạo, hay vào được Bích Chi Phật đạo, Thanh Văn đạo... dẫn đến chẳng dạy được một người tu 10 thiện đạo, thì ta vẫn chẳng giải đãi trong việc hành pháp thí và tài thí, khiến họ được đầy đủ; rồi phải đem công đức ấy, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng hồi hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa”.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, tự mình chẳng sát sanh, dạy người chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, và hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh; tự mình xa lìa tà kiến, dạy người xa lìa tà kiến, tán thán pháp chẳng tà kiến và hoan hỷ tán thán người chẳng tà kiến. Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật như vậy, chẳng cầu phước báo ở cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc; chẳng cầu Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo; rồi đem công đức ấy, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô

Thượng Bồ Đề. Khi hồi hướng, Bồ tát chẳng sanh 3 tâm: Ai hồi hướng, dùng pháp gì để hồi hướng, và hồi hướng về đâu. Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Thi la Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa ấy nếu có chúng sanh nào đến chặt chân tay, liền tự nghĩ rằng: “Ai chém ta, ai chặt ta, ai cướp đoạt thân mạng ta?”; rồi lại tự nghĩ rằng: “Ta có được đại lợi ích. Vì chúng sanh mà ta đã thọ thân này; hôm nay chúng sanh tự đến để lấy lại thân ta”.

Nghĩ như vậy rồi, Bồ tát chánh ức niệm thật tướng pháp, rồi đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Săn đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền... dẫn đến nhập đệ tứ thiền, nhập 4 vô sắc định; dùng 4 vô lượng tâm là “từ, bi, hỷ, xả” để làm lợi ích cho chúng sanh; dùng 6 pháp Ba-la-mật để thành tựu chúng sanh; đi từ 1 Phật độ này đến 1 Phật độ khác để thân cận, cúng dường chư Phật, và gieo trồng thiện căn.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Thiên Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật, chẳng thấy có pháp Đản Ba-la-mật, chẳng thấy có tướng Đản Ba-la-mật... dẫn đến chẳng thấy có pháp Thiên Ba-la-mật, chẳng thấy có tướng Thiên Ba-la-mật; chẳng thấy

có pháp 4 niệm xứ, chẳng thấy có pháp Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy có tướng 4 niệm xứ, chẳng thấy có tướng Nhất thiết chủng trí.

Bồ tát thấy hết thấy pháp là chẳng phải pháp (phi pháp), chẳng phải chẳng pháp (phi phi pháp). Ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát đều chẳng chấp trước, do chỗ làm của Bồ tát đúng như chỗ nói vậy. Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Tỳ lê gia Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiên... dẫn đến nhập đệ tứ thiên, nhập 4 vô sắc định; dùng 4 vô lượng tâm là “từ, bi, hỷ, xả”, trú trong Thiên Ba-la-mật khiến tâm chẳng bị loạn động, mà hành pháp thí và tài thí để làm lợi ích chúng sanh. Bồ tát tự mình hành 2 pháp bố thí đó, dạy người hành 2 pháp bố thí đó, tán thán 2 pháp bố thí đó và hoan hỷ tán thán người hành 2 pháp bố thí đó, rồi đem hết thấy công đức ấy, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, chẳng cầu Thanh Văn và Bích Chi Phật Đạo. Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong thiên Ba-la-mật, trọn chẳng sanh tâm dâm dục, sân nhuế, ngu si, chẳng làm phiền nhiễu người, chỉ hành tâm từ giới tương ưng với Nhất thiết chủng trí; rồi đem hết thấy công đức, cùng với hết thấy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật mà nhiếp Thi la Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật, quán sắc như đồng bọt, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như sóng nắng (diệm), quán hành như lột bẹ chuối, quán thức như huyền.

Bồ tát quán như vậy mà thấy tướng của 5 ám là chẳng kiên cố nên tự hỏi: “Người chém ta là ai? Người chặt ta là ai? Ai là người thọ, ai là người hành, ai là người tưởng, ai là người khởi thức? Ai là người mắng nhiếc, ai là người bị mắng nhiếc? Ai là người khởi sân giận?”

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật mà nhiếp Sân đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật, ly dục, ly các bất thiện pháp, có giác, có quán, ly sanh hỷ lạc, nhập sơ thiền... dẫn đến nhập đệ tứ thiền. Từ các thiền định khởi sanh các thần thông: Có thần túc thông biến hóa, đi trên mặt nước như đi trên mặt đất, đi vào lòng đất như đi vào nước... có thiên nhĩ thông nghe được tiếng của loài người và của các hàng trời; có tha tâm thông, biết được người khác nhiếp tâm hay loạn tâm, có tâm hướng thượng hay có tâm chẳng hướng thượng...; có túc mạng thông, biết được đời trước của mình và của người...; có thiên nhãn thông, biết chỗ thọ nghiệp báo của người.

Bồ tát trú trong 5 thần thông, đi từ Phật độ này đến Phật độ khác để thân cận và cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh; rồi đem công đức ấy cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật, chẳng đắc sắc, chẳng đắc thọ, tưởng, hành, thức; chẳng đắc 6 pháp Ba-la-mật; chẳng đắc 4 niệm xứ... dẫn đến chẳng đắc Nhất thiết chủng trí; chẳng đắc vô vi tánh. Vì chẳng đắc nên chẳng tác; vì chẳng tác nên chẳng sanh; vì chẳng sanh nên chẳng diệt. Vì sao? Vì có Phật hay chẳng có Phật, thì pháp như, pháp tướng, pháp tánh vẫn thường trú, chẳng có sanh diệt. Do vậy mà Bồ tát thường nhất tâm, tương ưng với Nhất thiết chủng trí.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Thiền Ba-la-mật mà nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp 5 Ba-la-mật kia?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng đắc nội không, chẳng đắc ngoại không, chẳng đắc nội ngoại không, chẳng đắc không không... dẫn đến chẳng đắc chư pháp không. Bồ tát trú trong 14 pháp không bất đắc đó, thấy sắc, dù là không hay là chẳng không, đều là bất đắc; thấy thọ, tưởng, hành, thức, dù là không hay dù là chẳng không, đều là bất đắc; thấy thọ, tưởng, hành, thức dù là không hay dù là chẳng không, đều bất đắc, thấy 4 niệm xứ... dẫn đến thấy Vô Thượng Bồ Đề, dù là không hay là chẳng không, đều là bất đắc, thấy hữu vi tánh, thấy vô vi tánh dù là không hay là chẳng không đều là bất đắc. Bồ tát trú trong Bát nhã Ba-la-mật như vậy, vẫn hành bố thí mà vẫn quán bố thí là không. Bồ tát quán bố thí là không, quán người hành

thí, kẻ thọ thí, tài vật đem ra bố thí đều không, chẳng cho tâm xan tham, đắm trước sanh khởi. Vì sao? Vì Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng chẳng có tâm vọng phân biệt. Ví như chư Phật khi được Vô Thượng Bồ Đề chẳng có tâm xan tham, đắm trước; Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng như vậy, chẳng có tâm xan tham, đắm trước. Đó là vì Bồ tát tôn trọng Bát nhã Ba-la-mật.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Đàn Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng sanh tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật, vì tâm hướng về Thanh Văn và Bích Chi Phật là bất khả đắc. Bồ Tát, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, trong khoảng giữa ấy, tự mình chẳng sát sanh, dạy người khác chẳng sát sanh, tán thán pháp chẳng sát sanh, hoan hỷ tán thán người chẳng sát sanh,... dẫn đến tự mình chẳng tà kiến, hay dạy người khác chẳng tà kiến, tán thán pháp chẳng tà kiến, hoan hỷ tán thán người chẳng tà kiến. Do nhân duyên trì giới như vậy mà chẳng thấy có pháp để chấp.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Thi la Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, tùy thuận pháp nhẫn, tự nghĩ rằng: “Trong pháp này chẳng có pháp gì khởi hay diệt, sanh hay tử; chẳng có pháp gì là mắng nhiếc, là chặt chém, là đánh đập”. Bồ tát, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, nếu có chúng sanh nào đến mắng nhiếc... dẫn đến dùng đao trượng đâm chém, đánh đập, vẫn giữ tâm bất động, tự nghĩ rằng, “Trong pháp này chẳng có pháp gì cả, chẳng

có ai bị mắng nhiếc, bị đâm chém, bị đánh đập, mà chúng sanh vẫn thọ các khổ não”.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Sân đề Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, vì chúng sanh thuyết pháp dạy họ hành 6 pháp Ba-la-mật, hành 4 niệm xứ... dẫn đến hành 8 thánh đạo, khiến họ được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng trú trong hữu vi tánh, trong vô vi tánh.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, nhập vào tất cả các tam muội, ngoại trừ Phật tam muội. Tất cả các tam muội của Thanh Văn, của Bích Chi Phật, Bồ tát đều vào được cả. Bồ tát trú trong các tam muội, thuận nghịch ra vào 8 bối xả: Bối xả thứ 1 là trong quán sắc tướng, ngoài quán sắc; bối xả thứ 2 là trong chẳng có sắc tướng, ngoài quán sắc; bối xả thứ 3 là tịnh bối xả, thân tác chứng; bối xả thứ 4 là quán hết thấy sắc tướng, diệt các tướng đối đãi, chẳng niệm các sắc tướng, nhập hư không vô biên xứ; bối xả thứ 5 là vượt qua hư không vô biên xứ, nhập thức vô biên xứ; bối xả thứ 6 là vượt qua thức vô biên xứ, nhập vô sở hữu xứ; bối xả thứ 7 là vượt qua vô sở hữu xứ, nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ; bối xả thứ 8 là vượt qua phi hữu tướng phi vô tướng xứ, nhập diệt thọ tướng định.

Bồ tát y nơi 8 bối xả này, mà thuận nghịch ra vào 9 thứ đệ định.

Thế nào gọi là nhập 9 thứ đệ định?

Đó là ly dục, ly các bất thiện pháp, vào sơ thiên, đệ nhị thiên, đệ tam thiên, đệ tứ thiên; vào 4 vô sắc định; vào diệt thọ tướng định.

Bồ tát y nơi 9 thứ đệ định và 8 cõi xa này, mà vào Sur tử phần tam muội.

Thế nào gọi là nhập Sur tử phần tam muội?

Đó là nhập sơ thiên; xuất sơ thiên, nhập đệ nhị thiên... dẫn đến xuất phi hữu tướng phi vô tướng xứ định, nhập diệt thọ tướng định. Đây là thuận quán. Rồi xuất diệt thọ tướng định, nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ định... dẫn đến xuất đệ nhị thiên, nhập sơ thiên. Đây là nghịch quán.

Bồ tát y nơi Sur tử phần tam muội này, mà vào Siêu việt tam muội.

Thế nào gọi là nhập Siêu việt tam muội?

Đó là nhập sơ thiên; khi sơ thiên khởi lại nhập đệ nhị thiên... dẫn đến khi phi hữu tướng phi vô tướng xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập sơ thiên, khi sơ thiên khởi lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi lại nhập đệ nhị thiên; khi đệ nhị thiên khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi lại nhập đệ tam thiên; khi đệ tam thiên khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi lại nhập đệ tứ thiên; khi đệ tứ thiên khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập hư không xứ định, khi hư không xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập thức xứ định; khi thức xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập vô sở hữu xứ định; khi

vô sở hữu xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập phi hữu tướng phi vô tướng xứ định; khi phi hữu tướng, phi vô tướng xứ định khởi, lại nhập diệt thọ tướng định. Khi diệt thọ tướng định khởi, lại nhập tán tâm, khi tán tâm khởi, lại nhập phi hữu tướng, phi vô tướng xứ định. Khi phi hữu tướng, phi vô tướng xứ khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập vô sở hữu xứ định. Khi vô sở hữu xứ định khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập thức xứ định. Khi thức xứ định khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập hư không xứ định. Khi hư không xứ định khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập đệ tứ thiên. Khi đệ tứ thiên khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập đệ tam thiên. Khi đệ tam thiên khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập đệ nhị thiên. Khi đệ nhị thiên khởi, lại nhập tán tâm; khi tán tâm khởi, lại nhập sơ thiên. Khi sơ thiên khởi lại nhập tán tâm. Như vậy là, ở nơi Siêu việt tam muội, Bồ tát được hết thấy các pháp tướng bình đẳng.

Như vậy gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp Thiền Ba-la-mật.

LUẬN:

Hỏi: Vì sao khi tu tập 6 pháp Ba-la-mật cần phải chọn một Ba-la-mật làm chủ?

Đáp: Vì nhân duyên tu hành có thứ lớp, nên người tu hành phải tùy theo hạnh nguyện của mình mà chọn một Ba-la-mật làm chủ.

Bồ tát phân biệt có: Tại gia Bồ tát và xuất gia Bồ tát.

Bồ tát tại gia, do đã có được nhiều phước đức, nên được

sanh vào nhà giàu có. Bởi vậy nên khi hành đạo, hạng Bồ tát này thường chọn bố thí Ba-la-mật làm chủ; hành bố thí trước, rồi mới hành các Ba-la-mật khác.

Bồ tát xuất gia, do chẳng nắm giữ của cải nên chọn trì giới Ba-la-mật, nhẫn nhục Ba-la-mật, tinh tấn Ba-la-mật, Thiên Ba-la-mật, và trí huệ Ba-la-mật làm chủ.

Ví như, do chẳng có của cải, nên Bồ tát lấy nhẫn nhục Ba-la-mật làm chủ, sẵn sàng đem thân mạng mình ra bố thí, để làm lợi ích cho chúng sanh; dù có chúng sanh đến mắng nhiếc hay hành hung, Bồ tát vẫn chẳng khởi tâm sân hận. Bồ tát hành nhẫn nhục Ba-la-mật như vậy là nhiếp bố thí Ba-la-mật. Khi bị người hành hung, gây nguy hại đến tánh mạng của mình, Bồ tát liền tự nghĩ rằng: “Thân này là hư giả. Ta chớ nên vì tiếc thân mạng mà xa lìa việc tu tập các Ba-la-mật. Nếu vì lợi ích chúng sanh mà phải bố thí thân mạng, ta vẫn phải hoan hỷ bố thí”.

Do có được các lực phương tiện của bố thí Ba-la-mật và nhẫn nhục Ba-la-mật, nên Bồ tát này, sau khi mạng chung, sẽ được sanh về một thế giới an lành, tốt đẹp, để tiếp tục hành bố thí Ba-la-mật và nhẫn nhục Ba-la-mật.

Hỏi: *Trú trong nhẫn nhục, chẳng làm điều ác, tức là đã hành trì giới rồi. Như vậy vì sao còn nói trú trong nhẫn nhục Ba-la-mật mà nhiếp trì giới Ba-la-mật?*

Đáp: Trên đây chỉ mới nói về các tướng của các Ba-la-mật, mà chưa nói đến các Ba-la-mật thứ lớp sanh như thế nào.

Tuy các Ba-la-mật có thể hòa hợp với nhau, nhưng mỗi pháp đều có tướng riêng khác. Nếu y theo thứ lớp mà hành, thì trước phải có trì giới, rồi sau mới có nhẫn nhục. Giới là chẳng hại người, chẳng nhiễu loạn người; nhẫn là tự nhiếp

thân mình, dù phải hy sinh thân mạng mình cũng chẳng hối tiếc. Bởi vậy nên trong nhân nhục đã có hàm chứa giới tướng rồi vậy.

Trì giới có 2 cách. Đó là:

- Chẳng làm não hại chúng sanh.
- Tự mình sanh căn bản thiện định.

Người chưa thọ giới pháp, chỉ vì sợ mang tội mà hành nhân nhục. Vì chưa có thâm tâm thương xót chúng sanh, nên tự nghĩ: “Trì giới là bước đầu vào Phật đạo, còn chẳng làm hại chúng sanh là việc dễ làm. Ta nên nhân nhục làm các việc dễ làm trước đã”. Cho nên mới nói rằng: “Nhân nhục thường nhiếp trì giới” là vậy.

Lại nữa, nhân nhục khiến cho tâm dừng sanh, chưa phải là trì giới. Phải thành tựu thân khẩu và ý thanh tịnh mới gọi là trì giới. Nếu chỉ có ý thanh tịnh, thì chỉ được gọi là nhân nhục mà thôi.

Hỏi: *Thiền Ba-la-mật cũng làm cho tâm thanh tịnh. Như vậy vì sao chỉ nói đến nhân nhục mà thôi?*

Đáp: Vào được Thiền Ba-la-mật rồi là đã có được trí lực lớn, nên chẳng cần nói đến trì giới nữa.

Khi tâm chưa được thanh tịnh mới phải cần tu nhân nhục để giữ gìn đừng cho tâm sanh.

Trong kinh có nói đến nhân duyên Bồ tát có đại trí huệ, phát tâm hành 6 pháp Ba-la-mật, mà đời đời được tăng ích công đức, chẳng có đọa về 3 đường ác, ... dẫn đến sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Vì Bồ tát, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, chẳng có sanh sân tâm, chẳng nhiều loạn chúng sanh, chẳng

16 • LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

đoạt mạng chúng sanh, cũng chẳng thủ chúng quả vị Nhị thừa, nên mới có đại công đức như vậy.

Đây chính là công đức trì giới Ba-la-mật và nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát đem hết thầy công đức ấy, cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng khởi 3 chấp điên đảo: Chấp có người hồi hướng, có pháp hồi hướng và có chỗ hồi hướng.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp trì giới Ba-la-mật.

-o0o-

Nhẫn nhục Ba-la-mật cũng nhiếp được tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát tu tập các công đức, phát nguyện độ hết thầy chúng sanh, nên thường tinh tấn, chẳng giải đãi. Trong lúc hành Bồ tát đạo, nếu có gặp các trở ngại, Bồ tát vẫn chẳng thối tâm. Vì sao? Vì đã thường kham nhẫn các khổ, nên nếu cần phải chịu đựng khổ nhọc trong thời gian lâu dài, Bồ tát vẫn chẳng thối chuyển. Như trong kinh dạy: Dù phải đi 1 do tuần... dẫn đến trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, dù phải qua 1 thế giới... dẫn đến qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới để tìm 1 người trao chân thật pháp Niết Bàn, Bồ tát vẫn thường tinh tấn.

Nếu chẳng tìm được người như vậy, Bồ tát vẫn chẳng sanh phiền não. Dẫn đến, nếu chỉ tìm được 1 người thọ trì 5 giới, thì Bồ tát liền sanh tâm hoan hỷ, vì tự nghĩ, “Ta tìm được 1 người tức đã tìm được nhiều người, thông qua người ấy, thì chân thật pháp sẽ mãi mãi được lưu truyền vậy. Vì sao? Vì các pháp, ở nơi thật tướng, là chẳng phải hai, chẳng phải khác”.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp tinh tấn Ba-la-mật.

Nhẫn nhục Ba-la-mật cũng nhiếp được Thiền Ba-la-mật.

Bồ tát hành nhẫn nhục Ba-la-mật, nên có tâm nhu nhuyễn, mềm mại, rất dễ vào các thiền định. Trú trong thiền định, Bồ tát khởi tâm từ bi, bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh, đem các tâm và tâm sở thanh tịnh, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp Thiền Ba-la-mật.

-o0o-

Nhẫn nhục Ba-la-mật cũng nhiếp được Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong “chúng sanh nhẫn” và trong “pháp nhẫn”, nên nhẫn được các việc làm ác của chúng sanh. Gặp những chúng sanh đến mắng nhiếc, hành hung mình, Bồ tát vẫn hành đại từ bi đối với họ, nên được đại công đức.

Do được tâm nhu nhuyễn, mềm mại, nên Bồ tát dễ được “pháp nhẫn”, biết rõ hết thảy pháp đều rất ráo là vô sanh. Trú trong “pháp nhẫn”, Bồ tát quán hết thảy pháp đều là không tướng, là ly tướng, là vô tận tướng, là tịch diệt tướng, là Niết Bàn tướng, mà vẫn chẳng có chấp tướng tịch diệt Niết Bàn đó.

Lại nữa, Bồ tát trú trong “chúng sanh nhẫn”, biết rõ hết thảy chúng sanh đều rất ráo không, nên chẳng còn thấy có người đến mắng nhiếc mình, đâm chém mình... dẫn đến đoạt thân mạng mình.

Khi đã đầy đủ “chúng sanh nhẫn” và “pháp nhẫn”, Bồ tát chẳng còn 3 chấp điên đảo: Chấp có người nhẫn, có pháp nhẫn, có chỗ nhẫn.

Do vậy mà Bồ tát thường thấy hết thảy pháp đều là tịch diệt tướng là Niết Bàn tướng cả.

Bốn nguyên cầu Phật đạo của Bồ tát là vào được nơi thật tướng của các pháp, nơi rốt ráo không tướng của các pháp. Nếu chưa tọa đạo tràng, thì chẳng tác chứng thật tế. Nếu tọa đạo tràng, thì phải đầy đủ các Phật pháp, mới được Phật đạo, chuyên pháp luân. Lúc bấy giờ vì lợi ích chúng sanh mà thuyết pháp, hóa độ chúng sanh, nhưng vẫn thường an trú trong Bát nhã Ba-la-mật.

Đây là trường hợp nhẫn nhục Ba-la-mật nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Thế nào là trú trong tinh tấn Ba-la-mật mà nhiếp các Ba-la-mật khác?

Đáp: Bồ tát trú trong tinh tấn chẳng còn sợ hãi, vì do có lực tinh tấn mà vượt qua được mọi khó khăn, gian khổ, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều là rốt ráo không nhưng vì lòng từ bi thương xót chúng sanh, nên trở lại trong 3 cõi, khởi các thiện nghiệp để hóa độ chúng sanh, mà chẳng chấp Niết Bàn vậy. Được như vậy là nhờ lực phương tiện tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật, tự nghĩ rằng, “Ta quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, chớ nên giải đãi. Dù phải đi trăm, ngàn, vạn, ức do tuần, dù phải qua trăm, ngàn, vạn, ức thế giới để giáo hóa chúng sanh, ta vẫn phải tinh tấn, chớ nên giải đãi. Nếu chẳng dạy được 1 người vào Phật đạo, hay vào Bích Chi Phật đạo, vào Thanh Văn đạo... dẫn đến nếu chẳng dạy được 1 người tu 10 thiện đạo, ta vẫn phải tinh tấn hành pháp thí và tài thí, khiến chúng sanh được đầy đủ; rồi phải đem công đức ấy, cùng với hết chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề”.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp bố thí Ba-la-mật.

Mặc dù hết thấy các trường hợp bố thí đều do tinh tấn

khởi sanh, nhưng đây là bồ thí Ba-la-mật, bồ thí “tam luân không tịch”, nên cần phải có lực phương tiện tinh tấn Ba-la-mật, mới được viên mãn.

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, tu 10 thiện đạo chẳng hề ngưng nghỉ, và cũng dạy người khác tu 10 thiện đạo.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật như vậy, chẳng cầu phước báo ở 3 cõi, chẳng tham đắm các quả Thanh Văn và Bích Chi Phật.

Chỉ những người giải đãi mới cầu phước báo ở 3 cõi, mới cầu pháp Nhị thừa; còn Bồ tát chẳng có các tướng giải đãi như vậy.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp trì giới Ba-la-mật.

-o0o-

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp nhẫn nhục Ba-la-mật.

Bồ tát trú trong tinh tấn Ba-la-mật, từ khi sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, đã xả ngã chấp, chẳng còn tiếc thân mạng, đã vào được nơi thật tướng pháp, nên dù có kẻ đến mắng nhiếc, hành hung, cũng chẳng sanh sân giận, chẳng sanh tâm sợ hãi, vì tự nghĩ, “Chẳng có ai mắng nhiếc hay hành hung, cũng chẳng có ai thọ sự mắng nhiếc hay hành hung đó”. Bồ tát lại tự nghĩ: “Nếu ta bỏ thí thân này, ta sẽ có được đại lợi ích. Vì thương xót chúng sanh mà ta đã thọ thân này; nay chúng sanh đến đoạt thân này, ta phải nên hoan hỷ, chẳng nên luyện tiếc; ta lại phải đem hết thầy công đức nhẫn nhục này cùng với hết thầy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề”.

Bởi nhân duyên vậy, nên dù bị chúng sanh mắng nhiếc, đánh đập... Bồ tát vẫn hoan hỷ nhẫn nhục, chẳng hề thối chuyển.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp nhẫn nhục Ba-la-mật.

-o0o-

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp Thiền Ba-la-mật.

Có người tự nhiên được thiền định. Hạng người này, do đời trước ở cõi trên, nên nay sanh về cõi này, tự nhiên được thiền định.

Có người do nhân duyên hành đại bố thí, phá được xan tham, phá được 5 triền cái, mà được thiền định.

Có người do tu tập nhẫn nhục, hoặc do sanh tâm Tiều thừa, mà nhầm chán sanh tử, nên cũng vào được thiền định.

Có người, do có đại trí huệ lực, biết cõi Dục là vô thường, là bất tịnh, biết thiền định tuy cũng chẳng thật có, nhưng vào thiền định vẫn thù thắng hơn ở cõi Dục, nên đã vào thiền định.

Đây là những trường hợp thiền định chẳng do tinh tấn sanh, Hành giả nhờ các nhân duyên khác mà vào được thiền định.

Thế nhưng có người ở nơi các pháp Ba-la-mật thường làm chủ được tâm mình. Lúc kinh hành cũng như lúc tọa thiền vẫn thường tinh tấn, lấy tấn căn chế ngự 5 triền cái, đấu tranh như xông pha vào trận mạc chống quân giặc, vừa móng tâm tán loạn là liền nhiếp tâm trở về, dù mệt nhọc bao nhiêu cũng vẫn chẳng ngưng nghỉ. Tinh tấn như vậy, có thể chỉ trong 1 ngày, 1 đêm là vào được thiền định.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp Thiền Ba-la-mật.

Nên biết có người do chưa đoạn sạch các nghiệp tội đời trước, do còn tham đắm các lạc thú ở đời, để tâm rong ruổi theo cảnh duyên, nên khó chế ngự tán tâm, khó vào thiền định. Hạng người này phải gia tăng tinh tấn mới mong được vào thiền định. Ví như có người do được nhiều phước đức, nên an nhiên hưởng lộc; còn người kém phước đức thì phải tinh tấn làm lụng thì mới mong có được cuộc sống sung túc an nhàn.

-o0o-

Tinh tấn Ba-la-mật cũng nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát có tinh tấn mới nhiếp được Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát được thiền định rồi mới sanh được thần thông. Có đủ thiền định và trí huệ như vậy, nên Bồ tát dùng lực thần thông đi khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn.

Lại nữa, Bồ tát vì hạnh nguyện độ sanh, nên ngoài việc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, thiền định, còn phải thường tinh tấn, mới phát sanh được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trí huệ thường là do tinh tấn sanh. Bởi vậy nên Bồ tát phải lấy tinh tấn làm chủ, mới có thể nhiếp Bát nhã Ba-la-mật được.

Bồ tát có 2 việc phải làm. Đó là:

- Quán thật tướng các pháp. Ở nơi thật tướng pháp, Bồ tát chẳng thấy pháp tướng, cũng chẳng thấy phi pháp tướng.

- Làm đúng như chỗ nói.

Người giải đãi chẳng có thể làm 2 việc này được.

Đây là trường hợp tinh tấn Ba-la-mật nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Thế nào gọi là an trú trong thiền Ba-la-mật mà nhiếp các Ba-la-mật kia?*

Đáp: Phải đầy đủ cả 2 việc nêu trên đây, mới trú được trong thiền định; lấy thiền định làm nhiếp cả 5 Ba-la-mật kia.

Bồ tát trú trong thiền Ba-la-mật, điều tâm nhu nhuyễn, bất động mới có thể quán thật tướng các pháp. Ví như nhà kín gió, thì đèn mới có thể sáng tỏ; cũng như vậy, phải trú trong thiền Ba-la-mật mới phát sanh được trí huệ Ba-la-mật.

Lúc bấy giờ, Bồ tát chẳng còn nhiều loạn chúng sanh, mà trái lại thường bị nguyện chúng sanh, thương xót hết thấy chúng sanh.

Phải thanh tịnh trì giới, nhẫn nhục mới có được lực thần thông, biến hóa đầy đủ tài vật để bố thí cho chúng sanh, lại biến hóa ra các hóa nhân, để vì chúng sanh, thuyết pháp độ sanh. Bởi vậy nên nói thiền định là nhân bố thí.

Lại nữa, do thiền định mà có được thần thông, đi khắp 10 phương, cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, chẳng hề giải đãi. Bởi vậy nên nói thiền định sanh tinh tấn.

Lại nữa, cũng do nơi Thiền Ba-la-mật, mà tất cả các Ba-la-mật kia đều được tăng trưởng.

Đây là nghĩa, “Trú trong thiền Ba-la-mật, lấy Thiền Ba-la-mật làm chủ, nhiếp tất cả 5 Ba-la-mật kia.”

Hỏi: *Vì sao nói Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, chẳng đắc 14 pháp không, từ nội không... dẫn đến chư pháp không, có 18 pháp không, vì sao chỉ nói có 14, mà chẳng nói đến 4 pháp không sau?*

Đáp: Phân biệt hết thấy pháp tướng không, và hết thấy pháp không, là đã tổng nhiếp tất cả 18 pháp không rồi. Đây

là vì người tu hành mà Phật rộng phân biệt có 18 pháp không.

Thế nhưng, có người chỉ hành 1 pháp, 2 pháp, dẫn đến 14 pháp trong 18 pháp không đó. Bởi vậy nên phải tùy theo chúng sanh chấp nhiều hay chấp ít, mà nói rộng hay nói hẹp, nói nhiều hay nói ít vậy.

Đối với người thâm chấp tà kiến mới phải nói đến 4 pháp không sau cùng. Vì sao? Vì hàng ngoại đạo do tà kiến, mà chấp “hữu pháp”, chấp “vô pháp”; còn Bồ tát do có tâm từ bi nhu nhuyễn, nên chẳng chấp “hữu”, cũng chẳng chấp “vô”. Lại nữa, Bồ tát do huân tu 14 pháp không, mà ở nơi “hữu” và “vô” đều được rõ ràng, chẳng có lầm lẫn.

Bởi nhân duyên vậy, nên ở nơi đây chẳng có đề cập đến 4 pháp không sau cùng.

Hỏi: Trong kinh nói, “Cũng như chư Phật, Bồ tát chẳng sanh tâm chấp đấng”. Nói như vậy có hàm ý nghĩa gì?

Đáp: Phật đã đoạn sạch phiền não, nên các tập khí chẳng còn sanh khởi nữa. Bồ tát dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, ngăn các tập khí, chẳng cho sanh khởi.

Nay, vì muốn tán thán lực Bát nhã Ba-la-mật, nên nói, “Bồ tát, dù chưa tận đoạn kiết sử, nhưng cùng với Phật chẳng khác”. Sở dĩ nói như vậy là nhằm khiến người đời tôn quý Bát nhã Ba-la-mật. Do tôn quý Bát nhã Ba-la-mật, mà nghĩ rằng: “Trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp sanh diệt nên chẳng có người mắng nhiếc, sát hại, cũng chẳng có người thọ lãnh sự mắng nhiếc sát hại đó”.

Hỏi: Người dấy niệm như trên đây là vào được vô sanh pháp nhẫn. Như vậy, vì sao nói vào được như thuận nhẫn?

Đáp: Có người do tu tập, biết rõ 5 âm hòa hợp mà giả

đanh có chúng sanh, nhưng chưa có thể phá được pháp chấp. Bởi vậy nên kinh nói, “Các pháp là vô sanh, vô diệt, chẳng có người mắng nhiếc, sát hại; cũng chẳng có người thọ lãnh sự mắng nhiếc, sự sát hại”.

Đây là vì hạng người phá được ngã chấp, quán pháp không, mà còn vướng mắc pháp ái, nên kinh đã nói như trên.

Người được vô sanh pháp nhãn mới có đầy đủ từ bi tâm, thương xót chúng sanh; còn người được nhu thuận nhãn chỉ mới niệm pháp không mà thôi.

“Pháp nhãn” và “chúng sanh nhãn” tuy chẳng ngăn ngại nhau, nhưng có sâu; có cạn, sai khác nhau:

- Ở nơi “chúng sanh bất khả đắc” chỉ mới là “chúng sanh nhãn”.

- Ở nơi “pháp bất khả đắc” mới được gọi là “pháp nhãn”.

Hỏi: *Vì sao nói, “Tiểu thừa chẳng được Siêu việt tam muội, chẳng dung được 2 biên, chẳng dám y tán tâm mà vào diệt thọ tướng định”?*

Đáp: Pháp “Tiểu thừa” chẳng thể sánh với pháp Đại thừa được. Người tu mà chẳng siêu việt được 2 bên là người tu theo pháp Tiểu thừa; còn Bồ tát, do được đại trí huệ, do thâm nhập thiên định, nên thường tùy ý siêu việt được 2 bên. Ví như lực sĩ trong loài người chỉ nhảy qua rào cao vài trượng; còn lực sĩ trong hàng trời có thể vượt qua các khoảng xa rộng, chẳng chút khó khăn.

Lại nữa, Bồ tát có đại trí huệ, nên vào Sư tử phần tán tam muội, được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, nên ở nơi hết thấy pháp thường được tự tại, vô ngại.

Lại nữa, do đã vào được nơi thật tướng pháp, nên thường

an trú nơi bất động pháp.

Bởi vậy, chẳng nên đem các pháp của hàng trời và của hàng người mà nạn hỏi nữa.

Hỏi: Thế nào gọi là Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật mà nhiếp các Ba-la-mật khác?

Đáp: Bồ tát trú trong Bát nhã Ba-la-mật đem tài vật bố thí chúng sanh và cúng dường chư Phật, mà biết rõ chúng sanh cũng như chư Phật đều rốt ráo là không. Bởi vậy nên đối với chúng sanh cũng như đối với Phật, Bồ tát giữ tâm bình đẳng. Vì giữ tâm bình đẳng, nên Bồ tát chẳng quý chư Phật, chẳng khinh chúng sanh, cũng chẳng thấy bố thí người nghèo được ít phước đức, cúng dường chư Phật được nhiều phước đức. Vì sao? Vì Bồ tát đã đoạn sạch các vọng tưởng phân biệt điên đảo, đã vào “bất nhị pháp môn” vậy.

Cũng như vậy, khi hành pháp thí, Bồ tát chẳng quý trọng người trí, chẳng khinh chê người vô trí. Vì sao? Vì Phật pháp là vô lượng, là bất khả tư nghĩ. Nói về 12 nhân duyên, về không, về vô tướng, về vô tác, hoặc về các thậm thâm pháp khác cũng chẳng khác. Vì sao? Vì khi đã vào nơi tịch diệt tướng thì hết thấy các pháp đều là bình đẳng, đều là vô phân biệt, đều chẳng có hý luận.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp bố thí Ba-la-mật.

Lại nữa, có Bồ tát trú nơi 10 Phật lực, đem công đức của chư Phật 3 đời và của hàng đệ tử Phật, để cùng với hết thấy chúng sanh tùy hỷ hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Do được lực trí huệ như vậy nên chẳng gì mà Bồ tát chẳng thí, khiến chúng sanh được phần phước đức. Lại cũng có Bồ tát muốn nhỏ gốc xan tham mà hành bố thí. Khi hành bố thí, Bồ tát ấy hoan hỷ chào đón người thọ thí, vì đã tận diệt tâm sân si, tật

đồ, cung kính người thọ thí, vì đã tận diệt tâm kiêu mạn; lại biết rõ quả báo của bố thí, vì đã tận phá tâm nghi.

Bồ tát ấy, khi bố thí, thường quán người thọ thí như Phật; quán các tài vật đem ra bố thí đều là như tướng, là Vô Thượng Bồ Đề tướng; quán thân, từ trước đến nay, là rốt ráo không. Bố thí như vậy là chân thật, chẳng hư dối, là tương ưng với Nhất thiết chủng trí. Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp bố thí Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát thâm nhập vào thanh tịnh Bát nhã Ba-la-mật, biết rõ chúng sanh là không mà vẫn thọ trì các thiện nghiệp đạo, để phá nghiệp sát sanh. Nếu vì muốn độ chúng sanh trong phạm vi 1 do tuần, trong phạm vi trăm, ngàn, vạn, ức... do tuần mà trì giới... dẫn đến vì muốn độ chúng sanh trong cõi Diêm phù đề... mà trì giới, thì đó cũng chỉ là vì số chúng sanh có hạn lượng mà trì giới.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, vì vô lượng chúng sanh, trong vô lượng quốc độ, mà trì giới, chẳng phải vì số chúng sanh có hạn lượng mà trì giới. Vì sao? Vì pháp tánh thật tế là như hư không. Bồ tát trú trong “cứu cánh không tướng”, chẳng chấp giới tướng, chẳng chấp trì giới, cũng chẳng ghét phá giới.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp trì giới Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp nhẫn nhục Ba-la-mật.

Bồ tát được đầy đủ trì giới vô phân biệt như vậy, nên cũng được đầy đủ “chúng sanh nhẫn” và “pháp nhẫn”.

Bồ tát vào trong thâm Bát nhã Ba-la-mật, được đầy đủ

“chúng sanh nhãn” và “pháp nhãn” như vậy, mới có thể tin thọ vô lượng Phật pháp, mà tâm chẳng phân biệt thị phi.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp nhãn nhục Ba-la-mật.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát an trú trong Bát nhã Ba-la-mật, tinh tấn hành các Ba-la-mật khác, vào thật tướng pháp, thanh tịnh 3 nghiệp “thân, khẩu, ý”, được vô sở niệm. Bồ tát ấy, khi nằm mộng, thấy mình rớt xuống biển sâu, mà chẳng bị chìm, lại còn được đưa vào bờ an toàn; khi tỉnh mộng, thì tâm liền dứt. Do được lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, mà Bồ tát được đệ nhất tinh tấn, nên sanh mộng như vậy.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp tinh tấn Ba-la-mật.

-o0o-

Bát nhã Ba-la-mật cũng nhiếp thiên Ba-la-mật.

Mặc dù trí huệ chẳng phải là thiên định, nhưng phải có trí huệ mới sanh được thiên định.

Trong kinh Bích Chi Phật có chép mẩu chuyện về 1 người thấy cảnh 2 con trâu vì dâm dục, đấu tranh với nhau cho đến chết, mà tự nghĩ rằng, “Nếu đem tài sắc, danh vọng, quyền lực... ra chinh phục kẻ khác, thì đâu có gì khác với cảnh này!”. Nghĩ như vậy rồi, ông liền được ly dục, được thiên định, thành bậc Bích Chi Phật.

Bồ tát cũng như vậy, do có ít nhiều nhân duyên khiến nhầm chán 5 dục, ưa vui thiên định. Khi đã được đầy đủ phước đức, thì sẽ được thanh tịnh thiên định lạc.

Đây là trường hợp Bát nhã Ba-la-mật nhiếp Thiên Ba-la-mật.

Hỏi: Vì sao Bồ tát có thể ở nơi 1 niệm, mà được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật?

Đáp: Bồ tát đã gieo trồng thiện căn trải qua vô lượng kiếp, đã hoàn toàn ly dục, nên ở nơi các thiên định được trụ tại. Do vậy mà vào được Phật đạo, thâm nhập pháp tánh thật tế, tinh tấn dùng các phương tiện trí huệ và từ bi để hoằng pháp lợi sanh. Khi đã vào được thâm pháp rồi, Bồ tát trở lại tu các công đức.

Như vậy là Bồ tát đã thắng phục được tâm mình nên ở nơi mỗi niệm đều được đầy đủ cả 6 Ba-la-mật.

Ví như:

- Khi hành pháp thí và tài thí, Bồ tát vẫn thường an trú trong 10 thiện đạo, chẳng hướng về Nhị thừa địa, nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật, chẳng để các phiền não ma làm động tâm, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật; giữ thân tâm thường tinh tấn, chẳng giải đãi, chẳng thối thất, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật; nhiếp tâm nơi việc bố thí, chẳng để tâm tán loạn, hồi hướng công đức bố thí về Vô Thượng Bồ Đề, nên được đầy đủ Thiên Ba-la-mật; biết rõ người cho, người nhận, và tài vật cho đều bất khả đắc, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

- Khi trì giới, Bồ tát thọ đầy đủ các thiên giới, đầy đủ 8 thánh đạo, đầy đủ 3 luật nghi giới, gồm có thiên định luật nghi giới, vô lậu luật nghi giới và nhiều ích hữu tình luật nghi giới. Bồ tát trú trong các giới này mà bố thí vô úy cho

chúng sanh, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Khi trì giới, Bồ tát tinh tấn diệt trừ các phiền não, chẳng để cho “tham, sân, si” dậy khởi, nên dù có người đến mắng nhiếc, đánh đập v.v..., chẳng hề sân giận, dù cực nhọc bao nhiêu cũng chẳng hề thối tâm, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát phân biệt rõ các giới tướng có trọng, có khinh, có ngăn che, có khai mở, nhưng vẫn thường tinh tấn y như giới mà hành trì, dẫn đến khi có phạm giới là liền sám hối để được tiêu tội nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Khi trì giới như vậy, Bồ tát chẳng cầu phước báo cõi trời và cõi người, chẳng cầu Niết Bàn Tiểu thừa, mà chỉ trì giới cầu Bồ tát đạo, trì giới cầu Phật đạo, và thường tu tập 5 Ba-la-mật khác, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Khi trì giới, Bồ tát chẳng hề ly các thiền định. Do trì giới mà phá được các phiền não, điều phục được tâm, nên Bồ tát cầu thiền định lạc, xả ly thế gian lạc, nhiếp tâm trừ các việc phá giới ở “thân, khẩu, ý”, trừ 3 ác giác quán và 3 tế giác quán, nên được đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Lại nữa, khi trì giới, Bồ tát biết rõ hết thấy pháp đều do nhân duyên sanh, chẳng có tự tại, biết rõ trì giới cũng như phá giới đều là tự tướng không, chẳng nên trú chấp, nên được đầy đủ trí huệ Bát nhã Ba-la-mật.

- Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát tự nghĩ rằng, “Nếu có chúng sanh đến sát hại ta, ta vẫn chẳng sanh sân giận. Vì chúng sanh mà ta thọ thân này; nay chúng sanh đến đòi lại thân này, ta chẳng nên luyến tiếc”; lại tự nghĩ rằng, “Ta phải vì chúng sanh thuyết pháp phân biệt cho họ biết rõ pháp thế gian và pháp Niết Bàn, khiến họ an trú được trong 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến được vô sanh pháp nhẫn”. Bồ tát hành đầy đủ chúng sanh nhẫn và pháp nhẫn như vậy, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Khi hành nhẫn nhục, Bồ tát chẳng gây phiền não cho chúng sanh, mà trái lại từ bi thương xót chúng

sanh, dùng các thiện pháp an lập chúng sanh, nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật. Bồ tát an trú trong nhẫn nhục, thường tinh tấn hành các Ba-la-mật khác, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật; lại được tâm nhu nhuyễn, xả ly 5 dục, chẳng sanh cao tâm, tự xem mình như mặt đất để chúng sanh giẫm đạp lên, thường nhiếp tâm trong định, chẳng tán loạn, nên được đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Do hành nhẫn nhục như vậy, Bồ tát nhẫn thọ được các việc làm ác của chúng sanh, cũng nhẫn thọ được hết thấy các pháp thậm thâm, vào được thật tướng pháp, được vô sanh pháp nhẫn, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

- Bồ tát an trú trong tinh tấn, thường hành bố thí, chẳng bao giờ xa rời tài thí, pháp thí và vô úy thí để làm lợi ích cho chúng sanh nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Bồ tát tinh tấn hành chánh nghiệp, chẳng sanh tâm Nhị thừa nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật. Khi hành tinh tấn như vậy, nếu có người đến phá hoại tâm Đại thừa của mình, Bồ tát vẫn nhẫn nại, chẳng thôi tâm, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát tinh tấn hành tất cả các pháp mà tâm chẳng tán loạn, thường nhất tâm niệm nhất thiết chủng trí, nên được đầy đủ Thiền Ba-la-mật. Dù giữ thân tâm thường tinh tấn như vậy, mà Bồ tát chẳng chấp 2 tướng thân tâm tinh tấn đó, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

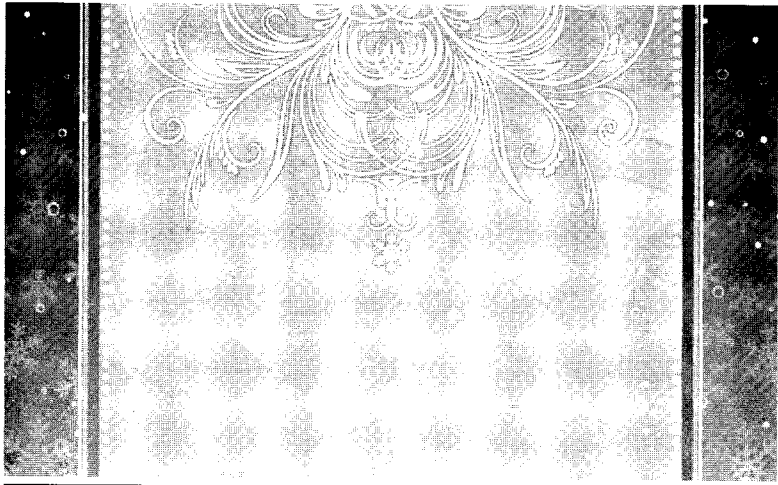
- Bồ tát an trú trong thiên định, được tâm thanh tịnh, phát đại từ bi, bố thí tài vật cho chúng sanh khiến họ được sung mãn, hành vô úy thí khiến chúng sanh được an ổn, lại vì chúng sanh khắp 10 phương thuyết pháp, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Bồ tát vào thiên định được tâm nhu nhuyễn, an lạc, nên được đầy đủ trì giới Ba-la-mật; lại thâm nhập pháp không, thường nhẫn thọ các pháp, chẳng nghi, chẳng hối, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát từ trong thiên định, thường khởi các tam muội, nên được đầy đủ tinh

tân Ba-la-mật. Do thiên định mà được tâm thanh tịnh, chẳng động, thường vào nơi thật tướng pháp, nên được đầy đủ trí huệ Ba-la-mật.

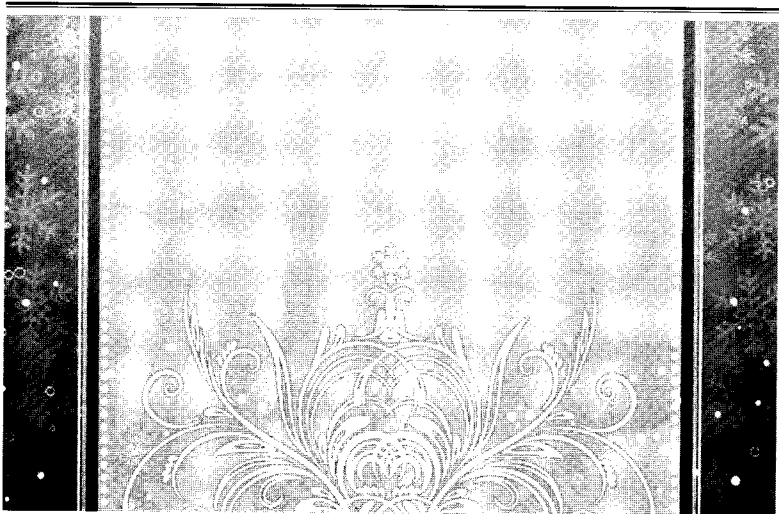
- Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, quán 3 tướng bố thí đồng như tướng hư không, như tướng Vô Thượng Bồ Đề, diệt được các hý luận về hữu vô, về phi hữu phi vô, nên được đầy đủ bố thí Ba-la-mật. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được tâm thanh tịnh, tinh tấn, bất động, lại do quán các pháp đều là như huyễn, như mộng mà chẳng vào Niết Bàn, nên được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật. Do được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, mà vào sâu trong nhẫn pháp, Bồ tát vẫn thường giữ được tâm thanh tịnh, nên được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được vô ngại ra vào các thiên định, nhưng chẳng đắm chấp thiên vị, mà thường hóa độ chúng sanh, nên được đầy đủ Thiên Ba-la-mật.

Nói tóm lại, do Bồ tát có đầy đủ lực trí huệ như vậy, nên ở trong một niệm, đồng thời cũng được đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật.

(Hết quyển 81)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 82



Phẩm Thứ Sáu Mười Chín



Đại phương tiện
(Phương Tiệm Lớn)

KINH:

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phát tâm trong bao nhiêu lâu mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phát tâm trải qua vô lượng a tăng kỳ kiếp mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy đã cúng dường bao nhiêu đức Phật mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát ấy đã cúng dường hằng sa đức Phật mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát ấy đã gieo trồng thiện căn như thế nào, mới thành tựu được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm đến nay, Bồ tát ấy đã gieo trồng thiện căn nơi Đàn Ba-la-mật, nơi Thi la Ba-la-mật, nơi Săn đề Ba-la-mật, nơi Tỳ lê gia Ba-la-mật, nơi Thiên Ba-la-mật, nơi Bát nhã Ba-la-mật mới thành tựu đầy đủ các lực phương tiện như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát thành tựu được các lực phương tiện như vậy là rất ít có.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu được các lực phương tiện như vậy thật là rất ít có.

Này Tu Bồ Đề! Ví như mặt trời, mặt trăng chiếu ánh sáng khắp 4 châu thiên hạ, đem lại nhiều sự lợi ích cho chúng sanh. Bát nhã Ba-la-mật, cũng như vậy, soi chiếu 5 Ba-la-mật kia, đem lại nhiều sự lợi ích cho chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Ví như vị Chuyển luân thánh vương có luân bảo mới được gọi là Chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, nếu ly Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng được gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người phụ nữ chẳng có chồng rất dễ bị xâm phạm. Cũng như vậy, nếu ly Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia rất dễ bị các thiên ma phá hoại. Ví như người phụ nữ có chồng rất khó bị xâm phạm. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, nếu được Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì thiên ma chẳng có thể phá hoại được.

Này Tu Bồ Đề! Ví như một nước có binh hùng, tướng mạnh, có vũ khí đầy đủ, thì các nước láng giềng cường địch chẳng dám xâm lăng. Cũng như vậy, nếu 5 Ba-la-mật kia trọn chẳng ly Bát nhã Ba-la-mật, thì các thiên ma, các kẻ tăng thượng mạn chẳng sao có thể phá hoại được.

Này Tu Bồ Đề! Ví như các tiểu vương thường châu hầu vị Chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia đều tùy thuận theo Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nước từ các dòng sông đều chảy dồn vào biển lớn. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia,

được Bát nhã Ba-la-mật thủ hộ, đều đến được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người làm việc bằng tay phải, được thuận lợi hơn người làm việc bằng tay trái. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật có lực phương tiện thù thắng hơn các Ba-la-mật kia.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nước từ nhiều dòng sông, khi đã vào biển lớn rồi, đều chỉ còn 1 vị. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, được Bát nhã Ba-la-mật đưa đến Nhất thiết chủng trí rồi, thì cùng với Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sai khác.

Này Tu Bồ Đề! Ví như vị Chuyển luân thánh vương, ngự trên luân bảo, dẫn đạo 4 binh chủng. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật dẫn 5 đạo Ba-la-mật kia đến Nhất thiết chủng trí. Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, mà chẳng phân biệt có các Ba-la-mật kia tùy tùng theo. Vì sao? Vì tánh của Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có chỗ năng tác; tự tánh của Bát nhã Ba-la-mật là không, là như huyễn.

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tự tánh không, thì làm sao Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, mà có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành 6 pháp Ba-la-mật, Bồ tát tự nghĩ rằng, “Tâm thể gian điên đảo. Nếu ta chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, thì ta chẳng có thể độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử. Ta phải vì chúng sanh mà hành 6 pháp Ba-la-mật”.

Bồ tát vì chúng sanh xả hết thấy các nội ngoại vật sở hữu. Khi hành xả, Bồ tát tự nghĩ rằng, “Hết thấy các vật

đều tán hoại, nên ta chẳng có gì mà xả vậy”. Suy nghĩ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng phá giới, tự nghĩ rằng, “Ta vì chúng sanh mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm. Ta chẳng nên phá giới, chẳng nên sát sanh, chẳng nên tà kiến, chẳng nên tham trước Nhị thừa địa”. Suy nghĩ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ trì giới Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng sanh tâm sân hận, dù chỉ trong 1 niệm, tự nghĩ rằng, “Ta vì lợi ích chúng sanh mà phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, vì sao ta lại sân hận?”. Suy nghĩ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ nhẫn nhục Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng sanh tâm giải đãi. Do tinh tấn như vậy nên Bồ tát được đầy đủ tinh tấn Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh trọn chẳng sanh tâm tán loạn. Do nhiếp tâm như vậy nên Bồ tát được đầy đủ Thiền Ba-la-mật.

Bồ tát vì chúng sanh, từ khi sơ phát tâm cho đến khi được Vô Thượng Bồ Đề, trọn chẳng ly tu trí huệ. Vì sao? Vì nếu chẳng tu trí huệ thì chẳng có thể độ thoát chúng sanh. Do tu trí huệ như vậy, nên Bồ tát được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các Ba-la-mật đều chẳng có tướng sai khác nhau, thì như vậy vì sao nói, “Trong 6 Ba-la-mật, Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu, là tối thượng, đệ nhất?”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các Ba-la-mật tuy chẳng có tướng sai khác, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng thể được gọi là Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như các loài chim có sắc lông sai khác nhau, nhưng khi vào đến bên núi Tu Di, thì đều trở thành đồng một màu sắc với nhau. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo đều đến được Nhất thiết chủng trí. Khi đến Nhất thiết chủng trí rồi, thì cả 6 Ba-la-mật, từ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật đều đồng như nhau, chẳng có sai khác, chẳng có phân biệt. Vì sao? Vì các Ba-la-mật, đều chẳng có tự tánh, nên là chẳng có sai biệt.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu y theo thật nghĩa là chẳng có phân biệt. Như vậy, vì sao so với 5 Ba-la-mật kia, Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu tối thượng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đúng như vậy, đúng như vậy! Dù y theo thật nghĩa là chẳng có phân biệt, nhưng y theo thế tục nên nói ra 6 pháp Ba-la-mật. Đó là vì muốn độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử, mà thật ra chúng sanh là chẳng sanh, chẳng khởi.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh là vô sở hữu, nên hết thấy pháp cũng là vô sở hữu. Bởi nhân duyên vậy, nên Bát nhã Ba-la-mật so với 5 Ba-la-mật kia là vi diệu, tối thượng.

Này Tu Bồ Đề! Ví như trong cõi Diêm phù đề, thì trong hàng phụ nữ, Ngọc nữ là tối diệu, tối thượng. Cũng như vậy, trong tất cả 6 Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là tối diệu, tối thượng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do ý gì mà Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là tối diệu, tối thượng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thấy các thiện pháp, đưa đến Nhất thiết chủng trí; trú trong đó mà chẳng trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật có pháp có thể thủ (khả thủ), có thể xả (khả xả) chăng?

Phật dạy: Chẳng phải vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp có thể thủ, có thể xả. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều chẳng thủ (bất thủ), chẳng xả (bất xả).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật ở nơi những pháp nào, chẳng thủ, chẳng xả?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật ở nơi sắc, chẳng thủ, chẳng xả, ... dẫn đến ở nơi Vô Thượng Bồ Đề, chẳng thủ, chẳng xả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ sắc... dẫn đến chẳng thủ Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề gọi là Bồ tát chẳng thủ sắc... dẫn đến chẳng thủ Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề, thì làm sao tăng trưởng được thiện căn? Làm sao được đầy đủ các Ba-la-mật? Làm sao được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề là tăng trưởng thiện căn. Do tăng trưởng thiện căn nên được đầy đủ các pháp Ba-la-mật. Do đầy đủ các pháp Ba-la-mật, nên được Vô Thượng Bồ Đề! Vì sao? Vì chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề, thì lúc đó mới chính là được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao ngay lúc chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm Vô Thượng Bồ Đề là liền được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì có niệm là còn chấp 3 cõi, chẳng niệm là chẳng có chỗ chấp trước. Vậy nên, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng nên có chỗ chấp trước.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì Bồ tát an trú ở chỗ nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chẳng trú sắc, ... dẫn đến chẳng trú Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát chẳng trú sắc, ... dẫn đến chẳng trú Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Do chẳng chấp trước, nên chẳng trú. Vì sao? Vì Bồ tát chẳng thấy có pháp để chấp (khả chấp), có pháp để trú (khả trú). Vậy nên Bồ tát ở nơi các pháp chẳng có chấp, chẳng có trú mà hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát dấy niệm, “Hành như vậy, tu như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay ta hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, ta tu Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì đó là có chấp tướng, nên là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Nếu xa lìa Bát nhã Ba-la-mật, thì xa lìa 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến xa lìa Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có chỗ chấp, là tự tánh không. Nếu Bồ tát chấp tướng như vậy, thì ở nơi Bát nhã Ba-la-mật đã thối chuyển. Nếu thối chuyển nơi Bát nhã Ba-la-mật, thì cũng thối chuyển nơi Vô Thượng Bồ Đề, nên chẳng được thọ ký.

Nếu Bồ tát dấy niệm, “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật có thể sanh 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến có thể sanh đại bi”, thì như vậy là đánh mất Bát nhã Ba-la-mật. Do đánh mất Bát nhã Ba-la-mật, nên chẳng thể sanh 5 Ba-la-mật kia... dẫn đến chẳng thể sanh đại bi vậy.

Nếu Bồ tát dấy niệm, “Chư Phật biết các pháp mà chẳng thọ, chẳng tưởng, nên được Vô Thượng Bồ Đề”, rồi diễn nói, khai thị, giáo hóa như vậy, thì cũng là đánh mất Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì ở nơi các pháp, chư Phật chẳng có chỗ biết (vô sở tri), chẳng có chỗ được (vô sở đắc), chẳng có chỗ thuyết (vô sở thuyết), huống nữa là có chỗ được (hữu sở đắc). Chẳng thể nào như vậy được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào để chẳng phạm các lỗi lầm như vậy?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà tự nghĩ rằng, “Các pháp là vô sở hữu, nên chẳng thể chấp. Nếu các pháp là vô sở hữu, là chẳng thể chấp, nên cũng là chẳng thể được”, thì như vậy là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu Bồ tát còn chấp pháp vô sở hữu, là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp để chấp, cũng chẳng có sự chấp pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật xa lìa Bát nhã Ba-la-mật chẳng? Đàn Ba-la-mật xa lìa Đàn Ba-la-mật chẳng? Dẫn đến Nhất thiết chủng trí xa lìa Nhất thiết chủng trí chẳng?

Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật xa lìa Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí xa lìa Nhất

thiết chủng trí, thì làm sao Bồ tát được Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm sắc, chẳng niệm sắc ấy là gì... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là gì, và ai được Nhất thiết chủng trí. Như vậy là Bồ tát thường sanh Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến thường sanh Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy sắc là thường hay là vô thường, là khổ hay là lạc, là ngã hay là vô ngã, là không hay là bất không, là ly hay là phi ly. Vì sao? Vì tự tánh chẳng sanh được tự tánh.

Dẫn đến đối với Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, mà quán sắc... dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí như vậy, thì thường sanh được Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến thường sanh được Nhất thiết chủng trí.

Ví như Chuyển luân thánh vương đi đến đâu, thì 4 binh chủng đều tháp tùng theo. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật đến đâu, thì 5 Ba-la-mật kia cũng tùy tùng theo. 5 Ba-la-mật kia theo Bát nhã Ba-la-mật vào trong Nhất thiết chủng trí, và an trú nơi đây.

Ví như người đánh xe giỏi, đánh cỗ xe “tứ mã” đi suốt lộ trình mà chẳng bao giờ bị mất hướng, tùy ý đi thẳng đến đích. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật dẫn 5 Ba-la-mật kia thẳng đến Nhất thiết chủng trí, chẳng bao giờ mất chánh đạo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là “đạo” và thế nào gọi là “phi đạo” của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo là phi đạo của Bồ tát. Nhất thiết chủng trí là đạo của Bồ tát. Đó là “đạo” và “phi đạo” của Bồ tát Ma ha tát.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư đại Bồ tát, vì sự đại nhân duyên, mà phát khởi Bát nhã Ba-la-mật. Như vậy, đó có phải là khai thị và phân biệt rõ “đạo” và “phi đạo” chăng?

Phật dạy : Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật, vì đại sự nhân duyên, nên khởi. Đó là khai thị và phân biệt “đạo” và “phi đạo”.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật, vì độ vô lượng chúng sanh nên khởi; vì lợi ích vô lượng chúng sanh nên khởi. Bát nhã Ba-la-mật tuy làm lợi ích chúng sanh, nhưng chẳng thọ sắc... dẫn đến chẳng thọ thức; cũng chẳng thọ Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật vì chư Bồ tát chỉ bày đường dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Khiến xa lìa được Thanh Văn địa và Bích Chi Phật địa, mà an trú trong Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt, là các pháp thường trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt, thì vì sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật lại phải tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát niệm Nhất thiết chủng trí, phải tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ rồi đem hết thầy công đức đó để cùng với hết thầy chúng sanh, đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Như

vậy là đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ tâm từ bi cùng các công đức khác.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát chẳng xa lìa 6 pháp Ba-la-mật, thì chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên muốn được Vô Thượng Bồ Đề, Bồ tát phải học và phải hành 6 pháp Ba-la-mật.

Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật mới được đầy đủ các thiện căn, dẫn đến sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Bởi vậy nên Bồ tát phải tập hành 6 pháp Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải tập hành 6 pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải quán sắc chẳng hợp, chẳng tan; quán “thọ, tướng, hành, thức” chẳng hợp, chẳng tan; dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí chẳng hợp, chẳng tan. Như vậy là Bồ tát tập hành 6 pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải nên tự niệm rằng, “Ta chẳng nên trú trong sắc, chẳng nên trú trong “thọ, tướng, hành, thức”... dẫn đến chẳng nên trú trong Nhất thiết chủng trí”. Như vậy là Bồ tát tập hành 6 pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc chẳng có chỗ trú... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng có chỗ trú. Bồ tát dụng “vô sở trú pháp” để tập hành 6 pháp Ba-la-mật, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như có người muốn ăn trái am la hoặc trái ba la na, thì phải ương hạt, tùy thời bón phân, tưới nước, chăm sóc mãi như vậy cho đến khi cây cao lớn mới có được quả ăn được. Cũng như vậy, Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải học 6 pháp Ba-la-mật, phải dùng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định để nhiếp độ chúng sanh, độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

Tập hành 6 pháp Ba-la-mật như vậy sẽ mau được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn chẳng tùy theo lời người khác, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật; muốn thanh tịnh Phật độ, muốn thành tựu chúng sanh, muốn tọa đạo tràng, muốn chuyển pháp luân, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát muốn được tự tại ở nơi hết thảy các pháp, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì được Bát nhã Ba-la-mật, thì ở nơi hết thảy các pháp đều tự tại.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Trong hết thảy các pháp, Bát nhã Ba-la-mật là tối đại. Ví như biển lớn dung chứa các nguồn nước từ nhiều dòng sông chảy về, là tối đại. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật dung nhiếp hết thảy các pháp, là tối đại.

Bởi vậy nên người muốn cầu Thanh Văn đạo, muốn cầu Bích Chi Phật đạo... dẫn đến muốn cầu Bồ tát đạo, đều phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Này Tu Bồ Đề! Ví như nhà thiện xạ điều khiển cung tên như ý muốn, nên chẳng sợ kẻ thù. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, thẳng đến Nhất thiết chủng trí, chẳng còn bị các ma phá hoại nữa.

Bởi vậy nên, Bồ tát muốn được Vô Thượng Bồ Đề, phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật được chư Phật trong khắp 10 phương hộ niệm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào, mà được chư Phật 10 phương thường hộ niệm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật được chư Phật trong khắp 10 phương hộ niệm, vì hành bố thí mà chẳng đắc bố thí, hành trì giới, nhẫn

nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ v.v... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí mà chẳng đắc. Do Bồ tát được hết thấy pháp bất khả đắc như vậy, nên được chư Phật trong 10 phương thường hộ niệm.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật chẳng niệm sắc, chẳng niệm “thọ, tướng, hành, thức”... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư Bồ tát học rất nhiều mà thật chẳng có chỗ học vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát học rất nhiều, mà chẳng có chỗ học. Vì sao? Vì chỗ học của Bồ tát là chỗ học các pháp đều bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chư Phật khi thuyết pháp, dù rộng thuyết, dù lược thuyết, đều dạy Bồ tát “Muốn cầu Vô Thượng Bồ Đề, phải học 6 pháp Ba-la-mật”; dù rộng thuyết, dù lược thuyết, đều dạy Bồ tát phải thọ trì, thân cận, đọc tụng 6 pháp Ba-la-mật, rồi phải tư duy, chánh quán, chẳng để các tâm và tâm sở pháp hiện hành.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Dù thuyết rộng hay thuyết hẹp, thì Bồ tát học 6 pháp Ba-la-mật đều phải biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát phải làm thế nào để biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Biết sắc là như tướng, biết “thọ, tướng, hành, thức” là như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là như tướng, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào

gọi là sắc như tướng... dẫn đến thế nào gọi là Nhất thiết chủng trí như tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc như tướng là sắc chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng là Nhất thiết chủng trí chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt.

Đây là sắc như tướng... dẫn đến Nhất thiết chủng trí như tướng, Bồ tát phải như vậy mà học.

Lại nữa, Bồ tát biết thật tế của hết thấy các pháp, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thật tế của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Vô tế” là “thật tế”. Bồ tát học “vô tế” như vậy, nên biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Lại nữa, Bồ tát biết pháp tánh của hết thấy các pháp, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là pháp tánh của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc tánh gọi là pháp tánh. Tánh ấy chẳng phân (vô phân), cũng chẳng phải chẳng phân (vô phi phân). Do biết pháp tánh, mà Bồ tát biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát lại còn phải làm thế nào để biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát lại phải biết hết thấy các pháp là chẳng hẹp, chẳng tan.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì chẳng hợp, chẳng tan.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc chẳng hợp, chẳng tan, “thọ, tướng, hành, thức” chẳng hợp, chẳng tan... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng hợp, chẳng tan; hữu vi tánh chẳng hợp, chẳng tan,... dẫn đến vô vi tánh chẳng hợp chẳng tan. Vì sao? Vì các pháp đều là tự tánh không, nên là chẳng hợp, chẳng tan.

Nếu các pháp là tự tánh không, thì tức là “phi pháp”; vì là chẳng phải pháp, nên là chẳng hợp, chẳng tan. Như vậy, gọi là biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy gọi là Bồ tát lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật.

Bạch Thế Tôn! Bồ tát sơ phát tâm phải học lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật như vậy... dẫn đến Bồ tát thập địa cũng phải học lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật như vậy. Bồ tát học lược nhiếp Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên biết các tướng rộng, hẹp của hết thấy các pháp.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nghe nói Bồ tát có căn tướng thông lợi, khiến trú nơi 1 Ba-la-mật có thể được đầy đủ cả 5 Ba-la-mật kia là việc rất hy hữu, nên bạch Phật: Bồ tát phát tâm trong bao nhiêu lâu mới được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Ngoại trừ các bậc đại Bồ tát, các Bồ tát khác phát tâm trong vô lượng kiếp, mới có được đầy đủ các lực phương tiện như vậy. Vì từ sơ phát tâm trở về sau, Bồ tát còn bị nhiều tội lỗi ngăn che tâm tánh, khiến chẳng thấy các đức Phật, chẳng thân cận, cúng dường các đức Phật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Bồ tát đã cúng dường bao nhiêu đức Phật, mới có được các lực phương tiện như vậy?

Phật dạy: Bồ tát đã cúng dường hằng sa đức Phật. Có Bồ tát đã cúng dường nhiều đức Phật, dù chưa phát tâm tu, chưa trông thiện căn mà nghĩ rằng, “Ta thâm hành 6 pháp Ba-la-mật, ắt sẽ được quả báo lành, vì thâm hành 6 pháp Ba-la-mật là con đường dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Làm được công đức như vậy cũng gọi là trông thiện căn rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Bồ tát đã trông thiện căn như thế nào?

Phật dạy: Từ khi sơ phát tâm cho đến nay, Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, hành tất cả các phước đức, tu tập hết thầy các thiện pháp.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy, bạch Phật: Thật là hy hữu. Bồ Tát hành pháp như vậy được đại lực phương tiện; dù chưa đoạn sạch phiền não, chưa ra khỏi các đường sanh tử, mà đã được xem như đã đoạn sạch phiền não, đã thoát ly sanh tử. Từ vô thi đến nay, nếu đã làm các ác pháp gì, thì hậu tâm của Bồ tát chẳng làm nữa, lại chẳng còn tùy tập các ác tâm nữa. Thật là hy hữu. Dù chúng sanh vô ơn, Bồ tát vẫn thường làm lợi ích cho họ; dù chúng sanh muốn đến sát hại, Bồ tát vẫn dùng mọi phương tiện để đem lại phước lạc và trí huệ cho họ. Các việc làm như vật thật là hy hữu.

Phật ẩn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề, và nêu lên các thí dụ sau đây để làm sáng tỏ vấn đề thêm nữa:

- Mặt trăng và mặt trời tỏa ánh sáng, chiếu khắp 4 châu thiên hạ. Nếu chẳng có mặt trăng, mặt trời, thì vạn vật sẽ chẳng có thể sanh trưởng được. Có mặt trăng cho âm khí, có mặt trời cho dương khí, thì vạn vật mới sanh trưởng được. Lợi ích của Bồ tát đối với hết thầy chúng sanh cũng là như

vậy. Bồ tát dùng tâm đại bi, thương xót tất cả các loài chúng sanh, nên phát nguyện hành hết thảy các thiện pháp, lại dùng đại trí huệ, đem 6 pháp Ba-la-mật gieo vào lòng chúng sanh, khiến các thiện pháp được tăng trưởng, dẫn chúng sanh thẳng đến Vô Thượng Bồ Đề.

- Chúng sanh tuy có đôi mắt sáng, nhưng nếu chẳng có ánh sáng của mặt trăng, mặt trời, thì chẳng có thể thấy được gì cả. Cũng như vậy, chúng sanh, dù có thể trí biện thông, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, thì đến quả Nhị thừa còn chẳng được, huống nữa là được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát tuy có hành 5 Ba-la-mật kia, nhưng nếu chẳng có được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật Ba-la-mật, thì chẳng thể gọi là hành các Ba-la-mật. Vì sao? Vì nếu chẳng phá được sự chấp tâm, chẳng được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì dù có đem thân mạng ra bố thí, thì tâm bố thí đó cũng bị phá hoại. Ví như người phụ nữ chẳng có chồng rất dễ bị xâm phạm. Trái lại, nếu được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì tâm bố thí đó chẳng thể bị phá hoại. Cho nên, dù Bồ tát có tu tập các thiện pháp, mà nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì chẳng thể gọi là hành các Ba-la-mật, mà chỉ được gọi là hành các thiện pháp mà thôi.

Ví như vị chuyển luân thánh vương thường có 8 vạn 4 ngàn vị tiểu vương châu hầu, có đầy đủ 7 báu^{*}, lại thường ngự trên kim luân bảo do các thiên vương dâng hiến, đi khắp

*. Bảy báu (Thất bảo) nói đây là 7 thứ quý báu nhất của vị chuyển luân thánh vương, gồm: 1) Luân bảo, còn gọi là kim luân bảo, là cỗ xe quý bằng vàng ròng. 2) Tượng bảo là con voi quý. 3) Mã bảo là con ngựa quý. 4) Nữ bảo là người đàn bà đẹp nhất được chọn làm vị hoàng hậu. 5) Bảo ma ni châu là viên ngọc quý. 6) Chủ tàng thần là vị quan giữ kho báu. 7) Chủ binh thần là vị quan thống lãnh các binh chủng.

4 châu thiên hạ, mới được gọi là chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, Bồ tát tuy hành các thiện pháp, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, thì chẳng thể gọi là hành các Ba-la-mật được. Vì sao? Vì Bồ tát ấy chẳng có thể trừ được các chướng ngại, nên chẳng hành Bồ tát đạo được.

Ví như 1 nước có binh hùng, tướng mạnh, có đầy đủ vũ khí, thì các nước láng giềng chẳng thể xâm chiếm được. Cũng như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, được lực Bát nhã Ba-la-mật hộ trì, thì các loài ma chẳng thể phá hoại được.

- Lại ví như nước từ nhiều dòng sông, khi đã chảy vào biển lớn chỉ còn một vị mặn. Cũng như vậy, 5 Ba-la-mật kia, khi đã được Bát nhã Ba-la-mật đưa vào Nhất thiết chủng trí, cùng với Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sai khác nữa.

Tóm lại, người tu 5 Ba-la-mật kia phải được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật soi sáng, dẫn đạo, mới đến được Nhất thiết chủng trí vậy.

-o0o-

Chỉ có những hạng người chưa được thánh đạo mới thường hủy báng Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Những hạng người này dù có hành thiện pháp, nhưng tâm chẳng cùng Bát nhã Ba-la-mật tương ưng; họ thấy ác ma đến thọ ký, tin theo lời ác ma, nên khởi tâm kiêu mạn, khinh khi các người khác. Đây là trường hợp các ngoại đạo phạm chí, các Bồ tát tăng thượng mạn.

Những hạng người này chẳng hành được thật tướng pháp, chẳng nên vì họ thuyết về bố thí, mà nên khuyên họ hành “bình đẳng pháp”, là cửa ban đầu để nhập vào Bát nhã Ba-la-mật.

Còn đối với người độn căn, hoặc đã có phạm trọng tội, thì nên dạy họ hành bố thí để phá xan tham, hành trì giới để phá

phiền não, hành nhẫn nhục để khai phước đức, hành tinh tấn như gió thổi lửa cháy để tiêu trừ giải đãi, hành thiền định để nhiếp tâm quán thật các tướng pháp.

Hỏi: Vì sao nói 5 Ba-la-mật kia phải được Bát nhã Ba-la-mật thủ hộ mới vào được Nhất thiết chủng trí?

Đáp: Trước đây đã nói rằng Bát nhã Ba-la-mật có rất nhiều tên. Ví như Tát Bà Nhã, Nhất Thiết Chủng Trí... là những tên khác của Bát nhã Ba-la-mật.

Tu 5 Ba-la-mật kia là tu phước đức; tu Bát nhã Ba-la-mật là tu trí huệ. Được thanh tịnh Bát nhã Ba-la-mật là vào được Phật đạo. Nơi đây, Bát nhã Ba-la-mật đổi tên là Tát Bà Nhã, hay là Nhất Thiết Chủng Trí.

-o0o-

Ở đoạn kinh trên đây có nêu lên nhiều thí dụ cho thấy vai trò dẫn đạo của Bát nhã Ba-la-mật:

- Người dùng tay phải làm các công việc được nhiều thuận lợi hơn người dùng tay trái, dụ cho người tu có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật thù thắng hơn người tu mà chẳng có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

- Người có mắt sáng thành tựu dễ dàng các công việc, dụ cho người tu có được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật soi sáng có thể thành tựu được các công đức.

- Vị Chuyển luân thánh vương trên luân bảo dẫn đạo 4 binh chủng, dụ cho Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo 5 Ba-la-mật kia, phá tan giấc phiền não, thẳng đường đến Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Vào trong Bát nhã Ba-la-mật rồi, thì chẳng còn có phân biệt, chẳng còn có thương ghét, vì Bát nhã Ba-la-mật là vô phân biệt.

Nơi đây, Phật nói lên các nhân duyên rằng, “Hết thấy các pháp đều là tánh không, là vô sở hữu”.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy như vậy, bèn hỏi Phật: Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu, thì làm sao Bồ tát tu 6 pháp Ba-la-mật mà vào được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là hành rốt ráo không. Vì chúng sanh chẳng biết như vậy, nên sanh tâm chấp đắm. Do vậy mà Bồ tát tự niệm rằng: “Nếu chẳng dùng lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng sao độ thoát được chúng sanh.”

Lực phương tiện, nói ở đây, bao gồm sắc thân của Bồ tát, các pháp môn mà Bồ tát tu tập như: 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, cùng vô lượng Phật pháp khác. Bồ tát có được các lực phương tiện như vậy, mới giáo hóa chúng sanh, khiến họ sanh tâm tín thọ. Người có đầy đủ các lực phương tiện như trên, thì hết thấy lời nói ra đều được chúng sanh tín thọ.

Chư Phật và chư đại Bồ tát biết rõ thật tướng pháp tức là Niết Bàn tướng, nhưng vì lợi ích chúng sanh, mà các ngài phải hành đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật để hóa độ chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật: Nếu các pháp là rốt ráo không, thì là chẳng có sai khác nhau. Như vậy vì sao nói trong các Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu, tối đại?

Phật dạy: Trong rốt ráo không, thì các Ba-la-mật chẳng có khác biệt nhau, nhưng nếu chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, thì 5 Ba-la-mật kia chẳng thể được gọi là Ba-la-mật. Chỉ khi nào

được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, đưa đến Nhất thiết chủng trí rồi, thì 5 Ba-la-mật kia mới cùng với Bát nhã Ba-la-mật chẳng còn sai khác nữa. Bởi vậy nên nói “Bát nhã Ba-la-mật là vi diệu, tối đại”.

Ngài Tu Bồ Đề muốn được Phật giải thêm, nên lại hỏi: Theo như thật nghĩa, thì chẳng có sai khác; vì sao nói trong các Ba-la-mật, thì Bát nhã Ba-la-mật là hơn hết? Người chưa vào được thánh đạo “không”, thì thấy có sai khác. Nay đã vào được thánh đạo “không” rồi, thì ở nơi đệ nhất nghĩa, thánh đạo “không” là tối thượng. Người đã tin được như vậy, thì chẳng thấy có sai khác vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Sở dĩ nói có 6 Ba-la-mật, thì đó là dùng thế trí để phân biệt nói ra. Vì sao? Vì người đời chẳng thể hiểu được thật tướng pháp, nếu nghe nói về thật tướng pháp, thì họ sẽ càng thêm mê muội, càng thêm nghi hời. Nếu dùng thế đế, dùng ngôn ngữ thế gian, thì phải phân biệt nói có 6 pháp Ba-la-mật để giáo hóa chúng sanh; nhưng nếu dùng Đệ nhất nghĩa đế, thì chúng sanh vốn là không, các pháp cũng vốn là không, nên đều là chẳng có sanh, chẳng có khởi. Bát nhã Ba-la-mật tuy là không mà thường khai thị các pháp như vậy nên là đệ nhất, vi diệu, tối thượng trong các Ba-la-mật. Cũng như trong hàng phụ nữ, thì Ngọc nữ là đệ nhất, vi diệu, tối thượng.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Do ý gì mà Phật nói Bát nhã Ba-la-mật là tối diệu, tối thượng?

Phật dạy: Vì Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy các thiện pháp, dẫn đến Nhất thiết chủng trí, và trú trong đó, mà chẳng trú vậy. Vì sao? Vì hết thảy các pháp đều là không, Nhất thiết chủng trí là không, nhưng nhờ có Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, mà 5 Ba-la-mật kia đều đến được Nhất thiết chủng trí vậy.

Hỏi: *Hành các thiện pháp là có thể đến được Nhất thiết chủng trí, vì sao nói chỉ có Bát nhã Ba-la-mật mới là điều pháp dẫn đến Nhất thiết chủng trí?*

Đáp: Tuy nói dẹp phá được các phiền não là vào được Vô Thượng Bồ Đề, nhưng phải biết rằng trong sự dẹp phá phiền não này, thì công sức của trí huệ là tối đại. Ví như đại quân phải nhờ có sự chỉ huy sáng suốt của vị chủ tướng, thì mới thắng được quân giặc.

Như có thuyết nói, “Nếu chẳng được Bát nhã Ba-la-mật dẫn đạo, thì các thiện pháp chẳng sao đến được Nhất thiết chủng trí; còn Bát Nhã riêng một mình vẫn có thể thẳng đến Nhất thiết chủng trí.”

Hỏi: *Trong kinh có nói, “Ở cõi nước của đức Phật Sư Tử Lô Ím, có các cây báu trang nghiêm, thường phát ra vô lượng âm thanh thắng diệu, nói lên các nghĩa về không, về vô sanh, về vô diệt v.v... của hết thảy các pháp”. Đây là nói nhân duyên các chúng sanh ở cõi nước ấy, từ khi mới sanh ra đời chẳng hề khởi ác tâm; khi nghe được các âm thanh đó là liền được vô sanh pháp nhẫn. Tất cả các chúng sanh ở cõi nước ấy chẳng cần tu các thiện pháp, chẳng cần bố thí, trì giới v.v... mà vẫn được đạo.*

Lại nữa, có những người cuồng si, những người say rượu v.v... chỉ theo Phật nghe thuyết về 4 thánh đế, mà tức thời được đạo.

Như vậy vì sao chẳng nói đến các trường hợp này?

Đáp: Các trường hợp nêu trên đây chẳng phải là các trường hợp được đạo của hàng Bồ tát.

Mẫu đối thoại sau đây giữa ngài Tu Bồ Đề và Phật sẽ giải thích rõ về nghi vấn này.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo không, chẳng chấp thánh pháp, cũng chẳng xả phàm phu pháp. Như vậy vì sao lại nói Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy các thiện pháp, đưa hết thảy các thiện pháp đến an trú trong Nhất thiết chủng trí; trú trong đó, mà chẳng có trú?

Phật dạy: Đúng như vậy. Bát nhã Ba-la-mật chẳng thủ các pháp, cũng chẳng xả các pháp. Đó là nghĩa. “Tuy rằng Bát nhã Ba-la-mật đưa hết thảy các thiện pháp vào Nhất thiết chủng trí, mà chẳng chấp, chẳng trú”.

Nơi đây, Phật nói lên nhân duyên hết thảy pháp đều chẳng có tướng khả thủ (có thể thủ), chẳng có tướng khả xả (có thể xả). Vì sao? Vì các pháp, từ sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều theo nhân duyên sanh, nên là chẳng thủ, chẳng xả vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng niệm các pháp thì làm sao mà tăng trưởng được thiện căn? Nếu thiện căn chẳng được tăng trưởng, thì làm sao đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Bồ tát trú nơi 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” nên diệt các pháp tướng ngay trong ức niệm. Vào trong 3 giải thoát môn tức là vào trong thật tướng pháp. Bởi vậy nên, tuy Bồ tát có thành tựu thiện căn, mà chẳng chấp tướng thiện căn.

Ví như khi trồng lúa, dù cây mạ tốt mà trong ruộng đầy dẫy cỏ dại, thì cây lúa mọc lên sẽ chẳng thể tăng trưởng tốt đẹp được. Cũng như vậy, do chúng sanh thường ức niệm, thường chấp tướng nên thường sanh vào trong 3 cõi; trái lại, nếu chẳng ức niệm thì chẳng chấp, mà nếu chẳng chấp, thì chẳng sanh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy, liền tư duy, trừ lượng, rồi tự nghĩ rằng, “Nếu các pháp là rốt ráo không, thì là vô sở hữu; mà đã là vô sở hữu, thì cũng là vô sở đắc, vô sở trú vậy”.

Do suy nghĩ như vậy, nên ngài hỏi Phật: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật sẽ an trú ở chỗ nào, và sẽ đắc pháp gì?

Phật dạy: Bồ tát chẳng trú nơi hết thấy pháp, dẫn đến chẳng trú nơi “chỗ chẳng trú” đó. Do chẳng trú nên chẳng chấp, Bồ tát chẳng thấy pháp có thể chấp, chẳng thấy pháp có thể trú... dẫn đến chẳng thấy người chấp pháp, chẳng thấy có người trú pháp. Bồ tát trú pháp như vậy, nên chẳng có ai có thể phá hoại được.

Trái lại, nếu Bồ tát trú trong chúng sanh không và trong pháp không, mà còn dấy niệm nghĩ rằng, “Ta có hành pháp như vậy”, thì đó là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng có chấp tướng, mà Bồ tát dụng ngã tâm, bên ngoài chấp pháp không, bên trong chấp ngã không. Như vậy là chẳng phải như thật hành Bát nhã Ba-la-mật, là xa lìa Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là chẳng chấp tướng, là tánh không. Nếu chấp “không” là có lỗi, phải phá chấp “không” mới vào được Bát nhã Ba-la-mật. Thế nhưng, nếu còn chấp Bát Nhã vô tánh cũng là có lỗi. Do có 2 lỗi lầm đó, nên chẳng thể được thọ ký.

Lại nữa, nếu dấy niệm, “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật thường sanh bố thí, trì giới v.v... cũng là có lỗi”.

Hỏi: *Nói đến 2 lỗi lầm trên còn hợp lý; nhưng vì sao nói “Trú trong Bát nhã Ba-la-mật” cũng có lỗi?*

Đáp: Người phạm 2 lỗi lầm, hoặc chấp không, hoặc chấp vô tánh pháp đều có lỗi. Hạng người này chẳng tu được các công đức bố thí, trì giới v.v..., rồi dẫn sanh tà kiến, dấy niệm nghĩ rằng, “nếu các pháp đều không, thì phải y vào đâu mà tu hành?”

Lại có người, tuy chẳng chấp không, chẳng chấp vô tánh pháp, nhưng nếu còn dấy niệm rằng, “Ta phải chẳng chấp không, chẳng chấp vô tánh pháp, mà hành các công đức, mới thật là hành chân đạo”, thì đó cũng là có lỗi. Vì sao? Vì tâm còn hy vọng, còn mong cầu, nên mất Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu mất Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng hành được bố thí, trì giới v.v... dẫn đến chẳng sanh được tâm đại bi. Vì sao? Vì Vô Thượng Bồ Đề là chân thật pháp, nên người dụng tâm chấp mà hành Bát nhã Ba-la-mật chỉ là hành tương tự Bát nhã Ba-la-mật, chẳng sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề vậy.

Trái lại, nếu người niệm hết thấy các pháp mà chẳng chấp tướng, thì chư Phật liền biết người ấy sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, có người cầu “không”, cầu “vô tánh”, nhưng biết mình chưa tận đoạn phiền não, chẳng thể làm Phật được, nên chỉ nghe lời Phật mà chẳng tư duy, phân biệt, tự mình chẳng như thuyết tu tập, thì cũng có lỗi. Vì sao? Vì chư Phật trú nơi vô sở đắc, mà người này chỉ chấp nghĩa; vì các pháp đều là tướng tịch diệt, chẳng có hý luận, mà người này chỉ chấp giả danh tự vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Người chấp không cũng có lỗi, mà người trú trong không cũng có lỗi”, nên ngài hỏi Phật: Hành giả phải làm sao để tránh những lỗi lầm như vậy?

Phật dạy: Nếu biết rõ các pháp đều là rốt ráo không, là vô sở hữu, là chẳng thể chấp, chẳng thể thủ, chẳng thể đắc, mà tu hành, thì như vậy là chẳng có lỗi lầm. Trái lại, nếu chấp rốt ráo không, chấp vô tánh, chấp chỗ hành Bồ tát đạo v.v... thì đều là có lỗi cả. Bồ tát hành Bồ tát đạo phải xả tâm chấp. Nếu còn chấp chỗ Phật hành đạo, mà dấy niệm rằng, “Chỗ Phật hành đạo là chân thật đạo; ta cũng phải theo Phật hành hết

thấy các pháp vô sở hữu, bất khả thủ, bất khả đắc”, thì như vậy cũng là có lỗi. Vì sao? Vì Bồ tát phải biết rằng ở trong tâm Phật, thì chỗ đắc là vô sở đắc. Nếu Bồ tát biết rõ chỗ đắc của chư Phật là vô sở đắc, thì chẳng còn tham quý chư Phật, chẳng còn khinh khi người hạ tiện. Do nghĩ như vậy mà khởi sanh được tâm bình đẳng, vô phân biệt. Như vậy mới là hành thanh tịnh Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có các lỗi lầm. Vì sao? Vì chẳng ly tự tướng, thì có lỗi chấp pháp; ly tự tướng là chẳng chấp pháp vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Nếu ly tự tướng, thì làm sao mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Nếu Bồ tát, ở nơi hết thấy các pháp, chẳng sanh tâm, thì đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ tát chẳng niệm sắc, chẳng niệm sắc ấy là gì... dẫn đến chẳng niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng niệm Nhất thiết chủng trí là gì, thì đó là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nếu Bồ tát chẳng thấy sắc là thường hay vô thường, là khổ hay là lạc, là ngã hay là vô ngã, là không hay là bất không, là ly hay là phi ly, thì đó là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Sắc là như vậy... dẫn đến Nhất thiết chủng trí cũng là như vậy, là rốt ráo không, là chẳng có sanh, chẳng có khởi, nên là chẳng có thể tầm cầu mà được vậy. Vì sao? Vì tánh chẳng thể sanh tánh, vô tánh chẳng thể sanh vô tánh.

Như vậy, công đức phá các chấp điên đảo, đưa đến thật luận nghị đều do nơi lực Bát nhã Ba-la-mật mà được thành tựu. Bởi vậy nên 5 Ba-la-mật kia đều tùy theo Bát nhã Ba-la-mật.

Ví như vị chuyên luân thánh vương đi đâu, thì 4 binh chủng đều theo bảo luân mà hành động. Cũng như vậy, hết thấy các thiện pháp đều được Bát nhã Ba-la-mật đưa về Phật tánh, để cùng đến Phật đạo.

Ví như người dùng xe “tứ mã” để đi đến một nơi nào, tuy nói nhờ xe, nhờ ngựa, nhưng thực sự phải có người đánh xe khéo điều khiển 4 con ngựa mới đưa cỗ xe đến nơi đến chốn được. Cũng như vậy, tuy hành bố thí, trì giới v.v... đều có công đức, nhưng phải có sự dẫn đạo của Bát nhã Ba-la-mật, thì mới mong đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Thế nào gọi là đạo và thế nào gọi là phi đạo của Bồ tát?

Phật dạy: Nhị thừa đạo là phi đạo của Bồ tát; hành Bát nhã Ba-la-mật dẫn đến Phật đạo là đạo của Bồ tát. Lời ta nói đây là y nơi nhân mà nói đến quả. Người theo thô sự, do chẳng hiểu đến, nên chẳng có nghi; người theo tế sự mới nghi, nên mới nạn hỏi.

Ngài Tu Bồ Đề hoan hỷ tán thán, và bạch Phật: Bát nhã Ba-la-mật vì đại sự nhân duyên mà khởi.

Phật dạy: Đúng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật vì đại sự nhân duyên mà khởi. Bát nhã Ba-la-mật dẫn đường đến Vô Thượng Bồ Đề, vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có chỗ sanh, chẳng có chỗ diệt, là các pháp thường trú vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là vô sanh, vô diệt thì vì sao Bồ tát còn hành bố thí, trì giới... để làm gì nữa?

Phật dạy: Bát nhã Ba-la-mật là vô sanh, vô diệt, là rốt ráo không. Vì là rốt ráo không nên chẳng ngăn ngại sự tu tập 6 pháp Ba-la-mật. Bồ tát vì nhất thiết chủng trí mà hành bố thí, trì giới v.v... để rồi đem hết thảy các công đức ấy, cùng với hết thảy chúng sanh đồng hồi hướng về Vô Thượng Bồ Đề. Trong sự hồi hướng đó, Bồ tát được đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ tâm từ bi, xa lìa các chấp điên đảo, dụng tâm bình đẳng thành tựu các thiện căn công đức.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát phải tập hành 6 pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Bồ tát phải quán hết thấy pháp chẳng hợp, chẳng tan. Các pháp do nhân duyên hòa hợp mà giả danh tạm có, nhưng phàm phu do điên đảo chấp tướng mà hư vọng cho là có hợp, có tan. Vì biết rõ các pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, đều như huyễn, như hóa nên Bồ tát thường giữ tâm thanh tịnh, chẳng hề sanh tâm cao ngạo.

Lại nữa, vì biết rõ các pháp đều chẳng có trú xứ, nên Bồ tát an trú trong “vô trú pháp” mà được Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh có nêu thí dụ: Nhân là Bát nhã Ba-la-mật, quả là Vô Thượng Bồ Đề. Người muốn được Vô Thượng Bồ Đề phải gây nhân Bát nhã Ba-la-mật. Ví như phải ương hạt mới có cây, phải bón phân, tưới nước, cho cây lớn lên rồi mới có quả ăn được. Cũng như vậy, Bồ tát phải trồng chánh nhân làm Phật, tức là Bát nhã Ba-la-mật, lại phải hành đầy đủ cả 5 Ba-la-mật kia; tuy nay chưa có quả mà thời gian sau quyết định sẽ được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Trong kinh cũng có nói, “Bồ tát chẳng nên tùy theo người tu các hạnh khác, mà phải tu thật tướng pháp. Nếu có người tà kiến đến phá, thì cũng chẳng nên tùy thuận theo. Vì sao? Vì muốn thanh tịnh Phật độ, muốn thành tựu chúng sanh, thì phải học Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Hết thấy các pháp tướng đều bình đẳng. Như vậy vì sao Bồ tát phải tu học Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Nếu học Bát nhã Ba-la-mật, thì ở nơi hết thấy pháp đều được tự tại. Cho nên, Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì ở trong hết thấy pháp thì Bát nhã Ba-la-mật là tối đại, ví như so với muôn ngàn con sông, thì biển cả

là lớn hơn hết. Nếu Bồ tát được tự tại ở nơi hết thấy pháp, thì chẳng ai có thể phá hoại được. Bồ tát thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy là được tương ưng với Phật nên được chư Phật trong khắp 10 phương hộ niệm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào mới được chư Phật khắp 10 phương hộ niệm?

Phật dạy: Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, mà phải quán 6 pháp ấy là rốt ráo không, mới được chư Phật 10 phương hộ niệm.

Bồ tát hành sắc... dẫn đến hành nhất thiết chủng trí, mà chẳng thọ, chẳng chấp, vì biết rõ hết thấy pháp đều là hư vọng, chẳng thật có, nên được chư Phật 10 phương thường hộ niệm. Vì sao? Vì lúc bấy giờ, Bồ tát đã chứng được pháp thân thanh tịnh, đồng thể tương ưng với chư Phật vậy.

-o0o-

Bồ tát học 6 pháp Ba-la-mật, nhưng đồng thời cũng học hết thấy các pháp thế gian. Bồ tát học các pháp của phàm phu mà biết rõ các pháp ấy cũng đều là rốt ráo không.

Bồ tát học khởi pháp, và cũng học diệt pháp. Còn phàm phu chỉ biết khởi mà chẳng biết diệt; hàng Nhị thừa học diệt mà chẳng học khởi. Bồ tát phải học cả khởi lẫn diệt, nên phải học nhiều. Đối với Bồ tát thì khởi pháp và diệt pháp đều là như mộng, như huyễn, nên tuy học nhiều, mà xem như chẳng có học gì cả. Do học như vậy, nên Bồ tát được vô sở đắc.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Chư Phật thuyết pháp, dù thuyết rộng hay hẹp, thì chỗ nên học vẫn là chỗ vô sở đắc.

Ý Ngài Tu Bồ Đề muốn nói rằng, “Bồ tát phải học đầy đủ 8 vạn 4 ngàn pháp môn trình bày đầy đủ trong 12 bộ kinh,

vừa rộng vừa hẹp, tổng nhiếp cả 3 thừa giáo, nhưng lại phải dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật để hành 6 pháp Ba-la-mật, mới đến được Vô Thượng Bồ Đề. Hết thầy các pháp môn tu, dù rộng, dù hẹp, Bồ tát đều phải thân cận, tu học, tư duy, đọc tụng, mãi như vậy cho đến khi vào được vô tướng tam muội, chẳng để cho các tâm và tâm sở pháp hiện hành”.

Phật dạy: Bồ tát học như vậy mới biết được các tướng rộng, hẹp của hết thầy các pháp.

- Rộng là nói đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu, cùng vô lượng Phật pháp. Hẹp là nói đến 1 tiểu phẩm trong kinh Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến 1 đoạn nhỏ trích trong tiểu phẩm đó.

- Rộng là nói về vô lượng biệt tướng sai khác nhau của các pháp. Hẹp là nói hết thầy pháp đều là không, vô tướng, vô tác, vô sanh, vô diệt.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát phải làm thế nào để biết rõ các tướng rộng, hẹp của hết thầy các pháp?

Phật dạy: Biết hết thầy pháp là như tướng, là bất sanh, bất trú, bất dị, bất diệt, là biết các tướng rộng, hẹp của hết thầy pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu như tướng là vô sanh tướng, thì làm sao có thể biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thầy pháp?

Phật dạy: Như tướng là thật tướng của các pháp, thường trú, bất hoại, chẳng có tùy thuộc theo các quán. Bồ tát được như tánh, nên phá được hết thầy các vô minh, tà kiến điên đảo. Vì như thật biết được thật pháp của vũ trụ, nên ở trong thế gian Bồ tát biết rõ được tổng tướng cùng biệt tướng của vạn vật. Trái lại, hàng phàm phu vì bị vô minh ngăn che chân trí huệ, chẳng có được huệ nhãn, nên chẳng có thể thấy biết

một cách chân thật được. Sự thấy biết của phàm phu đều là bệnh hoạn cả.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Pháp tướng chân thật là không, là vô tướng, là vô tác. Như vậy, khi trí huệ đã diệt rồi, thì làm sao biết được như thật pháp tướng? Làm sao biết được được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp?

Phật dạy: Vì ông ở nơi pháp tánh mà chấp tướng, nên mới nạn hỏi. Nếu ông biết rõ được “như tánh”, thì chẳng còn gì để nạn hỏi nữa. Vì sao? Vì “như tánh” là vô tướng, là như như, là rốt ráo không, nên chẳng ngại tổng tướng và biệt tướng. Lúc bấy giờ, Bồ tát đã thành tựu được huệ nhãn thanh tịnh, nên mới như thật biết, như thật thấy vậy. Ví như một người ở tuổi trưởng thành có thể thấy biết được những việc khờ dại mà mình đã làm trong thời thơ ấu.

Bồ tát sau khi đã có huệ nhãn thanh tịnh, đã vào được thật tướng các pháp rồi, lại thị hiện thọ thân, sanh vào trong 3 cõi để độ sanh.

Vì đã được giải thoát an lạc, đã thấy rõ 6 tình là hư vọng, là nguồn gốc khổ đau, nên dù vẫn dùng 6 căn, duyên 6 trần, khởi 6 thức, mà Bồ tát vẫn thường thấy tịch diệt. Như vậy gọi là Bồ tát biết tổng tướng và biệt tướng của các pháp.

Bồ tát biết rõ các pháp thế gian, dù bậc thượng, trung, hay hạ đều là bất tịnh, là vô thường, khổ, không, vô ngã, lại biết rõ 8 vạn 4 ngàn pháp môn tu ở thế gian cũng lầm lỗi, như vậy gọi là Bồ tát biết tổng tổng tướng và biệt tướng của các pháp.

Bồ tát cũng biết rõ “như như pháp tánh thật tế” là gốc của vạn vật nên biết rõ tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp đều là “như như pháp tánh thật tế”, nhưng vẫn tùy thuận thế gian mà phân biệt mỗi pháp có tướng sai khác.

Phật dạy: “vô tế” là “thật tế” là vô tướng, nên chẳng có pháp có thể chấp.

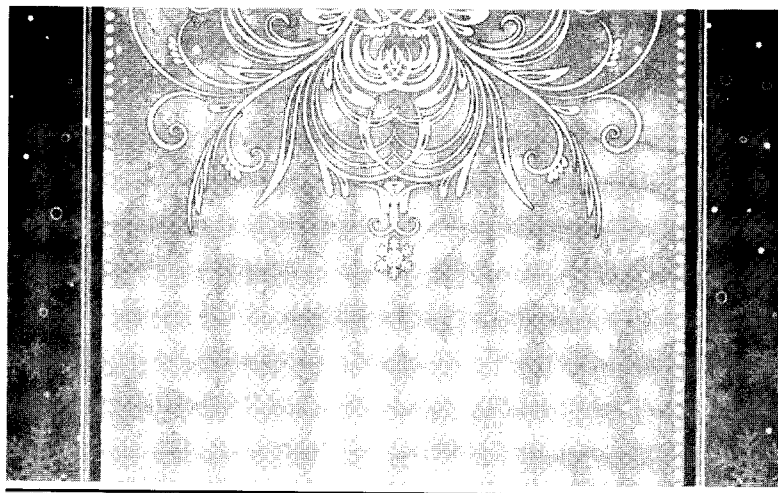
Khi đã biết rõ “pháp tánh”, thì biết rõ hết thảy các sắc tánh đều là pháp tánh, đều là “vô phân”, “vô phi phân” cả.

- Nói “vô phân” là nói các pháp chẳng thể chi bày được. Đây cũng có nghĩa là vô tướng, vô lượng, vô phân biệt.

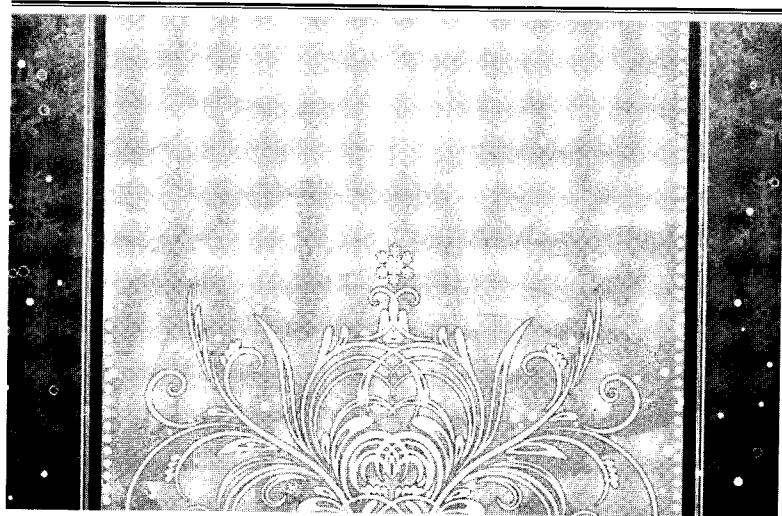
- Nói “vô phi phân” là chẳng chấp vô tướng, chẳng chấp vô lượng, là phá hết thảy tướng và lượng, phá hết thảy các pháp tướng.

Bồ tát vào 3 giải thoát môn “Không, Vô Tướng và Vô Tác”, trú trong “Như như bình đẳng pháp”, nên biết được tổng tướng và biệt tướng của hết thảy các pháp.

(Hết quyển 82)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 83



Phẩm Thứ Sáu Mười Chín (TIẾP THEO)



Đại Phương Tiện (tiếp theo)

KINH:

Bạch Thế Tôn! Các bậc đại Bồ tát lợi căn mới nhập vào được pháp môn này chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát độn căn cũng có thể nhập vào pháp môn này. Bồ tát trung căn, Bồ tát tán tâm cũng đều có thể nhập vào pháp môn này.

Pháp môn này chẳng có trở ngại. Nếu Bồ tát nào nhất tâm học cũng có thể nhập vào pháp môn này. Nếu giải đãi, ít tinh tấn, thất niệm, tán loạn, thì chẳng có thể nhập vào pháp môn này.

Người tinh tấn, chẳng giải đãi, chánh ức niệm, nhiếp tâm có thể vào được. Người muốn cầu bậc bất thối chuyển, muốn mau được Nhất thiết chủng trí có thể vào được.

Bồ tát phải học đúng như thuyết trong Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến phải học đúng như thuyết trong Đàn Ba-la-mật.

Bồ tát học như vậy sẽ mau được Nhất thiết chủng trí.

Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, nếu có được bao nhiêu ma sự Bồ tát phải liền diệt. Bởi vậy nên muốn có được các lực phương tiện, Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát nào như vậy hành, như vậy tập, như vậy tu, sẽ được vô lượng chư Phật ở khắp vô lượng thế giới hộ niệm.

Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh chư Phật ở quá khứ, ở hiện tại và ở vị lai. Thế nên, Bồ tát phải tự niệm rằng, “Đây là pháp mà 3 đời chư Phật được; ta cũng sẽ được pháp ấy”.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như vậy, phải tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy, phải tu Bát nhã Ba-la-mật như vậy mới mau được Vô Thượng Bồ Đề. Thế nên, Bồ tát thường phải chẳng xa lìa Tát Bà Nhã tâm.

Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, thì chỉ trong khoảng khảy móng tay cũng đã có được phước đức rất nhiều, thù thắng hơn phước đức của người dạy cho chúng sanh trong cõi đại thiên thế giới tu bố thí, tu trì giới, tu thiền định, tu trí huệ, khiến họ được giải thoát, được giải thoát tri kiến, được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, được đạo Bích Chi Phật. Vì sao? Vì từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ, xuất sanh ra các quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, xuất sanh ra đạo Bích Chi Phật.

Trong khắp 10 phương, chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại và chư Phật vị lai đều từ trong Bát nhã Ba-la-mật xuất sanh ra cả.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Trong khoảng khảy móng tay, trong một ngày, trong một tháng, trong một năm, ... trong một kiếp... dẫn đến trong vô số kiếp, Bồ tát phải thường niệm Nhất thiết chủng trí, thường hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy được phước đức rất nhiều, thù thắng hơn phước đức của người dạy cho chúng sanh trong hằng sa thế giới khắp 10 phương tu bố thí, trì giới, thiền định, khiến họ được giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến

quả A-la-hán, được đạo Bích Chi Phật.

Vì sao? Vì chư Phật xuất sanh từ Bát nhã Ba-la-mật, tuyên thuyết bố thí, trì giới, thiền định, trí huệ, mới có được giải thoát, giải thoát tri kiến, có được quả Tu-đà-hoàn... dẫn đến quả A-la-hán, đạo Bích Chi Phật.

Nếu có Bồ tát nào đúng như Bát nhã Ba-la-mật sở thuyết mà an trú thì phải biết đó là bậc Bồ tát bất thối chuyển. Bồ tát ấy được chư Phật hộ niệm.

Nếu có Bồ tát nào thành tựu được các lực phương tiện như vậy, thì phải biết:

- Đó là vị Bồ tát đã thân cận, cúng dường vô lượng ngàn, muôn, ức chư Phật, đã gieo trồng thiện căn nơi chư Phật, đã từ lâu hành 6 pháp Ba-la-mật, 18 pháp không... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí.

- Đó là vị Bồ tát đã trú bậc pháp vương tử, đã đầy đủ các hạnh nguyện, trọn chẳng ly chư Phật, chẳng ly thiện căn, đã thường đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác.

- Đó là vị Bồ tát đã được biện tài vô ngại, đã đầy đủ các đà la ni, đã được thọ ký, nhưng vì chúng sanh mà thọ thân.

- Đó là vị Bồ tát đã thông đạt tự môn và phi tự môn, đã khéo biết chỗ nên nói, chỗ chẳng nên nói; đã khéo biết chỗ nên nói ít lời hay nhiều lời; đã khéo biết tiếng người nam hay người nữ; đã khéo biết sắc, thọ, tướng, hành, thức; đã khéo biết tánh thế gian và tánh Niết Bàn; đã khéo biết các pháp tướng; đã khéo biết hữu vi tướng và vô vi tướng; đã khéo biết hữu pháp và vô pháp; đã khéo biết tự tánh và tha tánh; đã khéo biết hợp pháp và tán pháp; đã khéo biết tương ưng pháp và bất tương ưng pháp; đã khéo biết thế nào là như thật biết và thế nào là

chẳng như thật biết; đã khéo biết pháp tánh và pháp vị; đã khéo biết duyên và vô duyên; đã khéo biết âm, giới, nhập; đã khéo biết 4 đế, 12 nhân duyên; đã khéo biết 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định; đã khéo biết 6 Ba-la-mật, 4 niệm xứ... dẫn đến Nhất thiết chủng trí; đã khéo biết hữu vi tánh và vô vi tánh; đã khéo biết hữu tánh và vô tánh; đã khéo biết quán sắc, quán thọ, quán tưởng, quán hành, quán thức... dẫn đến quán Nhất thiết chủng trí; đã khéo biết là sắc tướng không... dẫn đến Bồ đề là Bồ đề tướng không, đã khéo biết xả đạo và bất khả đạo; đã khéo biết sanh, trú, diệt; đã khéo biết tham, sân, si, đã khéo biết bất tham, bất sân, bất si, đã khéo biết tà kiến, chánh kiến cùng hết thấy kiến chấp; đã khéo biết danh sắc; đã khéo biết nhân, nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên; đã khéo biết các hành tướng; đã khéo biết khổ, tập, diệt, đạo; đã khéo biết địa ngục và xu hướng đọa địa ngục, ngạ quỷ và xu hướng đọa ngạ quỷ, súc sanh, và xu hướng đọa súc sanh, người và xu hướng làm người, Trời và xu hướng làm Trời, a tu la và xu hướng làm A tu la; đã khéo biết 4 quả Thanh Văn và Thanh Văn đạo, quả Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo, Phật và Phật đạo; đã khéo biết Nhất thiết chủng trí; đã khéo biết các căn và các căn đầy đủ; đã khéo biết huệ, tật huệ, hữu lực huệ, lợi huệ, xuất huệ, đạt huệ, quảng huệ, thâm huệ, đại huệ, vô đẳng đẳng huệ và thật huệ; đã khéo biết quá khứ, hiện tại và vị lai; đã khéo biết phương tiện tùy thuận chúng sanh; đã khéo biết tâm và thâm tâm; đã khéo biết nghĩa và ngữ; đã khéo biết phân biệt 3 thừa giáo.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật được các lợi ích như vậy.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Chỉ có các đại Bồ tát lợi căn mới có thể nhập vào pháp môn này chăng?

Ý ngài muốn nói rằng, “Người an trú trong tinh tấn, trong chánh niệm, trong chánh định, trong chánh kiến là đã được an ổn. Nhưng phải bậc lợi căn, minh trí mới vào được thâm Bát nhã Ba-la-mật”.

Phật dạy: Chẳng phải chỉ có những người lợi căn, minh trí mới có thể vào được thâm pháp này.

Ý Phật muốn nói, “Chỉ cần nhất tâm, tinh tấn cầu học là có thể vào được”. Ví như trong mùa nóng bức mà vào được nơi có hồ nước ắt là được mát mẻ. Những ai có mắt sáng, có đôi chân lành lặn đều có thể được vào nơi đây, nếu thật sự muốn vào. Những người ở cạnh bên hồ mà chẳng có ý muốn vào, thì cũng chẳng vào nơi đây. Cũng như vậy, hồ Bát nhã Ba-la-mật mát mẻ, có 4 cửa dẫn vào; chúng sanh ở khắp 4 phương đều có thể vào được cả, chẳng có gì ngăn ngại.

Người chẳng giải đãi là người an trú trong tinh tấn; Người chẳng vọng niệm là người an trú trong chánh niệm; người chẳng loạn động là người an trú trong chánh định; người chẳng có tà kiến là người an trú trong chánh kiến. Chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh kiến là 4 cửa dẫn vào Bát nhã Ba-la-mật. Qua được 4 cửa này, là đầy đủ giới hạnh, đầy đủ 8 thánh đạo, vào được Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề là Thanh Văn Tiểu thừa nên nghĩ rằng, “Chỉ có hạng người lợi căn, minh trí mới có thể vào được pháp Đại thừa”.

Nay Phật dạy, “Hạng người trung căn, độn căn mà hành 8 thánh đạo, cũng có thể vào được Phật đạo, qua 4 cửa Chánh

trình tấn, chánh niệm, chánh định và chánh kiến như đã nêu trên đây”.

Lời dạy trên đây thể hiện lòng đại bi rộng lớn của Phật đối với hết thảy chúng sanh, dung thông cả hạng trung căn và độn căn. Tất cả các hạng người đó đều có thể vào được pháp Đại thừa.

Nếu Bồ tát y như chỗ Bát nhã Ba-la-mật thuyết mà tu hành, thì sẽ mau đến được Nhất thiết chủng trí.

Ví như trong pháp Thanh Văn, hành giả chẳng phải chỉ dùng chánh kiến mà còn phải dùng 8 thánh đạo hòa hợp mới vào được đạo. Cũng như vậy, hành giả tu theo pháp Đại thừa chẳng phải chỉ hành Bát nhã Ba-la-mật, mà còn phải hòa hợp Bát nhã Ba-la-mật với 5 Ba-la-mật kia mới vào được Nhất thiết chủng trí. Bởi vậy nên nói, “Bồ tát chẳng phải chỉ học đúng theo như Bát nhã Ba-la-mật, mà còn phải học hết thảy pháp, phải được hết thảy trí”.

Hỏi: Trước đây đã nói, “Học Bát nhã Ba-la-mật là đến được Nhất thiết chủng trí”. Nay vì sao nói, “Phải hòa hợp Bát nhã Ba-la-mật với 5 Ba-la-mật kia mới vào được Nhất thiết chủng trí”?

Đáp: Phải đầy đủ cả 6 pháp Ba-la-mật mới được Nhất thiết chủng trí. Thế nhưng ở nhiều cõi Phật, chúng sanh chỉ nghe thuyết về thật tướng pháp là liền được Nhất thiết chủng trí, chẳng phải thứ lớp hành 6 pháp Ba-la-mật. Nói, “Có đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật công đức mới vào được Nhất thiết chủng trí” như trên đây nhằm tán thán người tu hành có được sự hộ trì của các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Lại nữa, trong kinh nói, “Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật thấy có các ma sự là liền diệt”, vì đã được 10 phương chư

Phật thường hộ niệm. Đây là nhằm tán thán Bồ tát, do hành Bát nhã Ba-la-mật công đức mà khéo biết cả 3 thừa giáo, khéo biết tự môn và phi tự môn, khéo biết pháp tánh thật tế của hết thảy các pháp. Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên có vô lượng phước đức lực, biết rõ cả 2 pháp thế gian và Niết Bàn. Bồ tát biết rõ danh tự là hư vọng, nên phá được các chấp tướng điên đảo. Do phá được các chấp điên đảo, nên Bồ tát khéo biết chỗ nên nói, chỗ chẳng nên nói, chỗ nên nói ít lời, chỗ nên nói nhiều lời; khéo biết tiếng nam, tiếng nữ có âm thanh sai khác...

Vì khéo biết các sự việc như vậy, nên Bồ tát hàng phục được các tà ma, ngoại đạo, các hạng người xấu ác.

Bồ tát khéo biết xả đạo và bất xả đạo, như xả địa này để tu lên địa khác, xả hạ địa lên thượng địa, hoặc vì thương xót chúng sanh mà vẫn trú trong các địa, chẳng xả đạo v.v...

Bồ tát khéo biết tà kiến, chánh kiến cùng hết thảy các kiến chấp. Vì ở nơi các kiến chấp, Bồ tát đã được tâm bình đẳng, nên dù ở trong tà kiến, ở trong thế gian đạo, mà thấy được chánh kiến, học hết thảy các kiến chấp, mà thật chẳng có học.

Bồ tát khéo tu 16 hạnh, khéo biết 4 quả Thanh Văn và Thanh Văn đạo, quả Bích Chi Phật và Bích Chi Phật đạo... dẫn đến quả vị Phật và Phật đạo.

Bồ tát khéo biết các căn, khéo phân biệt 22 căn, khéo quán căn cơ chúng sanh có lợi, có độn; khéo biết các chúng sanh nào đầy đủ các căn thì có thể độ, chưa đầy đủ các căn thì chưa thể độ v.v...

Bồ tát khéo biết các căn đầy đủ hay chưa đầy đủ, ví như con chim tự biết 2 cánh nó có đầy đủ sức hay chưa có đầy đủ sức, biết 2 cánh phải có đầy đủ sức mới có thể bay được.

Bồ tát khéo biết tổng tướng trí huệ của hết thầy chúng sanh: Biết người có tập huệ mau biết các pháp, nhưng sự biết đó chẳng được lâu bền. Biết người có hữu lực huệ là người có trí lực; nếu có trí lực nhạy mà chẳng mạnh, thì cũng ví như con ngựa chạy rất nhanh nhưng chóng mệt; nếu có trí lực mạnh mà chẳng sắc bén, thì cũng ví như con dao lụt, tuy chặt rất mạnh, nhưng vẫn chẳng chẻ được củi. Người có lợi huệ là người có trí lực vừa mạnh vừa nhạy bén. Người có xuất huệ là người ở trong con nguy hiểm mà có thể thoát ra dễ dàng, ở trong phiền não mà có thể tự giải thoát ra khỏi 3 cõi, chứng nhập Niết Bàn. Người có đạt huệ là người thông đạt các sự việc đến chỗ tốt cùng rốt ráo; ở trong Phật pháp mà thông đạt hết thầy các pháp, dẫn đến được lậu tận, được Niết Bàn, thường trú trong pháp tánh thanh tịnh. Người có quảng huệ là người thông hiểu cả tục lẫn đạo, biết rõ hết các kinh thơ và luận nghị của thế gian, nên ở trong Phật pháp mà biết rõ thế pháp vậy. Người có thâm huệ là người quán hết thầy pháp là vô ngại tướng, vô tướng tướng, bất khả tư nghĩ tướng; ở trong thế gian, người được thâm trí huệ cũng có thể biết được các việc từ lâu xa, biết trong cái lợi có cái suy, biết trong cái suy có cái lợi. Người có đại huệ là người có được tất cả các huệ nêu trên, như vậy nên gọi là đại. Người có vô đẳng đẳng huệ là người ở trong Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng chấp Bát nhã Ba-la-mật, là người đã thâm nhập pháp như, nên chẳng có pháp nào có thể sánh kịp; người được vô đẳng đẳng huệ là bậc Bồ tát đã thành tựu đạo pháp đến chỗ bất khả tư nghĩ, chẳng có ai sánh kịp.

Ví như viên ngọc như ý bảo châu tự nó chẳng có định sắc, nhưng nếu đem đặt cạnh vật nào, thì nó liền hiện sắc của vật ấy. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng, nhưng vẫn thường tùy theo các pháp mà tác hành.

Ví như viên ngọc như ý bảo châu khiến cho sự mong cầu của mọi người đều được thành tựu như ý nguyện. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật khiến người tu mong cầu gì cũng đều như nguyện, ... dẫn đến người cầu thành Phật sẽ được thành Phật.

Bồ tát khéo biết quá khứ, hiện tại và vị lai, biết rõ quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại chẳng trú mà vẫn tùy duyên hóa độ chúng sanh, nên công đức chẳng thể nghĩ bàn được. Bồ tát thường tu thật tướng pháp, biết rõ các pháp niệm niệm sanh diệt, là chẳng có thể biết, nhưng vẫn thông đạt mọi pháp, nên gọi là khéo biết hiện tại.

-o0o-

Bồ tát khéo biết phương tiện tùy thuận chúng sanh. Người có phương tiện mới có được các nhân duyên thành tựu được các việc như ý muốn, mới tránh được các lỗi lầm. Ví như người lái buôn nương theo ngựa tốt của ông đại tướng mau được đến nơi đến chốn, chẳng phải chờ đợi các người khác. Cũng như vậy, Bồ tát nương theo ngựa trí huệ vào thẳng đến nơi Niết Bàn, chẳng chờ đợi chúng sanh, nhưng vì thương xót chúng sanh mà chẳng trú Niết Bàn, hội nhập thế gian để hóa độ chúng sanh.

-o0o-

Bồ tát khéo biết thâm tâm của chúng sanh, quán 5 căn của chúng sanh, từ nơi thâm tâm của họ; biết rõ từng chúng sanh ở trong quá khứ xa như thế nào, họ từ đâu đến, để phương tiện hóa độ họ. Bồ tát khéo biết các chủng thiện căn ở nơi từng chúng sanh; biết rõ có chúng sanh ở trong hiện tại xấu

ác, nhưng xưa kia vốn là thiện. Ví như cha mẹ mắng con, đánh con, tuy có hiện tướng ác, mà trong thâm tâm là thiện. Cũng ví như khi Phật độ ma vương Uất Ma La Quật, thì Phật đã quán biết tâm ác của vị ma vương này rất cạn mỏng, mà thiện căn tiềm ẩn nơi thâm tâm rất sâu dày.

-o0o-

Chúng sanh y nơi các pháp mà truy danh để tầm nghĩa. Bồ tát ở nơi danh và pháp đều vô ngại, nên ở nơi nghĩa cũng được vô ngại; như vậy gọi là khéo biết nghĩa. Khi đã được nghĩa vô ngại rồi, thì sẽ được lạc thuyết vô ngại; như vậy gọi là khéo biết ngữ.

Do khéo biết nghĩa và ngữ, nên Bồ tát thường đem 3 thừa giáo để giáo hóa chúng sanh, diễn nói, phân biệt rõ ràng; khiến chúng sanh được dễ hiểu.

Hỏi: *Vì sao trước nói khéo biết sắc... dẫn đến thức, rồi sau mới nói khéo biết âm, giới, nhập? Vì sao trước nói nhân rồi sau mới nói đến nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên?*

Đáp: Vì trước nói hẹp, rồi sau mới nói rộng vậy.

-o0o-

Phẩm Thứ Bảy Mười



Tam Huệ
(Ba Huệ)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc tịch diệt, sắc không, sắc hư dối, sắc chẳng kiên cố, nên phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì thọ, tướng, hành, thức cũng là như vậy, nên phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Sanh Bát nhã Ba-la-mật là như sanh hư không.

Tu Bát nhã Ba-la-mật là tu các pháp phá hoại.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian bao nhiêu lâu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng phải hành Bát nhã Ba-la-mật, phải sanh Bát nhã Ba-la-mật, phải tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải dụng tâm thứ lớp như thế nào để hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thường chẳng xa lìa Tát Bà Nhã tâm, giữ tâm chẳng để cho các tâm niệm khác xen

vào. Như vậy gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật, là sanh Bát nhã Ba-la-mật, là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Nếu chẳng để cho tâm và các tâm sở hiện hành, thì hành đó gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật, là sanh Bát nhã Ba-la-mật, là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Tu và chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng tu và chẳng phải chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật sẽ có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng như vậy, thì phải làm thế nào để được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát Ma ha tát được Nhất thiết chủng trí như như tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là như như tướng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Là như thật tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là như thật tế?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Là như pháp tánh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là như pháp tánh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Là như ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Ngã chúng sanh, thọ mạng có thể được chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu ngã, chúng sanh và thọ mạng đều chẳng thể được, thì làm sao lại nói có ngã tánh, có chúng sanh tánh, và có thọ mạng tánh? Nếu trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng nói có hết thấy pháp, thì làm sao nói sẽ có Nhất thiết chủng trí?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có Bát nhã Ba-la-mật là chẳng thể nói ra được, hay hết thấy pháp đều chẳng thể nói ra được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng thể nói ra được, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Thiền Ba-la-mật, hết thấy các pháp hữu vi, vô vi Thanh Văn pháp, Bích Chi Phật pháp, Bồ tát pháp, Phật pháp cũng đều chẳng thể nói ra được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy các pháp đều chẳng thể nói ra được, thì vì sao lại nói

có các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, người, trời, a tu la... dẫn đến có cảnh giới Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Danh tự chúng sanh thật có thể được chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng thể được vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu chúng sanh là bất khả đắc, thì làm sao nói có cảnh giới địa ngục... dẫn đến có cảnh giới Phật. Như vậy, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là phải học hết thấy pháp chẳng thể nói ra được.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là phải học sắc, thọ, tướng, hành, thức... dẫn đến phải học Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải học sắc chẳng tăng, chẳng giảm... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng tăng, chẳng giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là học sắc chẳng tăng, chẳng giảm... dẫn đến học Nhất thiết chủng trí chẳng tăng, chẳng giảm?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là học các pháp ấy chẳng sanh, chẳng diệt vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là học các pháp chẳng sanh, chẳng diệt?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là học các pháp ấy chẳng khởi, chẳng tác các hạnh nghiệp, dù là CÓ, dù là KHÔNG vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào

gọi là học các pháp ấy chẳng khởi, chẳng tác các hạnh nghiệp, dù là CÓ, dù là KHÔNG?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là quán các pháp ấy là tự tướng không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là quán các pháp ấy là tự tướng không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là phải quán sắc là tướng không; phải quán thọ, tưởng, hành, thức là tướng không; phải quán nhãn... dẫn đến ý, sắc... dẫn đến pháp, nhãn thức... dẫn đến ý thức, nhãn giới... dẫn đến ý thức giới là tướng không; quán nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không là tướng không; phải quán 4 thiên ... dẫn đến diệt thọ tưởng định là tướng không; phải quán 4 niệm xứ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề là tướng không.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát phải quán hết thấy các pháp đều là tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều là tướng không, thì làm sao hành Bát nhã Ba-la-mật được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng hành gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nói chẳng hành gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc (chẳng thể được), nên là bất khả hành (chẳng thể hành). Người hành, pháp hành và chỗ hành cũng đều là bất khả đắc cả. Vì hết thấy pháp đều là hý luận, là bất khả đắc, nên chẳng hành mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng hành là hành Bát nhã Ba-la-mật, thì Bồ tát từ khi sơ phát tâm phải hành Bát nhã Ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! từ khi sơ phát tâm đến nay, Bồ tát phải học pháp không là vô sở đắc. Bồ tát dụng vô sở đắc pháp, mà hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ... dẫn đến dụng vô sở đắc pháp, mà hành Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là pháp hữu sở đắc? Thế nào gọi là pháp vô sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Pháp có hai, gọi là pháp có sở đắc; pháp chẳng có hai, gọi là pháp chẳng có sở đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì là có hai, là có sở đắc? Những pháp gì chẳng có hai, là chẳng có sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nhãn và sắc là hai, ý và pháp là hai, ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề và Phật là hai. Như vậy gọi là có hai.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Từ trong hữu sở đắc mà có vô sở đắc, hay từ trong vô sở đắc mà có hữu sở đắc?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải từ trong hữu sở đắc mà có vô sở đắc, cũng chẳng phải từ trong vô sở đắc mà có hữu sở đắc.

Này Tu Bồ Đề! Hữu sở đắc và vô sở đắc bình đẳng; đó mới gọi là vô sở đắc. Như vậy, ở nơi hữu sở đắc và ở nơi vô sở đắc là chỗ Bồ tát cần phải học.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như

vậy mới được gọi là người vô sở đắc, là người chẳng có làm lỗi.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát chẳng hành hữu sở đắc, cũng chẳng hành vô sở đắc, thì làm sao có thể từ một địa này lên một địa khác... dẫn đến làm sao có thể đến được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng trú trong hữu sở đắc để tu từ một địa này lên một địa khác. Vì sao? Vì ở trong hữu sở đắc thì chẳng thể tu từ một địa này lên một địa khác được.

Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc là tướng của Bát nhã Ba-la-mật; vô sở đắc là tướng của Vô Thượng Bồ Đề; vô sở đắc cũng là tướng của người hành Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc và người hành Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, thì làm sao Bồ tát phân biệt các pháp tướng, từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức khả đắc... dẫn đến chẳng thấy Vô Thượng Bồ Đề khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật là hành sắc bất khả đắc... dẫn đến hành Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, thì làm sao được đầy đủ Đàn Ba-la-mật... dẫn đến được đầy đủ Bát nhã Ba-la-mật; thì làm sao được Bồ tát vị?

Phải vào Bồ tát vị rồi, mới thành tựu chúng sanh, mới thanh tịnh Phật độ, mới được Nhất thiết chủng trí; phải

được Nhất thiết chủng trí rồi, mới chuyển pháp luân, làm các Phật sự để độ thoát chúng sanh ra khỏi sanh tử.

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng vì sắc mà hành Bát nhã Ba-la-mật... dẫn đến chẳng vì Vô Thượng Bồ Đề mà hành Bát nhã Ba-la-mật

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát vì những sự việc gì mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng vì gì cả. Vì sao? Vì hết thảy pháp là vô sở vi, vô sở tác; Bát nhã Ba-la-mật là vô sở vi, vô sở tác; Vô Thượng Bồ Đề là vô sở vi, vô sở tác; Bồ tát cũng vô sở vi, vô sở tác.

Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật vô sở vi, vô sở tác như vậy.

LUẬN:

Chúng hội nghe tán thán công đức của Bát nhã Ba-la-mật mới rõ được các sự việc, nên rất tôn quý Bát nhã Ba-la-mật, muốn có được các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ tâm niệm của chúng hội, nên hỏi Phật: Thế nào gọi là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật, sanh Bát nhã Ba-la-mật, tu Bát nhã Ba-la-mật?

Vì sao? Vì ngài thường nghe nói phải từ nơi Càn Huệ địa mà hành Bát nhã Ba-la-mật; khi được vô sanh pháp nhẫn mới gọi là sanh Bát nhã Ba-la-mật; được vô sanh pháp nhẫn rồi mới dùng Thiền Ba-la-mật mà huân tu Bát nhã Ba-la-mật.

Phật dạy: 5 âm là chỗ trói buộc của hết thảy tâm thế gian; Niết Bàn là tướng tịch diệt. Bồ tát dùng lực trí huệ Bát nhã Ba-la-mật để phá 5 âm tướng, thông đạt đến chỗ rốt ráo

không, tức là đến chỗ tịch diệt tướng Niết Bàn. Từ nơi tịch diệt tướng, Bồ tát lại trở lại thọ sanh thân với đầy đủ 6 tình. Nhưng rồi lại xuất gia, niệm tịch diệt tướng, vì Bồ tát biết rõ các pháp thế gian là hư dối, là chẳng chân thật. Như vậy là Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật vô định tướng, nên là bất khả đắc. Lúc bấy giờ, dù có nói hay chẳng có nói, thì các ngôn ngữ đều đoạn.

Nên biết “không” là như hư không, nên nói sanh như hư không. Trong hư không chẳng có pháp sanh, cũng chẳng có chỗ sanh. Vì sao? Vì hư không là vô pháp, vô hình, vô xúc, vô tác tướng vậy. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Hư không là vô pháp, nên chẳng thể nói là thường hay là vô thường, chẳng thể nói là có hay là không, chẳng thể nói là chẳng phải có hay chẳng phải không. Vì hư không là bất khả đắc, nên diệt hết các hý luận vậy.

Hư không là vô nhiễm, vô chấp, nên chẳng có văn tự nào có thể diễn bày được. Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Bồ tát quán các pháp thế gian tựa như hư không. Như vậy gọi là sanh Bát nhã Ba-la-mật.

Bồ tát được Bát nhã Ba-la-mật, rồi thâm nhập thiền định, dùng lực Bát nhã Ba-la-mật quán thiền cảnh, và dùng duyên thiền định phá các pháp tướng. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật xả ly hết thấy các pháp tướng, chẳng chấp hết thấy các pháp vậy.

-o0o-

Lại nữa, ở trong chúng hội có nhiều người nghĩ rằng Bát nhã Ba-la-mật quá thâm thâm, nên ắt là phải trải qua thời gian tu tập lâu dài mới vào được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ tâm niệm của họ, nên hỏi Phật: phải tu tập Bát nhã Ba-la-mật trong thời gian bao nhiêu lâu?

Phật dạy: Từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải thường tu tập Bát nhã Ba-la-mật như vậy.

Hỏi: *Từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải tu 10 địa, phải hành 6 pháp Ba-la-mật, 37 Phẩm Trợ Đạo, cùng hết thấy các thiện pháp. Như vậy vì sao chỉ nói hành Bát nhã Ba-la-mật mà thôi?*

Đáp: Vì ngài Tu Bồ Đề chỉ thưa hỏi Phật về những gì liên hệ đến Bát nhã Ba-la-mật, nên Phật đáp như trên. Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật là pháp tối đại dung nhiếp hết thấy các thiện pháp, nên khi tu các thiện pháp đó Bồ tát đều phải điều hợp với Bát nhã Ba-la-mật. Do vậy mà chỉ nói đến Bát nhã Ba-la-mật, mà chẳng nói đến các pháp khác.

Hỏi: *Bát nhã Ba-la-mật là vô lượng, vô hạn. Như vậy vì sao chỉ nói tu Bát nhã Ba-la-mật cho đến khi tọa đạo tràng mà thôi?*

Đáp: Bát nhã Ba-la-mật dẫn đến chỗ Phật tâm; ở nơi đây Bát nhã Ba-la-mật đổi tên thành Nhất thiết chủng trí.

Lý tuy là một, nhưng tên phải đổi khác, nên nói tu Bát nhã Ba-la-mật cho đến khi tọa đạo tràng. Bồ tát từ sơ phát tâm cho đến khi tọa đạo tràng, có bao nhiêu công đức đều xả. Do vậy mà được vô ngại giải thoát, thông đạt được cả 3 đời.

Hỏi: *Một cái khay móng tay có 60 niệm, và trong mỗi niệm đều có tướng sanh diệt. Như vậy vì sao nói, “Nhất tâm thường niệm Nhất thiết chủng trí, chẳng để cho các niệm khác sanh, mới vào được Nhất thiết chủng trí”?*

Đáp: Tâm có 2 nghĩa. Đó là:

- Niệm niệm sanh diệt là tâm sanh diệt.
- Niệm niệm tương tục thứ lớp sanh là tâm tương tục, còn gọi là nhất tâm.

Vì tương tục thứ lớp sanh, nên tuy có nhiều phen sanh mà cũng gọi là nhất tâm. Suốt quá trình niệm niệm tương tục thứ lớp sanh như vậy, Bồ tát chẳng để cho tâm tham ái xen vào. Vì sao? Vì tâm tham ái chướng ngại Bát nhã Ba-la-mật. Nếu có tâm tham ái dấy khởi, thì phải liền diệt, mới chẳng chướng ngại Bát nhã Ba-la-mật. Đây là nói về hàng Bồ tát sơ phát tâm. Còn hàng đại Bồ tát khi hành các thiện pháp vẫn giữ tâm vô trú, thường hòa hợp các thiện pháp với Bát nhã Ba-la-mật, khiến các tâm niệm khác chẳng thể xen vào được.

Hàng Bồ tát sơ phát tâm, ở nơi Bát nhã Ba-la-mật, phần nhiều thường khởi hý luận và tạp niệm, nên Phật dạy, “Bồ tát sơ phát tâm phải thường niệm Nhất thiết chủng trí, đừng để các tâm niệm khác xen vào. Có thường niệm như vậy mới khiến tâm chẳng hướng về chỗ khác, dù chết đột ngột cũng chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí. Chỗ hành tướng của Bát nhã Ba-la-mật là chỗ các tâm và tâm sở chẳng hiện hành”.

Hỏi: *Phàm phu khi vào được vô tướng định thường sanh về cõi vô tướng Thiên; còn các bậc Thánh thường trú nơi Hữu Dư Niết Bàn và Vô Dư Niết Bàn, hoặc vào diệt tận định. Khi các bậc Thánh vào Vô Dư Niết Bàn, thì các tâm và tâm sở chẳng còn hiện hành. Như vậy vì sao nói, “Chẳng để cho các tâm và tâm sở hiện hành là hành Bát nhã Ba-la-mật của Bồ tát”? Làm thế nào để khiến các tâm và tâm sở chẳng hiện hành được?*

Đáp: Nghĩa nêu trên đây thuộc về pháp Tiểu thừa, được nói ở trong các kinh A Tỳ Đàm. Nghĩa nêu trong pháp Đại

thừa chẳng phải như vậy. Chớ nên dùng nghĩa nêu trong các kinh A Tỳ Đàm để vấn nạn về kinh Ma ha Diễn Đại thừa.

Lại nữa, khi đã vào được “vô tướng tam muội” rồi, thì hết thấy các sắc tướng đều diệt, nên là vô tướng. Đã là vô tướng, thì chẳng nên nói có sanh tâm và tâm sở pháp nữa. Đây chẳng phải là “vô tướng định” mà là “diệt tận định”.

Hỏi: Ở các chỗ khác nói nhiều về nghĩa “vô tướng”. Có chỗ nói người vào kiến đế đạo là người được tín hành và pháp hành; đó là người hành vô tướng vậy. Có chỗ nói người vào vô sắc định, tuy còn các vi tế tướng khó thấy, khó biết, cũng được gọi là hành vô tướng. Có chỗ nói người dùng 3 giải thoát môn, duyên Niết Bàn, cũng được gọi là hành vô tướng.

Như vậy vì sao nói ở nơi vô tướng, thì các tâm và tâm sở đều chẳng hiện hành? Duyên pháp vô tướng Niết Bàn mà các tâm và tâm sở còn chẳng diệt hướng nữa là duyên các pháp mà lại có tướng diệt hay sao?

Đáp: Vào kiến đế đạo chẳng còn có sắc, nên nói là vô tướng. Nhưng chẳng thể nói duyên pháp vô tướng Niết Bàn được. Vì sao? Vì Phật tán thán Niết Bàn là pháp vô tướng, vô lượng, bất khả tư nghì, cũng tức là pháp vô duyên, nên chẳng thể nói là có duyên được vậy.

Hỏi: Khi diệt các tướng sắc, các tướng nam, nữ v.v... là vào được vô tướng nên chẳng thể nói có tướng Niết Bàn được. Như vậy vì sao nói duyên tướng Niết Bàn? Khi duyên Niết Bàn, thì hành giả phải chấp tướng Niết Bàn, phải sanh tâm và tâm sở rồi vậy.

Đáp: Phật dạy “Hết thấy các duyên pháp hữu vi đều là lưới ma, hư vọng. Nếu nói duyên pháp Niết Bàn thì tâm và tâm sở pháp phải là thật pháp. Nếu chẳng chân thật, thì chẳng

thể thấy được Niết Bàn. Bởi vậy nên nói Niết Bàn có tướng có thể duyên là chẳng có hợp lý vậy.

Hỏi: *Phật thường tán thán Niết Bàn có 3 tướng, vì sao nay chỉ nói đến “vô tướng” mà thôi?*

Đáp: Cả 3 tướng đều là giả danh, chẳng thật có. Phải lập ra 3 tướng Niết Bàn nhằm phá 3 tướng hữu vi.

Vì sao? Vì nhằm phá các tướng hữu vi, nên nói đến vô sanh, vô trú, vô dị, vô diệt, còn pháp vô vi chẳng có các tướng sai khác, nên nói là vô tướng vậy.

Trước đây đã nói “vô sanh” là bất khả đắc, nên “sanh tướng” cũng là bất khả đắc. Phá “sanh tướng” đến chỗ rốt ráo rồi, thì chẳng cần nói đến “vô sanh” nữa. Vì khi đã ly hữu vi tướng rồi, thì vô vi tướng cũng là bất khả đắc. Vô vi tướng chỉ là danh tự, chẳng có tự tướng vậy.

Lại nữa, Phật pháp là chân thật, là tịch diệt, là chẳng có hý luận.

Nếu nói Niết Bàn có tướng, thì tức là nói Niết Bàn có định tướng có thể chấp; nói như vậy thành ra là hý luận. Mà đã là hý luận, thì khởi tranh cãi. Khi đã có tranh cãi, thì có sân nhuế. Mà đã có khởi sân nhuế, thì chẳng thể được Niết Bàn vậy.

Phật dạy, “Niết Bàn là vô tướng, là vô lượng, là bất khả tư nghì, là tận diệt các hý luận. Niết Bàn tướng tức là Bát nhã Ba-la-mật tướng nên nói ở đây chẳng có các tâm và tâm sở hiện hành”.

-o0o-

Ở phẩm trước đã có nói rằng, “Hành Bát nhã Ba-la-mật là ly tâm và phi tâm tướng”. Nếu phi tâm tướng là có, thì mới

nên nạn hỏi. Nay Bát nhã Ba-la-mật ly cả 2 bên, nên chẳng nên nạn hỏi vậy.

Lại nữa, do vô minh điên đảo và do các tà kiến nhân duyên của từ bao kiếp trước, mà nay mới sanh thân người. Ở nơi thân này, tuy các tâm và tâm sở được sanh ra do các thiện nhân duyên, nhưng tất cả đều chẳng có tự tánh, đều là hư dối, chẳng thật có. Vì sao? Vì có thiện nhân duyên mà nay mới được sanh làm người, làm Trời, được hưởng các phước lạc, nhưng phước cũng như tội đều là vô thường, là hư dối, là chẳng thật có. Bát nhã Ba-la-mật là chân tâm nên nơi đây có các tâm và tâm sở chẳng hiện hành.

Ngài Tu Bồ Đề chưa hiểu rõ vì sao các tâm và tâm sở pháp chẳng có hiện hành, nên hỏi Phật: Tu Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì tu mà phải thường tích tập các tâm và tâm sở pháp, thì tu như vậy chẳng thể nào được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là chẳng tu. Bát nhã Ba-la-mật là pháp vô vi; hành giả khi vào trong Bát nhã Ba-la-mật thường quán thật các tướng pháp. Bởi vậy nên nếu còn khởi tâm chấp có tu hay chẳng có tu đều là lầm lỗi cả. Đây là lý do vì sao Phật trả lời, “Chẳng được vậy”.

Hỏi: Vì sao ngài Tu Bồ Đề hỏi đến câu thứ 3, câu thứ 4 mà Phật vẫn đáp “Chẳng được vậy?”

Đáp: Vì ngài Tu Bồ Đề dùng “thù tướng, chấp tâm” mà hỏi, nên Phật đáp “Chẳng được vậy”.

Vì ngài Tu Bồ Đề dùng “tu và chẳng tu” mà nói “chẳng tu, chẳng phải chẳng tu”, là còn chấp tướng. Phải chẳng chấp tướng mà nói “chẳng tu, chẳng phải chẳng tu”, mới là chẳng

có lỗi. Bởi vậy nên ngài Tu Bồ Đề nêu lên 4 câu hỏi mà Phật đều đáp “Chẳng được vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy phải làm thế nào để được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Ông chưa rõ nghĩa “như như”. Nay ta vì ông nói đại Bồ tát được Nhất thiết chủng trí như như tướng. “Như” là như thật tế.

Hỏi: Trước đây ngài Tu Bồ Đề đã khéo giải về nghĩa “như”. Nay vì sao ngài lại khởi tâm nghi?

Đáp: “Như” chẳng có định tướng, nên ngài Tu Bồ Đề chẳng thể chẳng nghi vậy.

Mặc dù khi nghe Phật dạy “như” chẳng có định tướng, ngài Tu Bồ Đề đã được rõ; nhưng vì “như tánh” quá thâm thâm, có vô lượng nghĩa nên ngài chưa hiểu đến chỗ thâm nghĩa được. Ví như nước sâu, nước cạn chỉ là tương đối; cùng một vũng nước mà trẻ nhỏ cho là sâu, người lớn cho là cạn; quan niệm về sâu cạn có khác nhau vậy.

Hỏi: Vì sao chẳng dùng “như” để dụ cho “thật tế”, mà lại dùng “thật tế” để dụ cho “như”?

Đáp: “Như” và “thật tế” tuy là một, nhưng khi quán có sai khác, “như” là thể tánh của các pháp, là thật tế. Hành giả chẳng nên chấp tâm, thủ tướng.

Vì Phật biết ngài Tu Bồ Đề đã chứng đắc “thật tế”, nên mới dùng dụ nêu trên.

Hỏi: Thông thường nói “pháp tánh” trước, rồi sau đó mới nói đến “như”, đến “thật tế”. Nay vì sao lại nói “pháp tánh” sau cùng?

Đáp: Nay Phật muốn nói đến “ngã tánh, chúng sanh tánh, thọ mạng tánh”, nên mới chuyển “pháp tánh” ra sau cùng.

Lại nữa, khi vào được “kiến đế đạo”, hành giả chỉ mới thường quán các “pháp như”. Đến khi vào được “vô học đạo” mới tận đoạn được các vi tế phiền não, tức chứng định tâm. Ở nơi định tâm mới thông đạt được hết thấy tổng tướng cùng biệt tướng của các pháp, tức là mới thông đạt được “pháp tánh”. Vì sao? Vì “pháp tánh” là gốc thanh tịnh của các pháp. Đây là lý do vì sao dùng “pháp tánh” để dụ cho “thật tế”.

-o0o-

Nghĩa “pháp tánh” theo pháp Đại thừa và theo pháp Tiểu thừa có sai khác. Ngài Tu Bồ Đề hiểu rõ nghĩa theo pháp Tiểu thừa, nhưng ngài chưa được rõ nghĩa theo pháp Đại thừa, nên mới hỏi Phật.

Phật muốn dùng các sự việc của phàm phu để làm chứng, nên mới nói về “ngã tánh, chúng sanh tánh và thọ mạng tánh”, khiến ngài Tu Bồ Đề chẳng còn gì để hỏi nữa.

-o0o-

Phật phản vấn lại ngài Tu Bồ Đề: Ý ông nghĩ sao? Ngã và pháp có thể được chăng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng thể được vậy.

Vì sao? Vì ngài đã đắc quả Tu-đà-hoàn nên đã đáp như vậy. Bậc Tu-đà-hoàn mà còn thấy ngã và pháp đều bất khả đắc, huống nữa là bậc A-la-hán.

Phật dạy: Ông dùng trí độn của hàng Tiểu thừa mà còn thấy ngã và pháp đều bất khả đắc, huống nữa là Phật. Phật

dùng trí huệ quán ngã và pháp đều bất khả đắc, nên nói ngã bất khả thuyết, pháp cũng là như vậy. Bồ tát thường hành pháp bất khả thuyết, nên mới được Nhất thiết chủng trí. Bất khả thuyết, nên chẳng phân biệt là CÓ hay là KHÔNG vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chẳng có phân biệt, thì làm sao phân biệt nói có các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... dẫn đến có Thánh địa?

Phật đáp: Chúng sanh chẳng phải là định pháp, chẳng có định tướng. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v... chỉ là giả danh tự. Chư Thánh tùy thuận chúng sanh, nên nói có 6 đạo chúng sanh, mà thật ra chúng sanh là bất khả đắc. Bồ tát phải như vậy mà học bất khả thuyết Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát phải học hết thấy pháp, thì làm sao nói học hết thấy pháp bất khả thuyết?

Phật dạy: Bồ tát học hết thấy pháp mà phải biết các pháp đều là bất tăng, bất giảm. Do nhân duyên học các pháp bất sanh, bất diệt, mà Bồ tát biết được các pháp là bất tăng, bất giảm.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là học các pháp bất sanh, bất diệt?

Phật dạy: Là chẳng khởi, chẳng hành các hạnh nghiệp, nên CÓ và KHÔNG đều đoạn diệt cả. Như vậy là chẳng còn có 3 cõi, vì phải ly 3 cõi mới vào được Thánh địa.

Chư Thánh cầu diệt, phàm phu cầu sanh; Bồ tát biết rõ các pháp đều là vô sanh, vô diệt, nên chẳng hành 3 nghiệp, chẳng khởi các hạnh nghiệp tương ưng với các pháp. Biết rõ các pháp là vô sanh, vô diệt là vào được vô tướng giải thoát môn; chẳng khởi các hạnh nghiệp là vào được vô tác giải thoát môn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Phải tu phương tiện gì để đến được chỗ chẳng còn tác, chẳng còn khởi các hạnh nghiệp?

Phật dạy: Bồ tát phải thường quán các pháp là tự tướng không; quán sắc là tự tướng không... dẫn đến quán Vô Thượng Bồ Đề cũng là tự tướng không. Lúc bấy giờ, Bồ tát mới thành tựu được 2 việc:

- Chẳng tác, chẳng khởi các hạnh nghiệp.
- Ở nơi hết thấy pháp, mà vẫn hành được tự tướng không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là tự tướng không, thì làm sao Bồ tát có thể ở nơi các pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Chẳng hành mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, nên người hành, pháp hành và chỗ hành đều là bất khả đắc. Vì các pháp là không, nên Bát nhã Ba-la-mật là bất khả đắc, pháp hành Bát nhã Ba-la-mật, chỗ hành Bát nhã Ba-la-mật đều là bất khả đắc. Vì chúng sanh là không, nên người hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là bất khả đắc. Vì các lý luận bất khả đắc, nên nói Bồ tát chẳng hành mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng hành là hành Bát nhã Ba-la-mật, thì từ khi sơ phát tâm đến khi tọa đạo tràng, Bồ tát phải làm sao để hành Bát nhã Ba-la-mật?

Sở dĩ ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật như trên, vì ngài nghĩ rằng Bồ tát khi mới sơ phát tâm còn mê muội, điên đảo, nên cần phải hành, chẳng thể chẳng hành được vậy.

Phật dạy: Từ khi sơ phát tâm, Bồ tát phải học “vô sở đắc pháp”, mà chẳng đắc tức là chẳng hành vậy. Bồ tát dùng các phương tiện để hành bố thí, trì giới v.v... nhưng phải biết rõ hết thấy các pháp ấy đều là bất khả đắc, đều là vô sở đắc pháp cả. Tuy hành bố thí, trì giới v.v... mà biết rõ ở nơi thật tướng thì các pháp ấy đều là rốt ráo không, đều là bất khả đắc; dù ở trong CÓ hay ở trong KHÔNG cũng đều là bất khả đắc cả.

Bồ tát trú như vậy, nên được trí huệ tương ứng với Nhất thiết chủng trí. Bồ tát khi hành bố thí chẳng thấy có mình là người hành bố thí, có người thọ nhận sự bố thí, có tài vật mà mình đem ra bố thí, vì biết rõ các pháp đó đều bình đẳng, đều bất khả đắc. Dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề cũng như vậy. Ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng, “Hữu sở đắc là thế gian điên đảo. Vô sở đắc là Niết Bàn”, nên ngài hỏi Phật: Thế nào gọi là hữu sở đắc, và thế nào gọi là vô sở đắc?

Phật dạy: Pháp có hai là pháp hữu sở đắc; pháp chẳng có hai là pháp vô sở đắc.

Ví như có con mắt và sắc hòa hợp gọi là có 2, vì mắt và sắc là 2 pháp đối đãi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Khi chẳng thấy sắc, thì vẫn có mắt. Như vậy vì sao nói mắt chẳng ly sắc?

Phật dạy: Nay tuy con mắt chẳng quán sắc, nhưng lưu ảnh của sắc đã sẵn có ở nội trần. Điều đó cho biết nhãn căn và sắc trần là 2 pháp tương đãi vậy.

Bởi vậy, nên biết rằng hết thảy pháp hữu vi đều do nhân duyên hòa hợp sanh. Đã có nhân ắt phải có quả. Quả theo nhân sanh, nên chẳng có tự tánh. Dẫn đến ý cũng là như vậy.

Phàm phu, do vô trí, nên mới phân biệt có thiện, có bất thiện v.v... Còn người trí biết rõ cả 2 pháp đều là hư dối, biết rõ cả 2 pháp đều do nhân duyên sanh, nên là không; do vậy mà chẳng thấy có 2 tướng tương đãi vậy. Vì sao? Vì pháp có 2 tướng là pháp hữu sở đắc; pháp chẳng có 2 tướng là pháp vô sở đắc.

Phật dạy: Do có hữu sở đắc mới có vô sở đắc. Do duyên các pháp mà chấp có tướng hành đạo, nên là hữu sở đắc. Nếu chẳng duyên các pháp chẳng thủ tướng hành đạo, thì vào được rốt ráo không, tức là được vô sở đắc vậy.

Phật dạy tiếp: Chấp hữu sở đắc, chấp vô sở đắc đều làm lỗi. Bởi vậy nên ở nơi cả 2 việc đó, Bồ tát thường giữ tâm bình đẳng. Dùng vô sở đắc để phá chấp về hữu sở đắc; khi đã phá xong hữu sở đắc rồi, thì cũng phải bỏ luôn chấp về vô sở đắc. Như vậy mới có được tâm bình đẳng ở nơi hữu sở đắc và vô sở đắc vậy.

Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải phân biệt học như vậy. Hành Bát nhã Ba-la-mật như vậy là chân hành “vô sở đắc”, chẳng có làm lỗi. Bồ tát dụng vô sở đắc như vậy mà tu từ một địa này lên một địa khác cũng là như vậy.

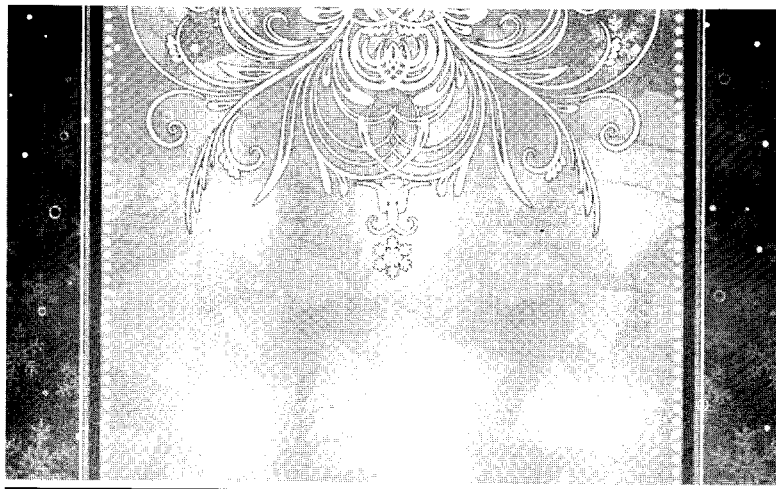
Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bát nhã Ba-la-mật bất khả đắc, Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc, Bồ tát bất khả đắc, thì Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật làm sao có thể phân biệt được các pháp tướng? Nếu nói hành Bát nhã Ba-la-mật là hành pháp bất khả đắc, thì làm sao được đầy đủ bố thí Ba-la-mật, ... dẫn đến đầy đủ hết thảy thiện pháp? Làm sao Bồ tát có thể vào được Bồ tát vị?

Phật đáp: Bồ tát chẳng đắc các pháp tướng, mới thật là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào mới gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật đáp: Hành vô sở đắc là hành Bát nhã Ba-la-mật. Hành hết thảy các pháp Không, Vô Tướng, Vô Tác, Vô Khởi là hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát vì thật tướng của hết thảy pháp mà hành Bát nhã Ba-la-mật, chẳng phải do chấp điên đảo mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Vì hết thảy pháp đều vô vi, vô tác, vô khởi nên Bồ tát phải hành vô vi, vô tác, vô khởi Bát nhã Ba-la-mật vậy.



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 84



Phẩm Thứ Bảy Mười



Tam Huệ (tiếp theo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu các pháp đều vô sở vi, vô sở tác thì chẳng nên phân biệt có 3 thừa.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp là vô sở vi, vô sở tác, thì chẳng có phân biệt; ở nơi hữu sở vi, hữu sở tác thì mới có phân biệt.

Vì sao? Vì phàm phu ngu muội chẳng biết được thánh pháp, nên chấp 5 ấm “sắc, thọ, tưởng, hành và thức”, chấp Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chấp Vô Thượng Bồ Đề. Họ quan niệm có sắc và được sắc... dẫn đến có Vô Thượng Bồ Đề và được Vô Thượng Bồ Đề.

Bồ tát nghĩ rằng, “Ta sẽ được Vô Thượng Bồ Đề; ta sẽ độ chúng sanh thoát khỏi sanh tử”.

Này Tu Bồ Đề, Ta dùng 5 nhãn quán sắc bất khả đắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề bất khả đắc. Phàm phu ngu muội, chẳng có huệ nhãn mà muốn được Vô Thượng Bồ Đề, muốn độ thoát chúng sanh chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Nếu Phật dùng 5 nhãn chẳng thấy có chúng sanh được độ thoát khỏi sanh tử, thì làm sao Thế Tôn ngày nay lại được Vô Thượng Bồ Đề? Làm sao Thế Tôn phân biệt được chúng sanh ở trong 3 tụ “chánh tụ, tà tụ và bất định tụ”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta được Vô Thượng Bồ Đề, lúc ban sơ, vốn chẳng thấy có chúng sanh ở trong 3 tụ.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh ở nơi vô pháp mà tướng có pháp. Ta muốn phá các chấp hư vọng của chúng sanh nên phải dùng thế pháp, nói có đắc; chẳng phải ta dùng đệ nhất nghĩa để vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú đệ nhất nghĩa mới được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng trú đệ nhất nghĩa, cũng chẳng trú nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề, thì như vậy Thế Tôn chẳng đắc Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng chẳng phải như vậy. Ta thật có đắc Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng trú nơi tướng hữu vi, chẳng trú nơi tướng vô vi.

Này Tu Bồ Đề! Ví như các hóa nhân do Phật biến hóa ra, chẳng trú nơi tướng hữu vi, chẳng trú nơi tướng vô vi mà các hóa nhân đó vẫn có đến, có đi, có ngồi, có đứng.

Này Tu Bồ Đề! Các hóa nhân đó hành Đản Ba-la-mật... dẫn đến hành Bát nhã Ba-la-mật; hành 4 thiền; 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 5 thần thông; hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; vào các tam muội “không, vô tướng và vô tác”; hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; hành 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4

vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi; được Vô Thượng Bồ Đề, rồi chuyển pháp luân. Các hóa nhân đó hóa tác ra vô lượng chúng sanh, có đủ cả 3 tụ.

Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Các hóa nhân đó hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến có 3 tụ chúng sanh chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng có vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy, Phật biết các pháp đều như hóa, ví như các hóa nhân độ vô lượng chúng sanh, mà thật chẳng có chúng sanh để độ.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp là như hóa, thì Phật cùng các hóa nhân có gì khác nhau đâu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phật cùng các hóa nhân chẳng khác.

Vì sao? Vì Phật thường làm các sự việc, hóa nhân cũng thường làm các sự việc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có Phật, thì riêng hóa nhân có thể tự làm các sự việc chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Riêng hóa nhân có thể làm được các sự việc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao chẳng có Phật mà riêng hóa nhân có thể làm các sự việc được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ví như trong quá khứ có đức Phật Tu Phiến Đa, vì muốn độ hàng Bồ tát mà hóa hiện ra Hóa Phật, rồi tự diệt độ. Vị Hóa Phật đó trụ thế nửa kiếp

làm các Phật sự, thọ ký cho hàng Bồ tát, rồi tự diệt độ. Lúc bấy giờ, hết thấy chúng sanh đều biết Phật đã thật diệt độ. Thế nhưng, này Tu Bồ Đề! Hóa nhơn thật chẳng có sanh diệt.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải tin, phải biết rằng hết thấy pháp đều như hóa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Phật cùng Hóa Phật chẳng khác, thì làm sao hành thanh tịnh thí được? Người cúng dường Phật, dẫn đến khi vào Vô Dư Niết Bàn, được phước đức vô cùng tận. Nếu có người cúng dường Hóa Phật thì người ấy cũng được phước đức vô cùng tận như vậy chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phật dùng thật tướng pháp, nên làm phước điền cho hết thấy chúng sanh. Hóa Phật cũng dùng thật tướng pháp nên cũng làm phước điền cho hết thấy chúng sanh.

Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải chỉ có cúng dường Hóa Phật được phước đức vô cùng tận như vậy.

Mà nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem tâm thành, cung kính niệm Phật, gieo trồng thiện căn, thì do nhân duyên đó cũng sẽ được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chỉ dùng một cành hoa tung lên hư không, thành tâm niệm Phật, thì do nhân duyên đó cũng sẽ được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận.

Nếu có thiện nam, thiện nữ nào chỉ một lần thành kính niệm Phật, thì do nhân duyên đó cũng sẽ được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Gieo trồng thiện căn nơi phước điền Phật được phước đức vô lượng. Bởi vậy nên phải biết rằng Phật cùng Hóa Phật chẳng có sai khác. Vì sao? Vì thật tướng của các pháp chẳng có sai khác vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy hành Bát nhã Ba-la-mật, nhập vào trong thật tướng các pháp. Thật tướng pháp chẳng hư hoại. Đó là Bát nhã Ba-la-mật tướng chẳng hư hoại, là Vô Thượng Bồ Đề tướng chẳng hư hoại vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu thật tướng pháp chẳng hư hoại, thì vì sao Phật lại nói đến sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nói đến nội pháp, ngoại pháp, thiện pháp, bất thiện pháp, hữu lậu pháp, vô lậu pháp, thế gian pháp, xuất thế gian pháp, hữu tránh pháp, vô tránh pháp, hữu vi pháp, vô vi pháp? Như vậy là ở nơi không pháp, mà Phật đã hoại các pháp tướng chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy. Đây là vì muốn dùng danh tự tướng để khai thị các pháp và các pháp tướng, làm cho chúng sanh được dễ hiểu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Dùng danh tự tướng để khai thị nói các pháp và các pháp tướng, thì chúng sanh mới được rõ. Thế nhưng, vì sao Thế Tôn đã nói hết thấy pháp đều là vô danh, vô tướng, mà nay lại dùng danh tự tướng nhằm khai thị cho chúng sanh được rõ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta tùy theo thế tục mà nói các pháp có danh, có tướng, nhưng thật chẳng có chỗ để chấp trước.

Này Tu Bồ Đề! Ví như phàm phu nghe nói đến khổ, thì liền chấp danh khổ, tùy tướng khổ; còn chư Phật và hàng đệ tử của Phật chẳng chấp danh, chẳng tùy tướng.

Này Tu Bồ Đề! Nếu danh mà chấp danh, tướng mà chấp tướng thì như vậy không cũng chấp không, vô tướng cũng chấp vô tướng, vô tác cũng chấp vô tác, thật tế cũng chấp thật tế, pháp tánh cũng chấp pháp tánh, vô vi tánh cũng chấp vô vi tánh.

Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đó chỉ có danh tướng, mà pháp lại chẳng trú trong danh tướng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải ở nơi danh tướng mà hành Bát nhã Ba-la-mật, có nghĩa là ở nơi danh tướng mà chẳng chấp danh tướng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì Bồ tát vì ai mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề? Vì ai mà thọ các khổ, hành Bồ tát đạo... dẫn đến hành đầy đủ đại từ, đại bi?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Như lời ông vừa nói, nếu hết thấy pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì Bồ tát vì ai mà hành Bồ tát đạo ư?

Này Tu Bồ Đề! Hữu vi pháp chỉ có danh tướng, mà danh tướng đó là không, nên Bồ tát hành Bồ tát đạo, được Nhất thiết chủng trí chuyên pháp luân, dùng 3 thừa pháp để độ thoát chúng sanh vậy. Phải biết hết thấy pháp chỉ có danh tướng, mà danh tướng là chẳng sanh, chẳng trú, chẳng dị, chẳng diệt.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết nhất thiết trí chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ta thuyết nhất thiết trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thuyết nhất thiết trí, thuyết đạo chủng trí, thuyết Nhất thiết chủng trí. Nghĩa của 3 trí đó sai khác nhau như thế nào?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nhất thiết trí là trí của hết thầy Thanh Văn và Bích Chi Phật; đạo chủng trí là trí của Bồ tát, Nhất thiết chủng trí là trí của Phật

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao nhất thiết trí của Thanh Văn và Bích Chi Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật do biết hết thầy các nội pháp và ngoại pháp, mà được nhất thiết trí, nhưng chẳng có được đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao đạo chủng trí là trí của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải biết hết thầy các đạo, nên phải đầy đủ Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Bồ tát đạo. Bồ tát lại phải biết dùng các đạo đó để hóa độ chúng sanh, mà chẳng tác chứng thật tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy thì Bồ tát phải đầy đủ các đạo mà chẳng tác chứng thật tế chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chưa thanh tịnh Phật độ, chưa thành tựu chúng sanh, thì chẳng nên tác chứng thật tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát trú trong đạo, có nên tác chứng thật tế chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú vừa trong đạo vừa trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trú vừa trong phi đạo, vừa trong phi phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như vậy Bồ tát phải trú ở nơi nào mới tác chứng thật tế ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Người trú trong đạo do chẳng thọ các pháp, mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người trú trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người vừa trú trong đạo, vừa trú trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Người vừa trú trong phi đạo, vừa trú trong phi phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng vậy. Con chẳng trú chỗ nào, chẳng thọ các pháp, mà được tâm lậu tận, được giải thoát.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Cũng như vậy Bồ tát phải ở nơi vô sở trú mà tác chứng thật tế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là “Nhất thiết chủng trí tướng”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì là nhất tướng, nên gọi là Nhất thiết chủng trí tướng. Đây có nghĩa là hết thấy các pháp đều là tịch diệt tướng. Lại nữa, những hạnh loại và tướng mạo của các pháp được hiển bày qua danh tự và ngôn ngữ, Phật đều như thật biết. Đây gọi là Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nhất thiết trí, đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí đều có công năng đoạn kiết sử, nhưng kết quả đoạn kiết sử có gì sai khác nhau chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Dù đoạn phiền não chẳng có sai khác nhưng chư Phật tận đoạn các phiền não tập khí; còn hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chưa có tận đoạn phiền não tập khí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Người chưa được vô vi pháp có đoạn được phiền não chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong vô vi pháp có thể sai khác chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu trong vô vi pháp chẳng thể có sai khác, thì vì sao có người tận đoạn phiền não và tập khí; có người tận đoạn phiền não mà chưa tận đoạn tập khí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tập khí chẳng phải là phiền não. Ví như hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật tự như còn hiện các tướng dâm nộ si ở thân khẩu và ý, mà phạm phước cho là còn phạm tội. Đó chỉ là tập khí lưu dư của 3 độc. Chỉ có các đức Phật mới chẳng còn các tập khí của 3 độc.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu đạo là vô pháp, và Niết Bàn cũng là vô pháp, thì làm sao có thể phân biệt có Tu-đà-hoàn, có Tu-đà-hàm, có A-na-hàm, có A-la-hán, có Bích Chi Phật, có Bồ tát, có Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tất cả đều được vô vi pháp, nhưng phân biệt có sai khác nhau như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do vô vi mà có sự phân biệt sai khác như vậy chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thế Tôn tùy ngôn thuyết thế gian mà phân biệt nói có sai khác, chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Vì ở trong đệ nhất nghĩa chẳng có sự phân biệt thuyết. Vì sao? Vì trong đệ nhất nghĩa chẳng có ngôn thuyết. Nếu nói có các kiết sử là nói có hậu tế (đời sau) rồi vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các pháp đều là tự tướng không, thì tiền tế (đời trước) còn bất khả đắc, huống nữa là hậu tế (đời sau).

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nói các pháp tự tướng không, thì tiền tế còn bất khả đắc, huống nữa là hậu tế.

Này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh chẳng biết các pháp tự tướng không nên ta vì họ nói có tiền tế, có hậu tế. Ở nơi các pháp tự tướng không, thì tiền tế và hậu tế đều bất khả đắc cả.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải ở nơi pháp tự tướng không, mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành pháp tự tướng không, thì chẳng còn có chỗ chấp, được vô sở trước vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn thường thuyết Bát nhã Ba-la-mật. Do nghĩa gì mà Thế Tôn gọi là Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Được đệ nhất độ là “độ hết thấy pháp qua bờ bên kia”. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Chư Phật, chư Bồ tát, chư Bích Chi Phật, chư A-la-hán đều dùng Bát nhã Ba-la-mật mà qua được bờ bên kia. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Phân biệt, trừ lượng, phá hoại hết thấy các pháp cho đến vi trần, sẽ thấy rõ các pháp đều chẳng kiên cố, bền chắc. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Các pháp như, pháp tánh, thật tế đều vào trong Bát nhã Ba-la-mật. Do nghĩa ấy mà ta gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp hợp hay tan, sắc hay vô sắc, hữu kiến hay vô kiến, hữu đối hay vô đối, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là Vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật sanh hết thấy pháp, hết thấy lạc thuyết biện tài, hết thấy chiếu minh.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật thường bị các ác ma, các Thanh Văn, các ngoại đạo oán thù. Nhưng các người ác chẳng thể phá hoại được các Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao? Vì các hạng người ấy ở trong Bát nhã Ba-la-mật đều bất khả đắc.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải đúng theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà hành.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn hành theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, thì phải hành theo nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã; cũng phải hành theo nghĩa khố trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tý trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thật trí.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát vì phải hành theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà phải hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Trong thâm Bát nhã Ba-la-mật này, nghĩa cùng phi nghĩa đều bất khả đắc cả. Vì sao Bồ tát vì thâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật, mà phải hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thậm thâm, nên Bồ tát phải học như vậy. Bồ tát phải niệm rằng, “Tham dục là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành; sân nhuế và ngu si là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành; hết thấy tà kiến là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành”. Vì sao? Vì 3 độc là như tướng, chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải niệm rằng, ‘Sắc chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa... dẫn đến thức chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa;

Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Phật đấng Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng có pháp khả đắc, hoặc có nghĩa, hoặc chẳng phải chẳng có nghĩa.

Này Tu Bồ Đề! Dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp vẫn thường trú, chẳng có nghĩa chẳng phải chẳng có nghĩa.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải ly nghĩa, và phải ly phi nghĩa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bát nhã Ba-la-mật nghĩa là chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Hết thấy các pháp hữu vi đều là vô tác tướng, nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy các bậc Thánh hiền cũng như các bậc đệ tử của Phật đều lấy vô vi làm nghĩa.

Nay vì sao Phật lại dạy, “Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Dù các Thánh cũng như các đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng chẳng phải vì thế mà nghĩa ấy có tăng, có giảm.

Này Tu Bồ Đề! Ví như hư không chẳng có làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng có làm tổn hại chúng sanh. Cũng như vậy, Bát nhã Ba-la-mật cũng chẳng có tăng, chẳng có giảm.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát chẳng học vô vi Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học vô vi Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng dùng “hai pháp” mới được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chẳng dùng “hai pháp” có thể vào được “bất nhị pháp” chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! “Hai pháp” có thể được “bất nhị pháp” chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát chẳng dùng “hai pháp” và cũng chẳng phải chẳng dùng “hai pháp”, thì làm sao mà được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vô sở đắc tức là đắc.

Bởi vậy nên đắc là đắc chỗ chẳng đắc vậy.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Nếu hết thấy pháp đều chẳng có tướng khởi, chẳng có tướng tác, thì làm sao phân biệt có 3 thừa?

Phật dạy: Phàm mê muội, chưa được đạo, mới chấp có 3 thừa pháp, chấp pháp không, pháp vô tướng, pháp vô tác v.v... Do vậy mà khởi tâm nghi. Ta dùng 5 nhãn quán sắc... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều bất khả đắc. Chỉ có người chẳng có mắt mới muốn có sắc, được sắc... dẫn đến muốn có Vô Thượng Bồ Đề, được Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng có chúng sanh, chẳng có pháp, thì vì sao nói có 3 tụ chúng sanh?

Phật dạy: Đây là tùy theo thể tục mà phân biệt có 3 tụ chúng sanh. Nếu y theo đệ nhất nghĩa đế, thì cả 3 tụ chúng sanh là bất khả đắc.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Phật trú đệ nhất nghĩa mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật đáp: Chẳng phải vậy.

Ở đây, ngài Tu Bồ Đề vì các tân phát ý Bồ tát mà hỏi Phật, nên Phật đáp lại như vậy.

Vì sao? Vì đệ nhất nghĩa là vô sở hữu, nên chẳng thể trú ở nơi đây.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trú nơi điên đảo mà được Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghi, nên hỏi: Nếu chẳng trú đệ nhất nghĩa, cũng chẳng trú nơi điên đảo, thì Phật chẳng đắc Vô Thượng Bồ Đề chẳng?

Phật đáp: Phật thật được đạo Vô Thượng Bồ Đề vì vô sở trú.

Chẳng trú trong hữu vi tánh, vì hữu vi tánh là hư dối, chẳng thật có. Cũng chẳng trú trong vô vi tánh, vì vô vi tánh là không, là vô sở hữu.

Đến đây, Phật muốn giải rõ thêm, nên nêu lên thí dụ về Hóa Phật.

Vì sao? Vì Hóa Phật chẳng trú trong hữu vi tánh cũng chẳng trú trong vô vi tánh, mà vẫn thường đi lại thuyết pháp.

Hỏi: *Nói hóa nhân đi lại thuyết pháp thì còn hợp lý. Nhưng hóa nhân đó làm sao có thể hành bố thí Ba-la-mật được?*

Đáp: Đây chẳng phải là nói hóa nhân thật sự có hành các pháp sự, mà nói chúng sanh chẳng có huệ nhãn, nên thấy tựa như hóa nhân thật sự có làm các hóa sự vậy. Do vậy mà Phật dẫn thí dụ ở trong kinh về trường hợp Phật Tu Phiến Đa đã diệt độ mà còn lưu lại Hóa Phật thuyết pháp độ sanh.

Ngài Tu Bồ Đề, tuy đã tin lời Phật, nhưng ngài muốn Phật khai thị về nghĩa Hóa Phật và Chân Phật chẳng có sai khác, nên ngài hỏi Phật rằng: Nếu Phật và Hóa Phật chẳng khác, nếu người cúng dường Chân Phật cho đến khi vào Vô Du Niết Bàn, được phước đức vô cùng tận, thì người cúng dường Hóa Phật cũng được phước đức vô cùng tận như vậy chăng?

Phật dạy: Cúng dường chân Phật hay Hóa Phật thì phước đức cũng như nhau, chẳng khác. Phật dùng thật tướng pháp, nên cúng dường Phật được phước đức vô cùng tận. Hóa Phật cũng như vậy. Nếu đem tâm bình đẳng, vô phân biệt cúng dường Phật và Hóa Phật, thì sẽ được phước đức bình đẳng, vô phân biệt.

Hỏi: *Hóa Phật chẳng có được 10 Phật lực cùng các công đức như Phật, thì làm sao có thể cùng Chân Phật bình đẳng được.*

Đáp: 10 Phật lực cùng các công đức khác đều vào trong thật tướng pháp cả. Nếu ly thật tướng pháp, thì 10 Phật lực chẳng phải là Phật pháp nữa, mà trái lại phải đọa vào trong các tà kiến điên đảo.

Hỏi: *Nếu chân Phật và Hóa Phật đều ở nơi thật tướng pháp, thì vì sao trong kinh nói đến trường hợp khởi ác tâm*

làm thân Phật chảy máu phải bị tội “ngũ nghịch”, mà chẳng nói đến Hóa Phật?

Đáp: Trong kinh chỉ nói đến trường hợp khởi ác tâm làm thân Phật chảy máu mà chẳng có nói rõ là thân Phật hay là Hóa Phật. Nếu cúng dường Hóa Phật có phước đức, thì hủy báng Hóa Phật cũng phạm tội “ngũ nghịch” vậy. Vì sao? Vì kẻ ác khi hành động như vậy chấp Hóa Phật là Chân Phật, nên việc làm ác đối với Chân Phật và Hóa Phật chẳng có sai khác vậy.

Hỏi: *Trong Tỳ Ni có dạy, “Giết hóa nhân cũng phạm tội sát”. Nghĩa ấy như thế nào?*

Đáp: Tỳ Ni lấy việc thế gian mà dạy chúng tăng; do thấy chúng sanh rong ruổi theo giả danh khiến phải sa vào trong tội lỗi, mà kết giới vậy.

Thế nhưng mức độ phạm giới và phạm tội có nặng, có nhẹ, tùy theo từng trường hợp. Ví như:

- Người vì hộ trì Phật pháp mà làm những việc trái với giới luật, thì dù phạm giới nặng mà chỉ thọ tội nhẹ.

- Người tu theo ngoại đạo đánh giết trâu dê để tế thần, thì dù chẳng phạm giới mà phạm tội nặng.

- Người giết hóa trâu, hóa dê, mặc dù chẳng gây cơ hiểm với chúng sanh, nhưng luận về tự tâm, thì tội giết trâu dê hay giết hóa trâu, hóa dê chẳng khác, nên tội cũng như nhau.

- Người dụng ý chế giới khiến chúng sanh cơ hiểm nhau, thì do ác ý đó mà phải phạm tội nặng. Trong kinh có dạy rằng, “Tội do ý nghiệp gây ra nặng hơn các tội chỉ đơn thuần do thân nghiệp và do khẩu nghiệp, vì ý nghiệp dẫn đạo vậy”.

Trong kinh cũng có nêu các trường hợp tội phước do ý nghiệp dẫn sanh lớn hơn các trường hợp tội phước do thân

ngiệp và khẩu nghiệp rất nhiều. Ví như người tà kiến tuy chẳng làm phiền chúng sanh, mà do gieo nhân tà kiến đó đã đoạn thiện căn của người khác, nên phạm tội nặng, có thể phải đọa địa ngục. Cũng như vậy, người hành từ tam muội, tuy chẳng ban phát tài vật gì cho chúng sanh, mà có phước đức thù thắng hơn người hành bố thí.

Bởi vậy nên, người khởi ác tâm làm hại Chân Phật hay Hóa Phật đều phạm tội bình đẳng như nhau; Người thành tâm cúng dường Chân Phật hay Hóa Phật đều được phước bình đẳng như nhau.

Nơi đây, Phật dạy rằng, “Chân Phật cũng như Hóa Phật đều đầy đủ các tướng tốt trang nghiêm, hào quang chiếu diệu như nhau”. Ví như người đứng trước tượng Phật bằng đá, bằng đất, đứng trước hình Phật vẽ trên giấy v.v... mà thành tâm niệm Phật, thì người ấy cũng được thoát khổ, dẫn đến cũng sẽ được phước đức vô cùng tận. Lại ví như người tán hoa giữa hư không, nhất tâm niệm Phật cũng được thoát khổ dẫn đến cũng sẽ được phước đức vô cùng tận. Lại ví như người thành tâm niệm Phật, dù chỉ một câu thôi, cũng được thoát khổ, dẫn đến sẽ được phước đức vô cùng tận vậy.

Hỏi: Người chỉ tán hoa giữa hư không mà niệm Phật... dẫn đến chỉ 1 phen xưng danh hiệu Phật làm sao có thể có được được thoát khổ, được phước đức vô cùng tận như vậy.

Đáp: Những người ấy do nghe Phật thường độ hết thảy chúng sanh thoát khỏi các khổ “sanh, già, bệnh, chết”, mà sanh tâm tín Phật, đem hương hoa cúng dường Phật, xưng danh hiệu Phật, nên được đoạn tận các khổ, được phước đức vô cùng tận. Phật là phước điền tối thượng, nên người cúng dường Phật được phước đức vô lượng vậy.

Người cúng dường phước điền Phật, dù là Chân Phật hay Hóa Phật, đều được phước đức vô lượng, vì thật tướng pháp là chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu thật tướng pháp là chẳng là chẳng thể hoại, thì vì sao nay Phật lại phân biệt các pháp là sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến là hữu vi pháp, là vô vi pháp v.v... Như vậy các pháp tướng ấy cũng chẳng thể hoại chẳng?

Phật dạy: Phật tuy có phân biệt nói các pháp, tuy có dùng ngôn thuyết, nhưng đó là chỉ muốn khiến chúng sanh được tâm giải thoát, được vô sở chấp mà thôi. Nếu hai đức Phật nói chuyện với nhau, thì chẳng nói đến các pháp danh tự, vì chúng sanh cũng như các pháp đều là không vậy.

Phật vì chúng sanh mà phân biệt nói có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; nói có nội pháp, ngoại pháp; nói có thiện pháp, ác pháp v.v... lại cũng dùng các thí dụ, như trong kinh Pháp Hoa nói đến nhà lửa để dụ cho 3 cõi, nói đến ông trưởng giả dùng 3 cỗ xe đưa con ra khỏi nhà lửa để dụ cho đức Phật phương tiện dùng 3 thừa giáo độ thoát chúng sanh ra khỏi nhà lửa 3 cõi v.v... Đây chỉ là phương tiện dùng danh tự tướng để nói pháp, mà chẳng hoại đệ nhất nghĩa vậy

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thảy các pháp thật sự đều là hư vọng, chẳng thật có, thì vì sao Phật lại vì chúng sanh dùng danh tự tướng để nói pháp?

Phật dạy: Thánh nhân tùy theo thể tục mà nói các pháp có danh, có tướng, nhưng thật chẳng có chấp các danh tướng đó. Phạm phu nghe nói đến khổ liền chấp có danh khổ, có tướng khổ; còn các đệ tử của Phật nói đến khổ mà chẳng chấp danh khổ, chẳng chấp tướng khổ. Ví như “khổ đế” chỉ là danh tướng, chẳng thật có, mà phạm phu lại chấp danh tướng đó.

Nếu chấp như vậy, thì trong không cũng chấp không, trong vô tướng cũng chấp vô tướng, trong vô tác cũng chấp vô tác... dẫn đến trong vô vi tánh cũng chấp vô vô vi tánh.

Nên biết hết thảy các pháp đều là như tướng. Ví như “khổ đế” chỉ có nơi danh tướng, mà danh tướng cũng chẳng trú trong danh tướng.

Bồ tát dùng danh tướng mà hành Bát nhã Ba-la-mật, quán các pháp đều là bình đẳng, là chẳng thật có.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chỉ có danh tướng, thì Bồ tát vì ai mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Hết thảy pháp đều chỉ có danh tướng, mà danh tướng cũng là không, nên các pháp đều là rốt ráo không, đều vào trong như pháp tánh thật tế. Bởi vậy nên Bồ tát thường phát Vô Thượng Bồ Đề tâm... dẫn đến thường dùng 3 thừa giáo để hóa độ chúng sanh.

Nếu các pháp quyết định là thật có, chẳng phải là danh tướng, thì cũng là chẳng có sanh, chẳng có diệt. Đã là chẳng có sanh diệt, thì cũng chẳng có khổ, tập, diệt, đạo. Như vậy cũng chẳng còn gì để độ nữa cả vậy. Thế nhưng Bồ tát biết rõ hết thảy danh tướng pháp đều là bình đẳng, là không, nên xa lìa các chấp điên đảo của thế gian, lại cũng biết danh tướng không đó cũng là không, nên xa lìa danh tướng không. Như vậy là xa lìa cả “hữu”, cả “vô”, nhập vào trung đạo; trú nơi trung đạo mà độ chúng sanh vậy.

Ý Phật nói, “Bồ tát hành trung đạo Bát nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế Tôn thuyết nhất thiết trí chẳng?

Phật dạy: Ta thuyết nhất thiết trí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế Tôn thường thuyết nhất thiết trí, đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí. Nghĩa của 3 trí ấy có gì khác nhau chăng?

Phật dạy: Nhất thiết trí là trí của hàng Thanh Văn. Vì sao? Vì trí biết hết thấy nội và ngoại pháp đều là vô thường, khổ, không, vô ngã, là tổng tướng của Thanh Văn trí và Bích Chi Phật trí.

Đạo chủng trí là trí của hàng Bồ tát. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ cả 4 đạo gồm: Nhân Thiên phước lạc đạo, và 3 thừa đạo. Thế nhưng Bồ tát phải dẫn chúng sanh vào Vô Thượng đạo chẳng để cho họ lạc về Nhị thừa mà thủ chấp Niết Bàn, cũng chẳng để cho họ tham chấp Nhân Thiên phước lạc. Bồ tát biết rõ các đạo; biết rõ tu 10 thiện nghiệp đạo dẫn đến Nhân Thiên phước lạc đạo; tu 37 Phẩm Trợ Đạo là tu Thanh Văn đạo; tu 6 Ba-la-mật là tu Bồ tát đạo. Bồ tát lại phải đưa cả 3 thừa đạo về Phật đạo. Bởi vậy nên gọi là Bồ tát đạo chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao Bồ tát hành Bồ tát đạo phải đầy đủ đạo chủng trí?

Phật dạy: Bồ tát phải học tất cả các đạo để phương tiện giáo hóa chúng sanh. Nếu Bồ tát ra vào các đạo mà chưa đầy đủ giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, thì chưa tác chứng thật tế.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên 4 câu hỏi:

- Trú trong đạo có nên tác chứng thật tế chăng?
- Trú trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?
- Trú vừa trong đạo vừa trong phi đạo có nên tác chứng thật tế chăng?

- Trú vừa trong phi đạo vừa trong phi phi đạo có nên tác chứng thật tế chẳng?

Tất cả 4 trường hợp đó, Phật đều trả lời là: Chẳng vậy.

Vì sao? Phật nêu lên 2 lý do khiến người trú trong đạo chẳng có thể tác chứng thật tế được. Đó là:

- Bồ tát trú trong đạo mà còn phải lưu hoặc để độ sanh, nên chưa phải là rốt ráo thanh tịnh, chưa phải là được chánh trí. Nếu đã có được chánh trí, thì chẳng còn khác Phật. Bồ tát vẫn còn các tập khí phiền não, nên vẫn còn có lỗi lầm.

- Hết thấy pháp hữu vi đều là hư dối hòa hợp, nên chỉ có giả danh, chẳng quyết định là thật có vậy.

Trú trong đạo mà còn chẳng tác chứng được thật tế, huống nữa là trú trong phi đạo, trong phi phi đạo. Nếu còn chấp đạo, phi đạo, và phi phi đạo là còn lỗi lầm, vì còn chấp tâm, thủ tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề nghĩ rằng, “Phật thật có đặc đạo Vô Thượng Bồ Đề”, nên ngài lại hỏi Phật: Như vậy Bồ tát phải trú ở nơi nào mới tác chứng thật tế?

Phật chẳng có trực tiếp trả lời ngài Tu Bồ Đề, mà lại phản vấn lại như sau:

- Người trú trong đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

- Người trú trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

- Người trú vừa trong đạo vừa trong phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

- Người trú vừa trong phi đạo vừa trong phi phi đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề đáp: Chẳng vậy. Con do chẳng trú nơi nào, chẳng thọ các pháp mà được tâm lậu tận, được giải thoát.

Hỏi: *Vì sao Phật chẳng trực tiếp trả lời ngài Tu Bồ Đề, mà trở lại phản vấn ngài?*

Đáp: Ngài Tu Bồ Đề biết rõ chỗ đắc đạo của mình, chẳng lầm lạc, nhưng vì quý trong chỗ Phật chứng đắc, nên ngài mới hỏi như trên đây, làm như vẫn còn chấp tâm, còn chưa rõ mà phải hỏi Phật vậy. Bởi vậy nên Phật đã dùng chỗ chứng đắc của ngài Tu Bồ Đề mà phản vấn ngài.

Phật hỏi: Khi ông chứng được đạo, thì ông có trú trong 4 chỗ nêu trong các câu hỏi đó chẳng?

Ngài Tu Bồ Đề Đáp: Chẳng vậy. Con ở nơi vô sở trú mà tâm được lậu tận, được giải thoát.

Phật dạy: Ông trú trong “vô sở trú” mà được tâm lậu tận, được giải thoát. Cũng như vậy, Bồ tát chẳng trú trong 4 chỗ nêu trên đây mà tác chứng thật tế.

Đây là lý do vì sao Phật phản vấn ngài Tu Bồ Đề. Phật dùng 4 câu để phản vấn ngài Tu Bồ Đề là đã gián tiếp trả lời 4 câu hỏi của ngài rồi vậy.

Hỏi: *Ngài Tu Bồ Đề trú trong Kim cang tam muội mà được tâm lậu tận, được giải thoát. Như vậy vì sao nói, “Chẳng phải trú trong đạo mà được tâm lậu tận, được giải thoát”?*

Đáp: Nếu nói có trú là có chấp tướng, là chấp có định pháp vậy. Người cầu Phật đạo phải là người cầu “vô vi thắng pháp”, nên nói là chẳng có trú. Ở trong hữu vi pháp mà còn chẳng chấp, còn chẳng trú ở trong đó, huống nữa là ở trong vô vi pháp.

Lại nữa, nói có trú là nói có danh tướng, có phân biệt; đó

chỉ là phạm phu pháp. Còn vào Kim cang tam muội là vào nơi vô tướng pháp, nơi vô phân biệt, là được giải thoát vậy.

Phật dùng vô tướng pháp nên nói với ngài Tu Bồ Đề rằng: Ông chẳng nên dùng danh tướng mà hỏi về Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí là Phật trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi là thông đạt được hết thầy pháp trong 3 đời, là được vô ngại trí là biết hết thầy các sự việc từ lớn đến nhỏ, từ thô đến tế v.v... chẳng có sự việc gì mà chẳng hay biết cả. Phật khai thị về nghĩa của “Nhất thiết chủng trí”. Đó là:

- Trí thông đạt thật tướng của hết thầy pháp là tướng tịch diệt. Ví như nước ở sâu dưới đáy biển chẳng bị gió làm chao động; vì ở quá sâu, nên các sóng mới chẳng thể khuấy khởi được. Cũng như vậy, gió hý luận chẳng thể làm lay động được Nhất thiết chủng trí.

- Trí thông đạt vô ngại hết thầy các ngôn ngữ, danh tự; lại nhiếp được cả “CÓ” lẫn “KHÔNG”.

Có thuyết nói, “Nhất thiết chủng trí là trí biết rõ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí... dẫn đến 18 bất cộng pháp đều là tướng trí huệ hòa hợp”.

Có thuyết nói, “Vào được Kim cang tam muội là thứ lớp được vô ngại giải thoát, nên các sự việc dù lớn hay nhỏ, dù khó hay dễ, dù sâu hay cạn, cùng vô lượng nhân duyên khác, hành giả đều như thật biết”.

Trí biết như vậy gọi là Nhất thiết chủng trí.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trí huệ có thượng, có trung, có hạ. Như vậy sự đoạn phiền não của 3 trí ấy có gì sai khác chăng?

Phật dạy: Chẳng có gì sai khác cả. Vì sao? Vì khi đã đoạn được phiền não rồi, thì chẳng còn có sai khác nữa. Ví như con dao có bén, có lụt sai khác nhau, nên khi dùng dao để cắt có thể nhanh hay chậm sai khác nhau; nhưng khi đã cắt xong rồi, thì chẳng còn có sai khác nữa. Như Lai đã tận đoạn các tập khí phiền não; hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đã tận đoạn phiền não, nhưng chưa tận đoạn tập khí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Sự đoạn phiền não tập khí là hữu vi hay là vô vi?

Phật dạy: Tất cả đều nhiếp về vô vi pháp. Phải được vô vi pháp mới đoạn được phiền não tập khí vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Ở nơi vô vi mà có sự sai khác chăng?

Phật dạy: Thế Tôn tùy ngôn thuyết thế gian mà nói có sai khác; đó chẳng phải là đệ nhất nghĩa. Ở nơi đệ nhất nghĩa chẳng có sự phân biệt thuyết.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng có sự sai khác, thì vì sao lại phân biệt có tận đoạn phiền não và kiết sử, có đoạn phiền não mà chưa tận đoạn kiết sử, có hữu dư và vô dư?

Phật dạy: Tập khí chẳng phải là chân phiền não. Có người đã đoạn sạch phiền não, mà ở nơi thân vẫn còn các tướng tập khí lưu dư hiện ra, khiến phàm phu thấy vậy cho là chưa được tâm thanh tịnh. Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

* Ngài Mật Đà Tư Tra vào 500 đời trước đã làm thân khí, nên dù đã chứng quả A-la-hán mà ngài vẫn còn tập khí nhảy nhót, chuyển từ cây này sang cây khác tựa như loài khí vậy. Phàm phu nhìn ngài như vậy thường dấy tâm khinh khi, xem ngài tựa khí, như vượn. Đây là trường hợp đã được tâm thanh tịnh, mà lưu dư tập khí vẫn còn hiện ra ở nơi thân.

* Ngài Tất Lãng Già Bà Sa vào 500 đời trước là 1 vị Bà-la-môn thông minh nhưng rất kiêu mạn. Mặc dù đã chứng quả A-la-hán nhưng ngài vẫn còn tập khí kiêu mạn. Một hôm ngài muốn qua sông Hằng mà nước chảy xiết chẳng thể qua được. Ngài bèn bảo vị thần sông, “Này con tiểu tì! Hãy làm cho dòng nước ngưng lại”. Vị thần sông đến bạch Phật. Phật dạy ngài phải đến xin lỗi vị thần sông. Ngài đến trước vị thần sông, chấp tay và nói rằng, “Tiểu tỳ! Ta đến xin lỗi ngươi đây”. Đây là trường hợp đã được tâm thanh tịnh, mà tập khí kiêu mạn vẫn còn hiện khởi nơi lời nói vậy.

Trái lại, Phật đã đoạn tận phiền não và tập khí. Trong kinh có chép các mẫu chuyện sau đây:

* Có 1 vị Bà-la-môn ác khẩu, bịa ra 500 chuyện để hủy báng Phật mà Phật vẫn thản nhiên, chẳng đổi sắc mặt; vị Bà-la-môn ấy tự hối, sanh tâm hoan hỷ, và dùng 500 lời tán thán Phật, mà Phật cũng vẫn thản nhiên, chẳng tỏ vẻ vui mừng.

* Sau khi đã thành đạo, Phật đã có chân công đức, vang danh khắp cả 10 phương. Vậy mà có ông Phạm Chí giết nàng Tôn Đà La, đem chôn thân nàng cạnh liêu Phật, rồi vu oan giá họa cho Phật. Phật nghe như vậy mà tâm Phật vẫn chẳng thay đổi, chẳng buồn bực, chẳng oán hận.

* Có lần Phật ôm bát vào trong tụ lạc của Bà-la-môn khát thực, chẳng được ai cúng dường, đành phải ôm bát không trở về, mà tâm Phật vẫn bình thản. Chư Thiên thấy vậy phải cúng dường thay.

* Có thời Phật phải trải qua 3 tháng ăn lúa mạch của ngựa; có thời Phật được chư Thiên cung kính cúng dường; có thời Phật phải ngủ qua đêm trong rừng, bị gai đâm, bị gió lạnh; có thời Phật được chư Thiên cúng dường ngọc cù êm dùi trải trên phiến đá trắng trơn mát v.v...

Đối trước các sự việc như vậy, tâm Phật vẫn bình thản tự tại.

* Lại nữa, Đề Bà Đạt Đa lăn đá để làm hại Phật, La Hầu La cung kính Phật, mà đối với hai người ấy Phật vẫn thương yêu quý mến như thương quý đôi mắt, tâm Phật vẫn bình đẳng, chẳng có phân biệt. Ví như vàng ròng nấu mãi chẳng có đôi sắc. Phật trải qua các sự việc vui buồn, vẫn giữ tâm chẳng tăng, chẳng giảm. Thế mới biết Phật đã tận đoạn các phiền não và kiết sử, nên các sự thương ghét, vui buồn đều bình đẳng, vô phân biệt.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thật tướng pháp là vô sở hữu, mà ở nơi vô sở hữu thì chẳng có phân biệt. Như vậy vì sao phân biệt có các quả vị Thanh Văn, Bích Chi Phật... dẫn đến có quả vị Phật? Vì sao Phật tận đoạn tập khí mà hàng Thanh Văn chưa tận đoạn tập khí?

Phật dạy: Cả 3 thừa đều dùng vô vi pháp mà đều có sai khác. Nhân ở nơi vô vi mà có sai khác như vậy, nên mới có hữu vi, mới nói có pháp khả đắc vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong vô vi mà có sai khác chăng?

Phật dạy: Do tùy thế tục mà dùng ngôn ngữ, danh tự, nên mới có sự sai khác, đó chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

Vì ở nơi đệ nhất nghĩa thì hết thấy ngôn ngữ đều đoạn, hết thấy tâm hành đều diệt nên là chẳng có phân biệt. Bởi vậy nên nói các thánh nhân đều tận đoạn các kiết sử. Nếu nói còn có các kiết sử là nói còn có hậu tế (đời sau) để lợi sanh, hậu tế đó là hữu dư Niết Bàn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề thưa: Các pháp đều là tự tướng không thì tiền tế (đời trước) còn bất khả đắc, huống nữa là hậu tế (đời sau).

Vì sao? Vì do có tiền tế mới có hậu tế. Chúng sanh chẳng biết các pháp là tự tướng không, nên chấp có tiền tế, có hậu tế, mà chẳng biết rằng ở nơi tự tướng không thì tiền tế và hậu tế đều bất khả đắc cả. Nếu có sanh mới có già chết, mà sanh là vô sanh, là chẳng có nhân duyên sanh, thì cũng chẳng có già chết vậy. Còn nếu nói có già chết rồi mới có sanh thì chẳng thể có sanh được, ắt là cũng chẳng có già chết vậy. Bởi vậy nên nói “Trong các pháp tự tướng không thì tiền tế và hậu tế đều bất khả đắc cả”.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Bồ tát phải ở nơi tự tướng không mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Bồ tát hành pháp tự tướng không, thì chẳng còn chấp nội pháp, ngoại pháp... dẫn đến chẳng còn chấp “pháp không”. Do chẳng có chỗ chấp như vậy, nên được vô sở chấp.

Hỏi: Trước đây đã có nói nhiều về Bát nhã Ba-la-mật tướng. Nay vì sao còn nói nữa?

Đáp: Đây chẳng phải chỉ nói nhiều về tướng của Bát nhã Ba-la-mật, mà còn rộng nói về nghĩa của Bát nhã Ba-la-mật nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Do nghĩa gì mà Thế Tôn gọi là Bát nhã Ba-la-mật ?

Phật dạy: Do được “Độ nhất độ”, tức là “độ hết thấy pháp qua bờ bên kia” nên được gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Xét về “trí độ” nên phân biệt có 3 hạng, Đó là:

- Trí độ của hàng Thanh Văn là hạ trí.
- Trí độ của hàng Bích Chi Phật là trung trí.
- Trí độ của hàng Bồ tát là thượng trí, cũng gọi là Độ nhất độ.

Lại nữa, có 9 phẩm độ phiền não nhiếp về 3 bậc trí huệ thượng, trung và hạ, mỗi bậc có 3 phẩm. Bồ tát dùng thượng trí huệ độ nên gọi là đệ nhất độ. Hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật phần nhiều độ ở nơi tổng tướng, rất ít ở nơi biệt tướng. Bồ tát ở nơi hết thấy tổng tướng và biệt tướng đều được rõ ràng nên gọi là đệ nhất độ.

Khi độ Bồ tát có trí huệ đầy khắp, nên ở nơi các pháp đều khắp biết. Hàng Nhị thừa ở nơi các pháp có biết; nhưng chẳng cùng khắp. Bởi vậy nên gọi trí độ của Bồ tát là đệ nhất độ.

Bồ tát Đại thừa có vô lượng phước đức trí huệ, đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo, được chư Phật, chư Đại Bồ tát cùng chư Thiên ở khắp 10 phương thường hộ niệm, nên được an ổn độ. Ví như người dùng thuyền 7 báu, được người hướng dẫn tốt, chở đầy đủ thực phẩm tốt, gặp gió êm, biển lặng, ắt sẽ đến được đích an toàn, như vậy gọi là “hảo độ”. Còn người nương theo chiếc bè mong manh để vượt qua biển, tâm đầy lo âu sợ hãi, thì chẳng thể gọi là ‘hảo độ’ được.

Lại nữa, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật dùng 3 thừa đạo đưa chúng sanh qua bờ bên kia, là bờ Niết Bàn. Ở nơi đây chẳng còn có ưu bi khổ não nữa. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật tư duy, trừ lượng, phá hoại các pháp cho đến vi trần, thì hết thấy các pháp, dù ngoại hay nội, dù lớn hay nhỏ v.v... đều chẳng kiên cố, chẳng bền chắc. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Hết thấy pháp đều vô phân biệt, nên vào trong Bát nhã Ba-la-mật thì sắc pháp cũng như tâm pháp đều là tán hoại, là bất khả đắc. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Bát nhã Ba-la-mật còn được gọi là trí huệ Ba-la-mật, là trí huệ “đáo bị nạn”, là bờ mé của hết thảy trí huệ. Trí huệ Ba-la-mật chẳng thể bị phá hoại, là như pháp tánh thật tế. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, trong Bát nhã Ba-la-mật chẳng có pháp hợp hay tan, sắc hay vô sắc, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi. Vì sao? Vì Bát nhã Ba-la-mật là vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng. Do nghĩa ấy nên gọi là Bát nhã Ba-la-mật.

Lại nữa, Bát nhã Ba-la-mật thường sanh hết thảy trí huệ, hết thảy thiên định, hết thảy lạc thuyết biện tài. Nhờ có lực Bát nhã Ba-la-mật mà nói ra một câu có thể chứa đựng vô lượng nghĩa trang nghiêm, vô cùng tận. Bát nhã Ba-la-mật soi chiếu cùng khắp, đến tận những nơi mà mặt trăng, mặt trời cùng các ngôi sao chẳng thể chiếu đến được. Bát nhã Ba-la-mật thường phá tan các tà kiến vô minh hắc ám, nên tà ma, ngoại đạo cùng các hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật chẳng thể phá hoại được.

Vì sao? Nếu Bồ tát nhất tâm tín thọ, trì tụng Bát nhã Ba-la-mật, thì các ác niệm chẳng thể xâm phạm được, nếu Bồ tát có chánh ức niệm, thường như thuyết tu hành thì các kẻ ác chẳng có thể phá hoại được.

Phật dạy: Bồ tát phải đúng theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật như vậy mà hành. Bồ tát muốn hành theo nghĩa Bát nhã Ba-la-mật thì phải hành theo nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã, cũng phải hành theo nghĩa khô trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tỷ trí, nghĩa thể trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa vô sanh trí, nghĩa như thật trí.

Ví như trong biển lớn có vô số châu báu vừa lớn, vừa nhỏ, nhưng chỉ có như ý bảo châu là quý hơn hết. Cũng như vậy, trong số 11 trí, thì 10 trí nêu lên trước đều là vô thường.

Chỉ có trí thứ 11 tức là như thật trí mới là trí huệ của Phật, là trí huệ tôn quý nhất.

Hỏi: Trước đây nói hành vô thường chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật. Nay vì sao nói hành vô thường là hành Bát nhã Ba-la-mật?

Đáp: Trước đây cũng đã nói về 2 trường hợp hành vô thường:

- Nếu còn chấp tâm, còn hý luận mà hành vô thường, thì đó chẳng phải là hành Bát nhã Ba-la-mật.

- Nếu chẳng chấp tâm, chẳng hý luận mà dùng vô thường để phá chấp thường, nhưng tự mình chẳng chấp vô thường, thì đó mới là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: Trong 3 tạng kinh điển thường chỉ nói đến 10 trí. Sao nay lại nói thêm trí thứ 11 là như thật trí?

Đáp: “Như thật trí” là của Đại thừa pháp. Nên biết Đại thừa pháp thường thọ Tiểu thừa pháp, mà Tiểu thừa pháp chẳng thể thọ Đại thừa pháp vậy.

Hỏi: Trong 10 trí nêu lên trước, mỗi trí đều có thể tướng riêng. Như vậy, thể tướng của như thật trí là như thế nào?

Đáp: Có thuyết nói: Biết rõ thật tướng của hết thấy pháp là như pháp tánh thật tế. Như vậy gọi là như thật trí tướng.

Nơi đây, Phật nói chỉ có trí huệ của Phật mới gọi là như thật trí. Vì sao? Vì Bồ tát chưa đoạn sạch “trần sa vô minh”, nên chưa có thể như thật biết. Cũng như hàng Nhị thừa, Bồ tát chưa tận đoạn tập khí, nên chưa có thể biết hết thấy pháp, hết thấy chủng; do vậy mà chưa được như thật trí. Chỉ có Phật đã tận đoạn vô minh, nên mới có được như thật trí.

Hỏi: Nếu nói trừ Phật ra, chẳng có ai có được như thật trí, thì hàng Nhị thừa làm sao có thể được Niết Bàn, và hàng Đại Bồ tát làm sao được vô sanh pháp nhẫn?

Đáp: Như thật trí có thể hiểu theo 2 nghĩa:

- Phật đã đầy đủ “như thật trí”.

- Chư đại Bồ tát cũng như chư Thanh Văn chưa có được đầy đủ “như thật trí”.

Trí của Bồ tát cũng như của hàng Nhị thừa chỉ ví như ánh sáng của một ngọn đèn nhỏ, chỉ đủ để phá bóng tối của căn nhà, nhưng căn nhà chưa được sáng tỏ. Nếu có thêm một ngọn đèn lớn, thì căn nhà được chiếu sáng nhiều hơn. Cũng như vậy, Bồ tát cũng như của hàng Nhị thừa, tuy có trí huệ phá được vô minh, nhưng chưa tận trừ vô minh đến gốc rễ. Trí huệ của Phật mới tận trừ vô minh đến gốc rễ.

Trí huệ của Bồ tát và trí huệ của hàng Thanh Văn Nhị thừa chưa được gọi là “như thật trí”. Vì sao? Vì Bồ tát và hàng Thanh Văn chưa biết khắp “biên tri” như Phật được. Chỉ có trí huệ của Phật mới được gọi là “như thật trí”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Trong tâm Bát nhã Ba-la-mật, nghĩa và phi nghĩa đều là bất khả đắc. Như vậy vì sao Bồ tát phải vì tâm nghĩa Bát nhã Ba-la-mật mà hành Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tham dục, sân nhuế, ngu si là phi nghĩa. Nghĩa như vậy chẳng nên hành. Hết thấy các phiền não, hết thấy các tà kiến là phi nghĩa. Nghĩa như vậy chẳng nên hành.

Nên biết rằng, các pháp được chia ra làm 3 loại. Đó là:

- Tham dục cùng hết thấy các phiền não, tà kiến là phi nghĩa.

- 6 pháp Ba-la-mật cùng hết thấy các thiện pháp là nghĩa.

- Hết thấy các sắc pháp cùng vô ký pháp là phi nghĩa, phi phi nghĩa (chẳng có nghĩa, chẳng phải chẳng có nghĩa).

Người hành các phiền não thì sanh tâm thương ghét. Người hành 6 Ba-la-mật và các thiện pháp, thì sanh tâm ái niệm. Người hành các pháp vô ký, thì sanh tâm si.

Như trong kinh nói, “Phàm phu khi thọ lạc liền sanh tâm tham; khi thọ khổ liền sanh tâm sân; khi thọ “phi lạc, phi khổ” liền sanh tâm si”.

Trái lại, Bồ tát thường nghĩ rằng, “Hết thấy các thiện pháp, ác pháp và vô ký pháp đều là phi nghĩa, chẳng nên niệm. Vì sao? Vì ở nơi nhất như tướng, thì hết thấy các pháp đều là phi nghĩa, đều là vô phân biệt”.

Lại nữa, khi thành đạo, Phật chẳng thấy có một pháp nào cả. Dù là nghĩa, dù là phi nghĩa, khi đã vào trong thật tướng rồi, thì hết thấy pháp đều là nhất như, vô phân biệt. Dù có Phật, dù chẳng có Phật, thì hết thấy pháp đều là thường trú.

Nếu biết được như vậy là biết được nghĩa, phá được hết thấy các sự phân biệt của tâm. Bởi vậy nên nói, “Nghĩa cùng phi nghĩa đều chẳng nên làm”.

Phật dạy tiếp: Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật phải ly nghĩa, và phải ly phi nghĩa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vì sao nói Bát nhã Ba-la-mật là phi nghĩa và cũng là phi phi nghĩa (chẳng có nghĩa cũng chẳng phải chẳng có nghĩa)?

Phật dạy: Hết thấy các pháp hữu vi đều vô tác tướng, vô khởi tướng (chẳng có tướng tác, chẳng có tướng khởi), nên Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Hết thấy chư Phật cùng chư đệ tử Phật đều lấy vô vi là nghĩa. Như vậy vì sao Phật nói Bát nhã Ba-la-mật chẳng có nghĩa, và cũng chẳng phải chẳng có nghĩa?

Phật dạy: Hết thấy chư Phật và chư Thánh, tuy đều lấy vô vi làm nghĩa, nhưng chẳng phải vì thế mà nghĩa ấy có tăng, có giảm.

Ví như hư không chẳng có làm lợi ích cho chúng sanh, cũng chẳng có làm tổn hại chúng sanh, nên chẳng có nghĩa, cũng chẳng phải chẳng có nghĩa.

Tuy hư không là pháp “không”, mà hết thấy thế gian đều nương nơi hư không, mà làm ra đủ các sự việc. Cũng như vậy, tuy Bát nhã Ba-la-mật là vô vi tướng, mà người tu hành phải có lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật mới có thể tu 5 Ba-la-mật kia cùng hết thấy các Phật pháp vậy.

Người có chấp tâm mới nói Bát nhã Ba-la-mật có nghĩa, hay chẳng có nghĩa. Người chẳng có chấp tâm thì chẳng thấy Bát nhã Ba-la-mật có nghĩa, hay chẳng có nghĩa.

Y theo thế tục đế, nên nói “nghĩa” và “phi nghĩa”. Nếu y theo đệ nhất nghĩa đế, thì chẳng nói như vậy.

Lại nữa, có 2 thứ Bát nhã Ba-la-mật. Đó là:

- Hữu vi Bát nhã Ba-la-mật.
- Vô vi Bát nhã Ba-la-mật.

Học hữu vi Bát nhã Ba-la-mật là học đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, và an trú trong đó. Học vô vi Bát nhã Ba-la-mật là diệt sạch hết cả tập khí phiền não, viên thành Phật đạo.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát chẳng học vô vi Bát nhã Ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng? Nếu học vô vi Bát

nhã Ba-la-mật mà được Nhất thiết chủng trí, thì vì sao nói là chẳng có nghĩa?

Phật dạy: Bồ tát học vô vi Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng dùng “hai pháp” mới được Nhất thiết chủng trí.

Chẳng phân biệt các pháp, chẳng thủ chấp các pháp tướng mới gọi là chẳng dùng “hai pháp”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Chẳng dùng “hai pháp” có thể vào được trong “bất nhị pháp” chăng?

Phật dạy: Chẳng được. Vì sao? Vì “bất nhị pháp” tức là “vô vi pháp”. Mà “vô vi” tức là “vô hữu đắc”, là chẳng có được vậy.

“Vô vi pháp” là pháp chẳng có tướng đắc, là pháp chẳng thể hành được.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Nếu chẳng dùng “hai pháp” mà chẳng được “bất nhị pháp”, thì dùng “hai pháp” có thể được “bất nhị pháp” chăng?

Phật dạy: Chẳng vậy. Vì sao? Vì “hai pháp” là chẳng thật. Như vậy làm sao có thể dùng pháp chẳng thật đó để được “thật pháp”?

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng dùng “hai pháp”, và cũng chẳng phải chẳng dùng “hai pháp”, thì Bồ tát làm sao được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: “Vô sở đắc” tức là đắc vậy. Bởi vậy nên đắc là đắc chỗ chẳng đắc.

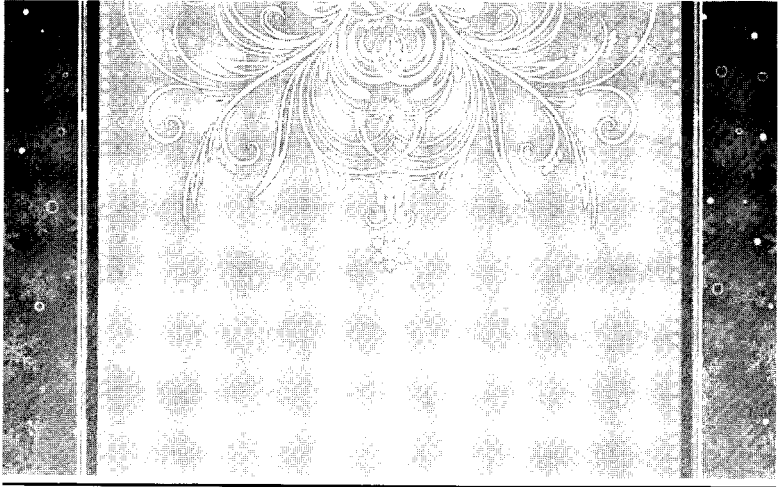
-o0o-

Nơi đây, nên biết rằng pháp bất nhị (chẳng hai) tức là

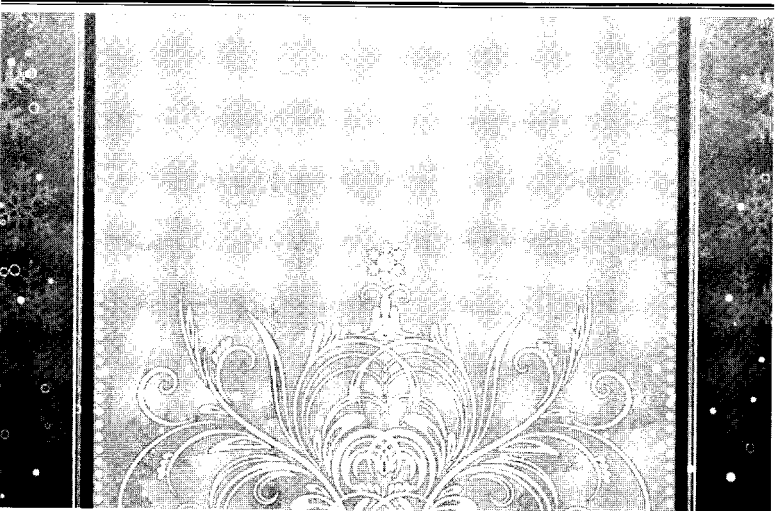
pháp vô phân biệt (chẳng có phân biệt), là pháp vô sở đắc (chẳng chỗ đắc). Mà pháp vô sở đắc thì chẳng thể do hữu sở đắc làm ra.

Người tu hành tuy hành pháp hữu vi, mà lại đắc chỗ vô sở đắc, nên chẳng chấp tâm, chẳng thủ tướng vậy. Vì sao? Vì phải cùng với không, vô tướng và vô tác hòa hợp mà hành các pháp.

(Hết quyển 84)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 85



Phẩm Thứ Bảy Mười Mốt



Đạo Thọ(*)
(Cây Đạo)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Bồ tát biết chúng sanh bất khả đắc mà vẫn vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề. Thật là việc rất khó làm.

Bạch Thế Tôn! Như người muốn trồng cây giữa hư không rất khó làm. Bồ tát biết chúng sanh bất khả đắc mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề cũng là như vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát làm việc rất khó làm. Vì muốn độ chúng sanh điên đảo chấp ngã, mà Bồ tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Ví như người trồng cây chẳng biết gốc, thân, cành, lá, hoa, quả của cây sẽ làm ra sao, mà vẫn vui vẻ bón phân, tưới nước khiến cây lớn dần dần, trổ lá, đơm hoa rồi kết quả, kết hạt đều được thành tựu đều đặn.

Cũng như vậy, Bồ tát vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề, lần lần hành 6 pháp Ba-la-mật, được Nhất thiết

*. Đạo Thọ: (cây đạo) còn được gọi là Giác Thọ (cây giác), Bồ đề thọ (cây bồ đề). Phật ngồi thiền dưới gốc cây bồ đề mà được đắc đạo. Cũng còn được gọi là Phật thọ (cây Phật).

chúng trí, thành tựu “Phật thọ”, rồi đem lá, hoa, quả, hạt làm lợi ích chúng sanh.

* Thế nào là lá cây làm lợi ích chúng sanh?

Nhờ Bồ tát mà chúng sanh được ra khỏi 3 đường ác. Như vậy là lá cây làm lợi ích chúng sanh.

* Thế nào là hoa làm lợi ích chúng sanh?

Nhờ Bồ tát mà chúng sanh được sanh làm người trong các đại gia, đại tộc; được sanh lên cõi trời Tứ Thiên Vương... dẫn đến cõi trời Phi tướng phi phi tướng. Như vậy là hoa làm lợi ích chúng sanh.

* Thế nào là quả làm lợi ích chúng sanh?

Nhờ Bồ tát được Nhất thiết chủng trí mà chúng sanh mới được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật. Bồ tát dùng 3 thừa pháp, lần lần độ chúng sanh, an lạc chúng sanh nơi Vô Dur Niết Bàn. Như vậy là quả làm lợi ích chúng sanh.

Bồ tát biết chúng sanh là không, là bất khả đắc, mà vẫn độ chúng sanh, khiến chúng sanh xa lìa chấp ngã điên đảo. Bồ tát tự nghĩ rằng, “Trong hết thấy pháp đều chẳng có chúng sanh vì chúng sanh thật là bất khả đắc, mà ta vẫn phải vì chúng sanh cầu Nhất thiết chủng trí vậy”.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Phải biết vì Bồ tát ấy là như Phật rồi vậy. Vì sao? Vì do nhân duyên vì Bồ tát ấy đoạn dứt hạt giống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mà đoạn dứt được hết thấy các khổ nạn, bần cùng, hạ tiện; đoạn dứt hết thấy các hạt giống cõi Dục, cõi Sắc và cõi vô Sắc.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Phải biết vị Bồ tát ấy là như Phật rồi vậy.

Nay Tu Bồ Đề! Nếu chẳng có Bồ tát phát Vô Thượng Bồ Đề tâm, thì ở thế gian, trong cả 3 đời, chẳng có Phật, cũng chẳng có Bích Chi Phật, chẳng có A-la-hán, A-na-hàm, Tu-đà-hàm, Tu-đà-hoàn, cũng chẳng ngừng dứt cảnh chúng sanh đọa lạc trong 3 đường ác, qua lại trong 3 cõi.

Nay Tu Bồ Đề! Đúng như lời ông nói, Bồ tát ấy là như Phật vậy. Vì sao? Vì do “như” mà gọi là Như Lai; do “như” mà gọi là Bích Chi Phật, là A-la-hán, là A-na-hàm, là Tu-đà-hàm, là Tu-đà-hoàn; do “như” mà gọi là sắc... dẫn đến là thức; do “như” mà gọi hết thủy pháp... dẫn đến hữu vi tánh, vô vi tánh v.v... Tất cả đều là “như thật”, chẳng có sai khác. Bởi vậy nên gọi là “như”. Bồ tát học “như” mà được Nhất thiết chủng trí, mà được gọi là Như Lai.

Bởi nhân duyên vậy, nên nói, “Phải biết vị Bồ tát ấy là như Phật, vì hành như tướng vậy”.

Nay Tu Bồ Đề! Thế nên Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như. Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như, thì có thể học hết thủy pháp như. Học hết thủy pháp như thì được đầy đủ hết thủy pháp như.

Được đầy đủ hết thủy pháp như rồi, thì được tự tại ở nơi hết thủy pháp như. Được tự tại ở nơi hết thủy pháp như rồi, thì khéo biết căn của hết thủy chúng sanh. Khéo biết căn của hết thủy chúng sanh rồi thì khéo biết căn đầy đủ của hết thủy chúng sanh, khéo biết nghiệp nhân duyên của hết thủy chúng sanh.

Khéo biết nghiệp nhân duyên của hết thủy chúng sanh rồi, thì được nguyện trí đầy đủ. Được nguyện trí đầy đủ

rồi, mới được trí huệ 3 đời thanh tịnh. Được trí huệ 3 đời thanh tịnh rồi, mới được lợi ích chúng sanh. Lợi ích chúng sanh rồi, mới thanh tịnh Phật độ. Thanh tịnh Phật độ rồi, mới được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi mới chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân rồi, mới an lập chúng sanh nơi 3 thừa đạo, khiến họ vào được Vô Dư Niết Bàn.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát muốn được hết thảy công đức, tự lợi và lợi tha, thì phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát nào đúng như pháp mà hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thảy thế gian, Trời, người, a tu la đều phải đánh lễ.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát nào đúng như thuyết mà hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thảy thế gian, trời, người, a tu la đều phải đánh lễ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát sơ phát tâm mà vì chúng sanh cầu Vô Thượng Bồ Đề có được bao nhiêu phước đức?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu trong tiểu thiên thế giới, tất cả chúng sanh đều phát tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật. Ý ông nghĩ sao? Phước đức của những chúng sanh ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức vô lượng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của họ chẳng bằng được phước đức của Bồ tát tân phát ý. Trong trăm, ngàn, vạn, ức phần chẳng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh kịp.

Vì sao? Vì Thanh Văn và Bích Chi Phật do nơi Bồ tát mà xuất sanh ra; còn Bồ tát chẳng phải do nơi Thanh Văn và Bích Chi Phật xuất sanh ra vậy.

Trong cõi trung thiên thế giới, cõi đại thiên thế giới... dẫn đến trong 3.000 đại thiên thế giới cũng là như vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Nếu trong 3.000 đại thiên thế giới, tất cả chúng sanh đều được Càn Huệ địa. Ý ông nghĩ sao? Phước đức của những chúng sanh ấy có nhiều chăng?

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Rất nhiều. Phước đức vô lượng.

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phước đức của họ chẳng bằng được phước đức của Bồ tát tân phát ý. Chẳng những họ trú Càn Huệ địa, mà trú Tánh địa, Bạt địa, Ly Dục địa, Bích Chi Phật địa, thì phước đức của họ cũng chẳng sao bằng được phước đức của Bồ tát tân phát ý. Trong trăm, ngàn, vạn, ức phần chẳng bằng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh kịp.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Trong 3.000 đại thiên thế giới, Bồ tát sơ phát ý chẳng bằng được Bồ tát đã nhập pháp vị, Bồ tát đã nhập pháp vị chẳng bằng được Bồ tát hướng Phật đạo, Bồ tát hướng Phật đạo chẳng bằng được Phật. Nếu đem công đức của chư Bồ tát so sánh với công đức của Phật, thì trong trăm, ngàn, vạn, ức phần chẳng được một... dẫn đến chẳng có toán số thí dụ nào có thể đem ra so sánh kịp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát sơ phát tâm nên niệm những pháp gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nên niệm Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là

Nhất thiết chủng trí? Thế nào là duyên, là tăng thượng, là hành, là tướng của Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nhất thiết chủng trí là vô sở hữu, vô niệm, vô sanh, vô thị (chẳng chỗ có, chẳng niệm, chẳng sanh, chẳng hiển thị).

Ông hỏi về duyên, về tăng thượng, về hành, về tướng của Nhất thiết chủng trí chẳng?

Này Tu Bồ Đề! Nhất thiết chủng trí là vô pháp, lấy vô duyên làm duyên, lấy niệm làm tăng thượng, lấy tịch diệt làm hành, lấy vô tướng làm tướng. Đó là là duyên, là tăng thượng, là hành, là tướng của Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Chỉ có Nhất thiết chủng trí là vô pháp, hay là sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng đều là vô pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Sắc là vô pháp...dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng đều là vô pháp cả.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Nhất thiết chủng trí là vô pháp; sắc... dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng đều là vô pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì Nhất thiết chủng trí là tự tánh không, mà pháp tự tánh không tức là vô pháp vậy. Sắc... dẫn đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng là như vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà các pháp là tự tướng không?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Các pháp do nhân duyên hòa hợp sanh, nên ở nơi pháp chẳng có tự tánh; mà pháp chẳng có tự tánh tức là vô pháp. Bởi vậy nên Bồ tát biết

hết thấy pháp đều là vô tánh. Vì sao? Vì hết thấy pháp đều là tánh Không vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tánh không, thì Bồ tát sơ phát tâm phải dùng phương tiện gì để hành Đản Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nhằm thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh; phải dùng phương tiện gì để hành 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 chánh đạo, 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí, nhằm thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát học hết thấy pháp vô tánh, mà vẫn có thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, vì biết rõ thế giới và chúng sanh cũng đều là vô tánh. Đó chính là lực phương tiện của Bồ tát vậy.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là tu học Phật đạo... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí là tu học Phật đạo. Thế nhưng Bồ tát biết rõ Phật đạo cũng là vô tánh. Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là tu học Phật đạo... dẫn đến chưa thành tựu 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí cũng là tu học Phật đạo. Khi đã được đầy đủ các nhân duyên Phật đạo rồi, Bồ tát dùng nhất niệm tương ưng huệ, được Nhất thiết chủng trí.

Lúc bấy giờ, hết thấy các phiền não, tập khí chẳng còn sanh, nên Bồ tát dùng Phật nhãn quán khắp cõi đại thiên thế giới, thấy “vô pháp” còn chẳng có, huống nữa là “hữu pháp”.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải hành “vô tánh Bát nhã Ba-la-mật” mới có được lực phương tiện, vì “vô pháp” còn chẳng có, huống nữa là “hữu pháp”.

Này Tu Bồ Đề! Khi bố thí, Bồ tát chẳng biết có pháp bố thí, có người thọ thí, có Bồ tát tâm, vì “vô pháp” còn chẳng biết được, huống nữa là “hữu pháp”. Dẫn đến khi hành Nhất thiết chủng trí, Bồ tát chẳng biết có người đắc, có pháp đắc, có chỗ đắc, vì “vô pháp” còn chẳng biết, huống nữa là “hữu pháp”.

Vì sao? Vì tánh của hết thấy pháp vốn là như vậy; chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do Thanh Văn và Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do ai khác làm ra. Vì hết thấy pháp đều chẳng có tác giả làm ra vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Hết thấy pháp đều là tánh ly chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều là tánh ly.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hết thấy pháp đều là tánh ly, thì làm sao pháp ly lại biết được pháp ly? Pháp ly là hữu pháp hay là vô pháp?

Vì sao? Vì vô pháp chẳng thể biết vô pháp, hữu pháp chẳng thể biết hữu pháp, vô pháp chẳng thể biết hữu pháp, hữu pháp chẳng thể biết vô pháp.

Bạch Thế Tôn! Như vậy là hết thấy pháp đều chẳng có tướng, thì làm sao Bồ tát có thể phân biệt nói có “hữu pháp”, và nói có “vô pháp”?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tùy theo thế tục để mà Bồ tát vì chúng sanh nói CÓ, nói KHÔNG. Đây chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế khác nhau chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế chẳng có sai khác nhau.

Vì sao? Vì “thế đế như” tức là “đệ nhất nghĩa như”. Vì chúng sanh chẳng biết được như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh nói CÓ, nói KHÔNG vậy.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Vì chúng sanh ở nơi 5 ám mà khởi chấp tướng, chẳng biết 5 ám là chẳng có tướng (vô sở hữu tướng), nên Bồ tát phải vì họ nói CÓ, nói KHÔNG.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

LUẬN:

Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật dạy, “Vô sở đắc tức là đắc” sanh tâm hoan hỷ, bạch Phật rằng: Bát nhã Ba-la-mật rất thậm thâm. Bồ tát vì chúng sanh mà làm các việc rất khó làm, y như người muốn trồng cây giữa hư không vậy.

Phật dụ “Phật thọ” (cây Phật) như cây đại thọ đem lá, hoa, quả, hạt làm lợi ích chúng sanh, từ thô đến tế, từ cạn đến sâu.

Ví như vòm là cây che nắng mặt trời, đem lại sự im mát; cũng như vậy, Bồ tát giáo hóa chúng sanh, đưa họ ra khỏi 3 đường ác, là những nơi nóng bức, khổ đau khiến họ thoát được các khổ. Ví như hoa với màu sắc tươi đẹp, hương thơm thanh khiết đem lại sự tươi vui, cũng như vậy, Bồ tát đem bố thí, trì giới giáo hóa chúng sanh, khiến họ được hưởng các phước lạc ở cõi trời và cõi người. Ví như cây có nhiều quả có màu sắc tươi đẹp, hương vị thơm ngon; cũng như vậy, Bồ tát đem 3 thừa đạo, giáo hóa chúng sanh khiến họ được 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Phật.

Ngài Tu Bồ Đề nghe như vậy sanh tâm hoan hỷ bạch Phật: Bồ tát do nhân duyên đoạn dứt hạt giống địa ngục, ngã quỷ, súc sanh, nên là như Phật rồi vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy. Nếu chẳng có Bồ tát phát tâm cầu Vô Thượng Bồ Đề, thì ở thế gian chẳng có Thanh Văn, Bích Chi Phật, cũng chẳng đoạn dứt cảnh chúng sanh đọa về 3 đường ác, qua lại trong 3 cõi.

Vì Bồ tát được pháp “như” nên gọi là Như Lai. Sắc... dẫn đến hữu vi tánh, vô vi tánh đều là “như”, chẳng có sai khác. Bồ tát học “pháp như” mà được nhất thiết chủng trí nên nói là như Phật, chẳng có sai khác. Phật là như, Bồ tát cũng là như, hết thầy pháp đều là như; chẳng có pháp nào mà chẳng vào trong “như” vậy.

Hỏi: *Nếu Bồ tát được “như” mà gọi là như Phật, thì vì sao hết thầy chúng sanh cũng có “tánh như”, mà chẳng gọi là như Phật?*

Đáp: Do nhân duyên chúng sanh cũng có “tánh như”, mà chẳng phát khởi “tánh như”, chẳng làm lợi ích chúng sanh... dẫn đến chẳng được nhất thiết chủng trí, nên chẳng được gọi là Như Lai.

Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật như; học Bát nhã Ba-la-mật như, mới được hết thầy pháp như, mới vào được nơi thật tướng pháp, mới được tự tại ở nơi hết thầy pháp.

Bồ tát được tự tại ở nơi hết thầy pháp, nên biết rõ được căn chúng sanh, biết rõ những chúng sanh có căn đầy đủ. Ở trong 3 thừa, Bồ tát biết rõ người có tín căn, người chẳng có tín căn, người có tín lực, người chẳng có tín lực v.v... Bồ tát biết rõ người có đầy đủ 5 căn, 5 lực mới có thể ra khỏi thế gian. Vì có đầy đủ tín căn, tín lực mới có thể thọ trì các thiện pháp, mà chẳng nghi

hối; người có tấn căn, tấn lực, dù chưa thấy được đạo, cũng đã nhất tâm tinh tấn cầu đạo, chẳng ngưng nghỉ, chẳng tiếc thân mạng; người có niệm căn, niệm lực, thì thường nhớ nghĩ đến lời thầy dạy, thường hành các thiện pháp, xa lìa ác pháp. Người có định căn, định lực thường nhiếp tâm, chẳng lay động; do có định mà khởi sanh được trí huệ. Người có huệ căn, huệ lực mới có thể thật quán được thật tướng các pháp.

Người đầy đủ 5 căn được chia làm 2 hạng. Đó là:

- Người thành tựu Bồ tát căn là người có Đại thừa tâm.
- Người thành tựu Nhị thừa căn là người có Tiểu thừa tâm.

-o0o-

Bồ tát lại thấy có người, tuy nay đã được đầy đủ 5 thiện căn mà chưa thể độ được, vì đời trước có phạm trong tội v.v... Bởi vậy nên nói Bồ tát biết rõ hết thảy nghiệp nhân duyên của chúng sanh. Bồ tát phải được túc mạng thông mới biết rõ được các nghiệp nhân duyên của chúng sanh.

Bồ tát phải được nguyện trí mới biết rõ được các sự việc trong 3 đời; biết rõ như vậy, để vì chúng sanh nói các nghiệp nhân duyên của họ ở đời vị lai. Ví như nói rõ nhân duyên ở đời vị lai họ sẽ bị đọa địa ngục, khiến họ sanh tâm sợ hãi; do sợ hãi mà quyết điều phục tâm; nhờ vậy mà dễ được độ. Ví như nói rõ nhân duyên ở đời vị lai họ được hưởng phước đức, khiến họ sanh tâm hoan hỷ; nhờ vậy mà dễ được độ v.v...

Bồ tát phải được trí huệ 3 đời thanh tịnh mới thông đạt các pháp vô ngại, biết rõ các quả báo thiện hay ác của chúng sanh ở đời vị lai, biết rõ ở hiện đời có căn tánh lợi hay độn v.v... Do biết rõ như vậy nên mới có thể tùy duyên nói pháp, khiến chúng sanh được nhiều lợi ích.

Bồ tát thanh tịnh Phật độ rồi, mới được nhất thiết chủng trí. Được nhất thiết chủng trí rồi, mới chuyển pháp luân, an lập chúng sanh vào nơi Vô Dur Niết Bàn.

-o0o-

Do học hết thầy pháp như, mà Bồ tát thành tựu được vô lượng công đức như trên. Đúng như lời Phật dạy, “Bồ tát muốn được hết thầy công đức, tự lợi và lợi tha, thì phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề”.

Ngài Tu Bồ Đề nghe nói đến vô lượng công đức của Bồ tát, bèn bạch Phật rằng: Bồ tát nào đúng như thuyết mà hành thâm Bát nhã Ba-la-mật, thì hết thầy thế gian đều phải đánh lễ.

Phật ấn chứng lời nói của ngài Tu Bồ Đề.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Như vậy, Bồ tát sơ phát tâm phải niệm pháp gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Phải thường niệm Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí tức là Vô Thượng Bồ Đề. Vì hết thầy Phật pháp đều nhiếp trọn trong Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: *Vì sao Phật dạy, “Bồ tát sơ phát tâm phải thường niệm Nhất thiết chủng trí”?*

Đáp: Bồ tát sơ phát tâm chưa có được thâm trí huệ, khó có thể dứt bỏ các dục lạc thế gian, nên phải thường niệm Nhất thiết chủng trí, phải thường niệm rằng, “Ta phải bỏ thiện lạc riêng, để cùng với hết thầy chúng sanh cầu được Nhất thiết chủng trí, được thanh tịnh giải thoát lạc”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nhất thiết chủng trí là hữu pháp hay

vô pháp? Thế nào là duyên, là tăng thượng, là hành, là tướng của Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Nhất thiết chủng trí là vô pháp, vô sanh, vô diệt, lấy vô duyên làm duyên, lấy niệm làm tăng thượng, lấy tịch diệt làm hành, lấy vô tướng làm tướng.

Hỏi: *Như vậy thì Nhất thiết chủng trí là rốt ráo vô niệm; vì sao nói lấy niệm làm tăng thượng?*

Đáp: Trí huệ Phật là rốt ráo không, rốt ráo thanh tịnh; pháp như, pháp tánh, thật tế đều là vô tướng; tất cả đều là tịch diệt tướng. Mặc dù các pháp mỗi mỗi đều có lực riêng, nhưng khi đã được Nhất thiết chủng trí, được thành Phật rồi, thì chẳng còn có tư duy; chẳng còn thấy có xa hay gần, khó hay dễ v.v... Lúc bấy giờ, hết thảy chỗ niệm đều được thành tựu viên mãn. Bởi vậy nên nói “lấy niệm làm tăng thượng”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Chỉ có Nhất thiết chủng trí là vô pháp hay hết thảy các pháp đều là vô pháp?

Phật dạy: Hết thảy các pháp đều là vô pháp. Vì các pháp đều theo nhân duyên hòa hợp sanh, là chẳng có tự tánh, là không, là vô pháp. Bởi vậy nên nói hết thảy pháp tánh đều là vô sở hữu.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát sơ phát tâm phải dùng phương tiện gì để tu 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến tu Nhất thiết chủng trí, nhằm giáo hóa chúng sanh?

Phật dạy: Thường quán hết thảy pháp vô tánh, cũng thường chứa nhóm các công đức giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ, tức là có phương tiện lực. Bồ tát vẫn thường

hành cả 2 pháp CÓ và KHÔNG, nên ở nơi rớt ráo không, mà vẫn thường thành tựu các phước đức.

Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật là tu học Phật đạo. Bồ tát dùng pháp rớt ráo không, rớt ráo vô sở hữu mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tu học Phật đạo. Bồ tát thường hành đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi là tu học Phật đạo. Khi được các pháp đầy đủ như vậy rồi, Bồ tát tọa đạo tràng, dùng nhất niệm tương ưng huệ, được Nhất thiết chủng trí. Ví như người đánh rơi viên “như ý bảo châu”, lần theo ánh quang minh chiếu ra trong đêm tối, mà tìm lại được viên ngọc quý đó.

Lúc bấy giờ, hết thảy tập khí phiền não đều chẳng còn sanh nữa, nên Bồ tát dùng Phật nhãn quán khắp 10 phương thế giới, thấy rõ vô pháp còn chẳng có, hướng nữa là hữu pháp. Bồ tát tận phá được tâm chấp điên đảo, vào nơi rớt ráo không pháp, được thành Phật, mà vẫn biết rõ chẳng có người đắc, chẳng có pháp đắc, chẳng có chỗ đắc.

Bởi vậy nên nói, “Biết rõ hết thảy pháp đều là vô sở hữu tướng, như vậy là có được lực phương tiện của Bồ tát”. Vì vô pháp còn chẳng có hướng nữa là hữu pháp.

Bồ tát dùng “vô sở hữu Bát nhã Ba-la-mật”, nên khi bố thí chẳng thấy có pháp bố thí, có người thọ thí, có Bồ tát tâm... dẫn đến khi hành Nhất thiết chủng trí cũng chẳng thấy có người đắc, có pháp đắc, có chỗ đắc.

Bồ tát là người đắc Vô Thượng Bồ Đề, pháp đắc là Vô Thượng Bồ Đề, chỗ đắc pháp ấy chính là Bồ tát đạo. Thế nhưng, Bồ tát thấy tất cả các pháp ấy đều là bất khả đắc. Vì sao? Vì hết thảy pháp, từ xưa đến nay, vốn là như vậy; chẳng phải do Phật làm ra, chẳng phải do Thanh Văn, Bích Chi Phật làm ra, cũng chẳng phải do phàm phu làm ra; chẳng phải do

trí huệ mà thay đổi khác. Hết thầy các pháp đều chẳng được tạo tác, đều chẳng có tác giả làm ra vậy.

Ngài Tu Bồ Đề đã biết rõ các pháp đều là hữu tướng, nhưng vì muốn chúng hội hiểu rõ hơn về “vô sở hữu tướng”, nên ngài nêu các câu hỏi: Các pháp là tánh ly chăng? Nếu các pháp đều là tánh ly thì làm sao pháp ly lại biết được pháp ly? Pháp ly là hữu pháp hay là vô pháp?

Vì sao? Vì vô pháp chẳng thể biết vô pháp, hữu pháp chẳng thể biết hữu pháp, vô pháp chẳng thể biết hữu pháp, hữu pháp chẳng thể biết vô pháp. Như vậy hết thầy pháp đều là vô sở hữu tướng, thì làm sao Bồ tát có thể phân biệt nói các pháp là CÓ hay là KHÔNG?

Phật dạy: Bồ tát y theo thế tục mà vì chúng sanh nói CÓ, nói KHÔNG. Đó chẳng phải là đệ nhất nghĩa.

Ngài Tu Bồ Đề lại hỏi: Thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế khác nhau chăng?

Phật dạy: Chẳng có khác nhau.

Vì sao? Vì nếu nói thế tục đế và đệ nhất nghĩa đế khác nhau, thì tức là phá hoại pháp tánh rồi vậy. Nên biết “thế tục đế như” tức là “đệ nhất nghĩa đế như” Vì chúng sanh chẳng biết như vậy, nên Bồ tát phải vì chúng sanh dùng thế tục đế, mà nói CÓ, nói KHÔNG vậy. Vì chúng sanh ở nơi 5 âm mà có khởi chấp, nên chẳng biết được 5 âm, cùng hết thầy các pháp đều là vô sở hữu tướng. Bồ tát vì chúng sanh thuyết “vô sở hữu thế tục pháp”, nên đã phân biệt nói về hữu pháp, về vô pháp, để chúng sanh hiểu rõ nghĩa “vô sở hữu” là như vậy đó. Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Phẩm Thứ Bảy Mười Hai



Bồ Tát Hạnh (Hạnh của Bồ tát)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát hành như thế nào mà gọi là hành Bồ tát hạnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành vì Vô Thượng Bồ Đề nên gọi là hành Bồ tát hạnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ tát hành vì Vô Thượng Bồ Đề mà gọi là hành Bồ tát hạnh?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là Bồ tát hành sắc không... dẫn đến thức không; hành sắc không... dẫn đến pháp không; hành nhãn không... dẫn đến ý không; hành nhãn giới không... dẫn đến ý thức giới không; hành Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật; hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không; hành 4 thiên, 4 vô lượng tâm; hành không vô biên xứ định... dẫn đến phi hữu tướng phi vô tướng xứ định; hành 4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 giác chi, 8 thánh đạo; hành 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”, hành 8 bối xả; hành 9 thứ đệ định; hành 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí; hành 18 bất cộng pháp; hành đại từ, đại bi; hành thanh tịnh Phật độ; hành thành tựu chúng sanh; hành các biện tài; hành văn tự, nhập vào chỗ vô văn tự; hành các đà la ni; hành hữu vi tánh; hành vô vi tánh. Hành tất cả như hành Vô Thượng Bồ Đề; chẳng phải 2 việc làm sai khác.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật gọi là hành Vô Thượng Bồ Đề hạnh, hành Bồ tát hạnh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế Tôn y theo nghĩa gì mà gọi Phật là Phật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Biết thật nghĩa của các pháp, nên gọi là Phật. Được thật tướng của các pháp, nên gọi là Phật. Thông đạt thật nghĩa, nên gọi là Phật. Như thật biết các pháp nên gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Y theo nghĩa gì mà gọi là Bồ đề?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nghĩa “không” là nghĩa Bồ đề. Nghĩa “như” là nghĩa Bồ đề. Nghĩa “pháp tánh”, nghĩa “thật tế” là nghĩa Bồ đề.

Lại nữa, này Tu Bồ Đề! Danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Thật nghĩa của Bồ đề là chẳng thể phân biệt được, chẳng thể phá hoại được. Đó là nghĩa Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Thật tướng của các pháp là chẳng hư dối, chẳng khác biệt. Đó là nghĩa Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Bồ đề là pháp sở hữu của chư Phật. Do vậy mà gọi là Bồ đề.

Này Tu Bồ Đề! Chánh trí của chư Phật biến cùng khắp (chư Phật chánh biến tri). Do vậy mà gọi là Bồ đề.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát vì Bồ đề mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, thì ở nơi các pháp có gì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát vì Bồ đề mà hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến hành Nhất thiết chủng trí, thì ở nơi các pháp có gì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh cả.

Vì sao? Vì việc Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng phải vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh mà khởi xuất.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh, thì Bồ tát làm sao có thể hành 1 Ba-la-mật mà nhiếp được cả 5 Ba-la-mật kia? Làm sao có thể hành nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không? Làm sao có thể hành 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định? Làm sao có thể hành 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo? Làm sao có thể hành 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác”? Làm sao có thể hành 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí; 18 bất cộng pháp; đại từ, đại bi? Làm sao có thể hành 10 địa Bồ tát? Làm sao có thể vượt qua Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa, để nhập vào Bồ tát vị?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát chẳng dùng “2 pháp” khi hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng dùng “2 pháp” khi hành Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng dùng “2 pháp” khi hành 6 pháp Ba-la-mật... dẫn đến chẳng dùng “2 pháp” khi hành Nhất thiết chủng trí, thì từ sơ phát tâm... đến tối hậu tâm, Bồ tát làm sao tăng trưởng được thiện căn?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu dùng “2 pháp” thì chẳng tăng trưởng được thiện căn. Từ sơ phát tâm... đến tối hậu tâm, Bồ tát chẳng dùng “2 pháp” nên ở chặng

giữa đó mới tăng trưởng được thiện căn. Bởi vậy nên hết thấy thế gian, Trời, Người, A tu la chẳng thể phá hoại thiện căn của Bồ tát, chẳng thể khiến Bồ tát lạc về Thanh Văn địa, Bích Chi Phật địa. Các ác bất thiện pháp chẳng thể chế ngự được Bồ tát, chẳng thể ngăn Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật nhằm tăng trưởng thiện căn.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải vậy. Bồ tát chẳng phải vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng chẳng phải chẳng vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật. Vì sao?

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát chưa cúng dường chư Phật, chưa đầy đủ thiện căn, chưa thân cận thiện tri thức, thì chưa có thể được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát cúng dường chư Phật, đầy đủ thiện căn, thân cận thiện tri thức như thế nào mới được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã cúng dường chư Phật, nghe chư Phật thuyết 12 bộ kinh; nghe xong, liền thọ trì, đọc tụng, tư duy, quán chiếu rõ ràng. Do liễu đạt, nên được các đà la ni. Do được các đà la ni, nên phát khởi được vô ngại trí. Do phát khởi được vô ngại trí, nên dù sanh ở nơi nào, dẫn đến khi được Nhất thiết chủng trí, vẫn trọn chẳng hề quên sót.

Lại nữa, Bồ tát cũng thường trông thiện căn nơi chư Phật. Do nhân duyên trông thiện căn, mà trọn chẳng

đọa về 3 đường ác, chẳng bị các ách nạn. Cũng do nhân duyên trồng thiện căn, mà được thâm tâm thanh tịnh. Do được thâm tâm thanh tịnh, mà có thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Lại do thường được sự hộ trì của các thiện căn, nên trọn chẳng xa rời chư Phật, chư Bồ tát, chư Thanh Văn, là những bậc chân thiện tri thức; và thường tán thán Phật, Pháp và Tăng.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải cúng dường chư Phật, phải gieo trồng chư thiện căn, phải thân cận chư thiện tri thức.

LUẬN:

Ở phẩm trước đã nói nhiều về Bát nhã Ba-la-mật. Ở phẩm này nói về hành Bồ tát hạnh.

Hỏi: *Nếu Bát nhã Ba-la-mật nhiếp hết thảy pháp, thì hành Bát nhã Ba-la-mật là hành Bồ tát hạnh. Như vậy, vì sao còn hỏi nữa?*

Đáp: Hành hết thảy các đạo của Bồ tát gọi là hành Bồ tát hạnh. Còn biết thật tướng của hết thảy pháp là do trí huệ, nên gọi là hành Bát nhã Ba-la-mật.

Tuy rằng hành Bát nhã Ba-la-mật và hành Bồ tát hạnh có chỗ sai khác nhau, nhưng Bát nhã Ba-la-mật và Bồ tát hạnh có cùng cộng tướng, tương nhiếp nhau, nên chẳng có sai khác vậy.

Có thuyết nói tất cả các nghiệp ở thân, khẩu và ý của Bồ tát, tất cả các sự vận hành của Bồ tát đều gọi là Bồ tát hạnh.

Vì muốn phân biệt rõ các điều nêu trên đây nên ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: Bồ tát hành như thế nào mà gọi là hành Bồ tát hạnh.

Phật dạy: Bồ tát hành vì Vô Thượng Bồ Đề, nên gọi hành Bồ tát hạnh. Bồ tát hành các thiện pháp mà chẳng có chấp trước, mới gọi là hành Bồ tát hạnh. Nếu còn chấp tâm mà hành các thiện pháp, thì chẳng thể gọi là hành Bồ tát hạnh được. Phải dùng từ bi, trí huệ, vì Vô Thượng Bồ Đề mà hành, mới là hành thanh tịnh Bồ tát hạnh.

Thế nào là hành thanh tịnh hạnh?

Đó là hành 5 âm không... dẫn đến hành hữu vi tánh, vô vi tánh, mà chẳng phân biệt được các pháp đó là không, là thật... dẫn đến là hữu vi, là vô vi; phải hành các pháp như hành Vô Thượng Bồ Đề; lại phải diệt các hý luận, phải dùng “bất nhị tướng”, mới gọi là hành thanh tịnh Bồ tát hạnh. Hành như vậy là chẳng có lỗi lầm, chẳng ai có thể phá hoại được.

Ngài Tu Bồ Đề biết rõ Bồ tát hành thanh tịnh Bồ tát hạnh như vậy, sẽ được quả báo làm Phật, nên sanh tâm hoan hỷ, và hỏi Phật: Y theo nghĩa gì mà gọi Phật là Phật?

Phật dạy: Biết thật nghĩa của các pháp, nên gọi là Phật.

Hỏi: *Chư vị A-la-hán, Bích Chi Phật cũng biết thật nghĩa của các pháp. Như vậy vì sao chẳng được gọi là Phật?*

Đáp: Trước đây đã có nêu thí dụ về các ngọn đèn đều có công năng đẩy lui bóng tối, nhưng tùy theo cường độ ánh sáng có nhiều, có ít sai khác, mà kết quả phá màn tối có nhiều ít sai khác nhau.

Chư Thanh Văn và Bích Chi Phật, tuy đã phá được vô minh, nhưng chưa tận diệt vô minh rốt ráo như Phật.

Những gì phạm phu tin là thật, thì Phật chẳng cho là có thật nghĩa. Vì sao? Vì phạm phu còn bị các tập khí phiền não che tâm, nên chưa thấu rõ được thật nghĩa, chưa được Nhất

thiết chủng trí. Phải tận đoạn các pháp nghi hồi, mới gọi là được chánh trí thật nghĩa.

Hỏi: Đoạn kinh trên đây nói, “*Biết thật nghĩa của các pháp, được thật tướng của các pháp, thông đạt thật nghĩa, như thật biết các pháp, nên được gọi là Phật*”. Như vậy, 4 nghĩa ấy có gì sai khác chăng?

Đáp: Có thuyết nói dù danh tự có khác, nhưng nghĩa chẳng có gì sai khác cả.

Có thuyết nói nghĩa và danh đều có sai khác. Ví như nói thật tướng các pháp là bất sanh, bất diệt; pháp tánh là thường trú, là như; Niết Bàn là thường trú, là tịch diệt v.v... Phật biết rõ các danh nghĩa ấy chẳng có lầm lẫn, nhưng vì chúng sanh mà phải lập ra có danh, có nghĩa sai khác, khiến chúng sanh giải được “đệ nhất thật nghĩa”. Trong 4 vô ngại trí, thì nơi đây nói đến “thuyết vô ngại trí” và “pháp vô ngại trí”.

Có thuyết nói có người tuy biết được thật nghĩa của các pháp, mà chẳng có thể thông đạt thật nghĩa. Do 2 nguyên nhân sau đây:

- Vì chưa tận đoạn phiền não.
- Vì chưa được Nhất thiết chủng trí.

Ví như người mới được các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, do chưa đoạn sạch phiền não nên chưa thông đạt được quả A-la-hán, quả Bích Chi Phật. Các đại Bồ tát, do chưa đoạn sạch tập khí, nên chưa thông đạt được Nhất thiết chủng trí. Phải thông đạt được thật nghĩa của các pháp mới gọi là Phật.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Y theo nghĩa gì mà gọi là Bồ đề?

Phật dạy: Nghĩa không, nghĩa như, nghĩa pháp tánh, nghĩa thật tế là nghĩa Bồ đề. “Không tam muội” tương ứng với thật tướng trí huệ duyên như pháp tánh thật tế, nên gọi là Bồ đề. Tất cả các hạng người tu theo Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Bồ tát đạo, tuy chưa đoạn sạch phiền não, nhưng đều tu tập trí huệ. Cả 3 hạng người tu trên đây, khi dứt sạch vô minh, thì vào được “vô học vị”, được trí huệ Bát nhã Ba-la-mật, nên gọi là Bồ đề. Hàng “vô học” Nhị thừa chưa được Nhất thiết chủng trí, chưa có chánh trí biến khắp, nên trí huệ Nhị thừa chẳng được gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Chỉ có trí huệ của Phật mới gọi là Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, danh tướng ngôn thuyết là nghĩa Bồ đề, mà thật nghĩa của Bồ đề là chẳng thể phân biệt, chẳng thể phá hoại.

Lại nữa, Bồ đề cùng với “như” chẳng sai khác, là chân thật, là chẳng hư dối. Vì sao? Vì trí huệ của chúng sanh thường chuyển mãi cho đến nơi Phật trí là trí huệ vô thượng. Các pháp cũng chuyển từ nơi hư vọng đến nơi chân thật, gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói “như như” là Bồ đề. Được “như như” tức là được Bồ đề.

Lại có thuyết nói “tận trí” biết rõ hết thấy pháp sanh diệt gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói “tận trí” và “vô sanh trí” là Bồ đề.

Lại có thuyết nói “vô ngại giải thoát” là Bồ đề. Vì sao? Vì khi đã được giải thoát, thì ở nơi hết thấy pháp đều được thông đạt.

Lại có thuyết nói 4 vô ngại trí là Bồ đề. Vì sao? Vì biết được thật tướng pháp là “nghĩa vô ngại”; phân biệt biết rõ

đanh tướng, các pháp gọi là “pháp vô ngại”; phân biệt các ngữ ngôn, danh tự, khiến chúng sanh được giải rõ gọi là “từ vô ngại”; thuyết pháp chẳng cùng tận, để giáo hóa chúng sanh gọi là “lạc thuyết vô ngại”. Có đầy đủ cả 4 vô ngại trí mới làm lợi ích cho chúng sanh, nên 4 vô ngại trí được gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, Nhất thiết chủng trí, cùng vô lượng Phật pháp đều gọi là Bồ đề. Vì sao? Vì được như vậy là được đại trí huệ, nên hết thảy các thiện pháp đều gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói được chân Bồ đề, thì được gọi là Phật. Vì sao? Vì thành tựu được trí huệ vô lậu; 10 trí tương ưng với thọ, tưởng, hành và thức; các nghiệp thân, khẩu và ý tương ưng với các hạnh, cộng duyên, cộng sanh, cộng tương trợ, nên gọi là Bồ đề.

Lại có thuyết nói nghĩa Bồ đề vô lượng, vô biên, mà Phật thường khắp biết tất cả. Ví như vị Chuyên luân thánh vương biết rõ tất cả các bảo vật trong kho, biết rõ giá trị của từng món, chẳng có lầm lẫn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu Bồ đề là rốt ráo không, là bất hoại tướng, thì Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật làm sao tăng trưởng thiện căn?

Phật dạy: Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật, nên biết rõ ở nơi thật tướng Bồ đề, hết thảy pháp đều chẳng có chỗ tăng ích, huống nữa là tăng ích thiện căn. Vì sao? Vì việc Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật chẳng phải vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh mà khởi xuất, vì Bát nhã Ba-la-mật là rốt ráo thanh tịnh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng vì được hay mất, tăng hay giảm, sanh hay diệt, cấu hay tịnh thì làm sao Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật mà có thể thành tựu được Bồ tát hạnh?

Phật dạy: Bồ tát chẳng dùng “2 pháp”, nên tuy có hành các pháp, mà là hành rốt ráo không vậy. Chẳng nên nạn hỏi làm gì nữa.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu chẳng dùng “2 pháp” thì từ sơ phát tâm đến tối hậu tâm Bồ tát làm sao có thể tăng trưởng thiện căn?

Phật dạy: Người dùng “2 pháp mới là điên đảo, chẳng có thể tăng trưởng thiện căn. Ví như người nằm mộng, dù thấy rất nhiều của cải mà chẳng sao nắm bắt được. Phạm phu do chấp “2 pháp” nên chẳng tăng trưởng được thiện căn. Còn Bồ tát hành thật tướng pháp là hành “bất nhị pháp”. Do chẳng hành “2 pháp” nên từ sơ phát tâm dẫn đến tối hậu tâm, Bồ tát thường tăng trưởng thiện căn. Bởi vậy nên hết thấy thế gian, Trời, Người và A tu la đều chẳng có thể phá hoại được thiện căn của Bồ tát, chẳng thể khiến Bồ tát lạc về Nhị thừa địa. Vì sao? Vì các ác bất thiện pháp chẳng thể chế ngự được tâm Bồ tát, chẳng thể ngăn Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật nhằm tăng trưởng thiện căn vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật chẳng?

Phật dạy: Chẳng phải vì thiện căn, cũng chẳng phải chẳng vì thiện căn mà Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật.

Hỏi: *Nếu chẳng vì bất thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật, thì còn hợp lý. Vì sao nói chẳng phải vì thiện căn mà hành Bát nhã Ba-la-mật?*

Đáp: Vì quý Vô Thượng Bồ Đề mà Phật đáp như vậy. Hành thiện căn chỉ là phương tiện để làm các thiện hạnh mà thôi. Như trong kinh có nói, “Thiện pháp còn xa hướng nữa là phi pháp”. Vì sao? Vì thiện căn chỉ là trợ đạo pháp đưa

hành giả đến Vô Thượng Bồ Đề, ví như người qua sông phải mượn bè để bơi qua bờ bên kia vậy.

Phật lại nói nhân duyên Bồ tát chưa cúng dường chư Phật, chưa thân cận chư thiện tri thức, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí. Dù có trồng thiện căn, nhưng đó chẳng phải là quý, chỉ có Vô Thượng Bồ Đề mới là quý.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát cúng dường chư Phật, thân cận chư thiện tri thức như thế nào, mới được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Bồ tát từ sơ phát tâm đã cúng dường chư Phật, đã thân cận chư thiện tri thức, thường nghe chư Phật thuyết 12 bộ kinh; khi nghe xong liền thọ trì, đọc tụng, tư duy, quán chiếu rõ ràng, nên được căn trí càng thêm lanh lợi. Do liễu nghĩa, nên được các đà la ni. Do được các đà la ni, mà nghe rồi chẳng có quên sót, được 4 vô ngại trí, vì chúng sanh thuyết pháp, làm lợi ích cho chúng sanh.

Các đà la ni nêu trên đây, gồm có:

- Văn Trì đà la ni.
- Chư pháp thật tướng đà la ni.

Bồ tát do thường thọ trì, đọc tụng, chánh ức niệm các kinh pháp, nên được “Văn Trì đà la ni”; do thông đạt nghĩa lý trong kinh, nên được “Chư pháp thật tướng đà la ni”, Bồ tát được 2 đà la ni này, nên được vô ngại trí huệ.

Hỏi: *Nếu Bồ tát đã được vô ngại trí, thì so với Phật chẳng có gì khác. Vì sao chẳng được gọi là Phật?*

Đáp: “Vô ngại trí” phải được hiểu theo 2 nghĩa. Đó là :

- Chân vô ngại trí.
- Danh tự vô ngại trí.

Chỉ có Phật là đầy đủ Chân vô ngại trí. Chư thánh phải tùy theo chỗ hành pháp mà được vô ngại trí.

Bồ tát do nhân duyên thường thọ trì, đọc tụng kinh điển, mà sanh vào chỗ nào cũng được vô ngại trí, chẳng bao giờ quên sót. Vì sao? Vì Bồ tát do thường trì tụng kinh điển, mà phiền não mỏng dần; do được các thiện căn hộ niệm, nên chẳng bị đọa vào đường ác, chẳng bị các ách nạn; do có được thiện căn công đức, nên được thâm tâm thanh tịnh; do được thâm tâm thanh tịnh, nên thường từ ái, niệm chúng sanh, xem người thân, kẻ oán bình đẳng; do có phước đức, trí huệ đầy đủ, nên các phiền não chẳng sanh, khiến thiện tâm tăng trưởng.

Bồ tát thâm tâm thương xót chúng sanh, nên đối với hết thấy chúng sanh thường khởi tâm “từ, bi, hỷ, xả” nhằm cứu độ chúng sanh; ở nơi rớt ráo “không tâm”, ... dẫn đến ở nơi Phật cũng chẳng sanh “Phật tướng”, chẳng sanh “Niết Bàn tướng”. Như vậy gọi là được thâm tâm thanh tịnh.

Do được thâm tâm thanh tịnh, nên những lời giáo hóa của Bồ tát đều được chúng sanh tín thọ. Do thành tựu chúng sanh như vậy, nên Bồ tát thanh tịnh Phật độ. Như trong kinh Duy Ca Mật, ở phẩm Phật Quốc, Phật có nói, “Chúng sanh tịnh, nên thế giới tịnh”.

-o0o-

Người được các thiện căn hộ trì thường chẳng ly chư Phật, chư Bồ tát, chư A-la-hán là những bậc chân thiện tri thức; lại thường tán thán 3 ngôi Tam bảo.

Cho nên, Phật dạy, “Bồ tát thường phải thường cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức”.

Vì sao? Vì người bệnh phải cần đến thầy giỏi, thuốc hay, người thăm nuôi chu đáo mới chóng lành bệnh. Cũng như vậy, đối với Bồ tát, thì Phật là đáng y vương, thiện căn là linh dược, thiện tri thức là người thường gần gũi, dắt dìu. Bồ tát phải thường cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, mới tận diệt trừ được các phiền não, mới làm được những việc lợi ích cho chúng sanh.

-o0o-

Phẩm Thứ Bảy Mười Ba



Chủng Thiện Căn (Gieo Trồng Căn Lành)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ Tát chẳng cúng dường chư Phật, chẳng trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức, thì có được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, còn khó được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là chẳng cúng dường chư Phật, chẳng trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao có trường hợp Bồ tát cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức, mà lại khó được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đây là hạng Bồ tát chẳng theo Phật nghe pháp, chẳng có đầy đủ thiện căn, chẳng nghe theo lời chỉ dạy của thiện tri thức, nên chẳng có được các lực phương tiện. Vì xa rời các lực phương tiện, mà chẳng được Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào là những lực phương tiện mà Bồ tát phải hành theo để được Nhất thiết chủng trí?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Đản Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm. Khi cúng dường chư Phật, chư Bích Chi Phật, chư Thanh Văn, cũng như khi bố thí cho các loài chúng sanh, Bồ tát chẳng sanh tướng có người cho, có người nhận, có tài vật đem cho. Vì sao? Vì Bồ tát quán các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng, nhập vào thật tướng pháp là nơi chẳng có tác tướng, chẳng có khởi tướng. Bồ tát dùng các lực phương tiện như vậy mà tăng trưởng thiện căn, hành Đản Ba-la-mật, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Khi hành bố thí, Bồ tát chẳng thọ quả báo thế gian, mà chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh. Như vậy gọi là hành Đản Ba-la-mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Thi la Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm. Khi trì giới, Bồ tát chẳng niệm dâm nộ si, cũng chẳng bị phiền não trói buộc, chẳng phá đạo pháp, chẳng khởi xan tham, sân nhuế, chẳng giải đãi, chẳng kiêu mạn, lại cũng chẳng lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Vì sao? Vì Bồ tát quán các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng; nhập vào thật tướng pháp là nơi chẳng có tác tướng, chẳng có khởi tướng. Bồ tát dùng các lực phương tiện như vậy mà tăng trưởng thiện căn hành Thi Ba-la-mật, thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Khi hành trì giới, Bồ tát chẳng thọ quả báo thế gian, mà chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh. Như vậy gọi là hành Thi Ba-la-mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Săn đề Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm. Do thành tựu được các lực phương tiện, mà ở nơi “kiến đế đạo”, “tư

duy đạo”, Bồ tát chẳng có thủ chứng các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Vì sao? Vì Bồ tát quán các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng. Bồ tát tuy hành các pháp trợ đạo, mà chẳng bị lạc về Thanh Văn và Bích Chi Phật địa. Như vậy gọi là Bồ tát được “vô sanh pháp nhẫn”.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm, vào sơ thiên... dẫn đến đệ tứ thiên, vào 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, mà chẳng thọ quả báo thế gian. Vì sao? Vì do thành tựu được các lực phương tiện mà Bồ tát biết rõ các thiên định đều là tự tướng không, chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng. Bồ tát tinh tấn thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, nhưng chẳng thọ quả báo thế gian, mà chỉ vì muốn cứu độ chúng sanh. Như vậy gọi là Bồ tát hành Tỳ lê gia Ba-la-mật.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Thiên Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm, vào 8 bối xả, 9 thứ đệ định chẳng thủ chứng các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán. Vì sao? Vì do thành tựu được các lực phương tiện mà Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng.

Lại này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát hành Bát nhã Ba-la-mật đúng theo Tát Bà Nhã tâm, học 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, đại từ, đại bi, 18 bất cộng pháp... dẫn đến chưa được Nhất thiết chủng trí, chưa thanh tịnh Phật độ, chưa thành tựu chúng sanh, mà trong khoảng giữa đó vẫn thường tu học như vậy. Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ các pháp đều là tự tướng không, đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải hành Bát nhã Ba-la-mật mà chẳng thọ các quả báo phước lạc như vậy.

LUẬN:

Hỏi: *Vì sao ngài Tu Bồ Đề nêu lên câu hỏi, “Người chẳng cúng dường chư Phật, chẳng gieo trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức có được Nhất thiết chủng trí chăng?”*

Đáp: Vì trong chúng hội có người khởi tâm nghi. Có người nghi rằng, “Các pháp đều là vô sở hữu, thì việc trồng thiện căn hay chẳng trồng thiện căn chẳng có gì sai khác nhau cả”. Lại có người nghi rằng, “Được Bát nhã Ba-la-mật là do tu tập nhiều pháp môn, chẳng phải chỉ do trồng thiện căn mà được vậy”.

Bởi các nhân duyên ấy, nên ngài Tu Bồ Đề phải hỏi Phật như trên.

Phật đáp: Người có cúng dường chư Phật, có gieo trồng thiện căn, có thân cận chư thiện tri thức mà còn khó được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là người chẳng làm các hạnh đó.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Vào nơi rất ráo không thì chẳng còn có phước, có tội nữa. Như vậy vì sao nói, “Tu phước mới được quả Phật”?

Phật dạy: Nói có phước mới được quả Phật là nói theo thể đế, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Ngài Tu Bồ Đề sợ chúng sanh chấp “vô sở hữu”, nên mới hỏi Phật như trên đây, và Phật lại dùng chỗ chẳng chấp mà đáp lại, “Tinh tấn tu phước còn chẳng được, huống nữa là chẳng tu phước”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Có cúng dường, có bố thí mà sao chẳng thọ quả báo?

Phật dạy: Dù cúng dường chư Phật, bố thí cho chúng sanh, gieo trồng thiện căn, thân cận chư thiện tri thức mà xa lìa các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí. Vì nếu xa lìa các lực phương tiện, thì dù thấy Phật cũng chẳng sao có thể thấy được pháp thân Phật; dù có trồng thiện căn, thì cũng chẳng được bao nhiêu; dù có ở gần bên thiện tri thức, thì cũng chẳng được lợi ích gì.

Từ sơ phát tâm Bồ tát phải tu cả 2 tâm “hữu” và “vô”. Khi hành bố thí phải dùng “hữu tâm”, vì bố thí phát xuất từ lòng đại bi thương xót chúng sanh. Thế nhưng khi cúng dường chư Phật, cũng như khi bố thí cho chúng sanh “không” Bồ tát chẳng nên khởi 3 tưởng về người cho, người thọ và tài vật đem cho, nên lại phải dùng “vô tâm”. Vì sao?

Vì Bồ tát phải ở nơi bình đẳng tâm, mới có thể hành bố thí Ba-la-mật. Bồ tát phải biết rõ hết thấy pháp đều là tự tướng không, từ trước đến nay vốn chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng. Bồ tát an trú trong “như”, quán “như”, nên vào được nơi thật tướng pháp, là nơi chẳng có tác tướng, chẳng có khởi tướng vậy. Vì biết rõ như vậy, nên Bồ tát chẳng sanh cao tâm, chẳng có hư vọng chấp các pháp tướng vậy. Như vậy gọi là lực phương tiện của Bồ tát.

Do có các lực phương tiện như vậy, nên Bồ tát thường xa lìa các bất thiện căn, thường tăng ích các thiện căn, giáo hóa chúng sanh, thanh tịnh Phật độ.

Bồ tát làm các việc bố thí, dù nhiều, dù ít, cũng chẳng bao giờ thọ các quả báo thế gian, mà chỉ muốn cứu độ chúng sanh. Bồ tát nghĩ rằng, “Đời trước ta chẳng hành thâm phước đức, nên đời nay ta phải hành bố thí Ba-la-mật, rộng bố thí cho chúng sanh; khi ta có được quả Nhất thiết chủng trí rồi, ta mới có thể làm đầy đủ các việc lợi

ích cho vô lượng chúng sanh, khiến họ được nhiều lợi lạc ở đời nay và cả ở đời sau”.

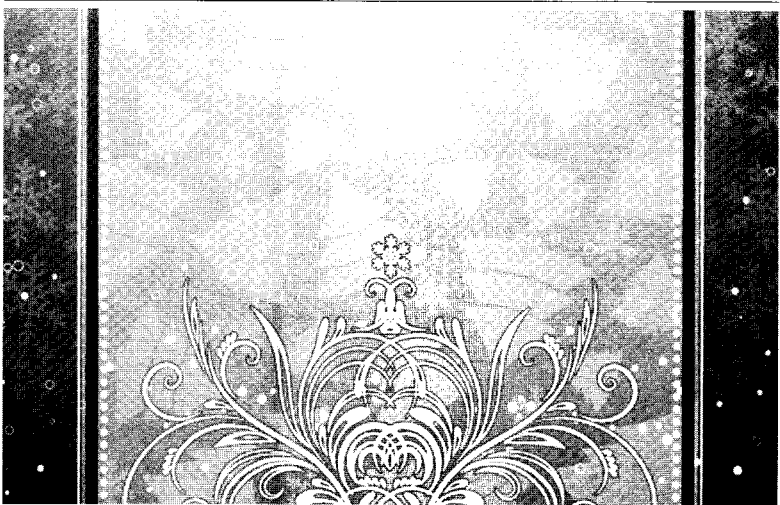
Bồ tát có cúng dường chư Phật, có gieo trồng thiện căn, có thân cận chư thiện tri thức, mà chẳng tu các lực phương tiện Bát nhã Ba-la-mật thì chẳng có thể được Nhất thiết chủng trí, huống nữa là chẳng cúng dường chư Phật, chẳng gieo trồng thiện căn, chẳng thân cận chư thiện tri thức.

Tu 5 Ba-la-mật kia cũng là như vậy.

(Hết quyển 85)



LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ
Quyển 86



Phẩm Thứ Bảy Mười Bốn



Biển Học
(Khấp học)

KINH:

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát thành tựu đại huệ, hành thậm thâm pháp, mà chẳng thọ quả báo chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Bồ tát thành tựu đại trí huệ, hành thậm thâm pháp, mà chẳng thọ quả báo. Vì sao? Vì ở nơi các pháp tánh, Bồ tát thường bất động.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát bất động ở nơi các pháp tánh gì?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát bất động ở nơi tánh vô sở hữu. Bồ tát bất động ở nơi tánh sắc... dẫn đến tánh thức; bất động ở nơi tánh Đàn Ba-la-mật... dẫn đến tánh Bát nhã Ba-la-mật; bất động ở nơi tánh 4 thiên, tánh 4 vô lượng tâm, tánh 4 vô sắc định, bất động ở nơi tánh 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo; bất động ở nơi tánh 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác”; bất động ở nơi đại từ, đại bi.

Vi sao? Vì các pháp tánh đó đều là vô sở hữu.

Này Tu Bồ Đề! Pháp vô sở hữu chẳng thể được pháp sở hữu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp sở hữu chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Pháp vô sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chăng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp sở hữu, pháp sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, pháp vô sở hữu chẳng có thể được pháp vô sở hữu, thì Thế Tôn chẳng có được đạo hay sao?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Có được đạo, mà chẳng phải do các sự kiện nêu trong 4 câu trên đây.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Làm sao đắc quả Phật, mà nói chẳng phải sở hữu, chẳng phải vô sở hữu?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng phải sở hữu, chẳng phải vô sở hữu, chẳng có các hý luận mới gọi là được đạo.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là hý luận của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát quan niệm sắc thường hay vô thường... dẫn đến quan niệm thức thường hay vô thường là hý luận; quan niệm sắc khổ hay lạc... dẫn đến quan niệm thức khổ hay lạc là hý luận; quan niệm

sắc ngã hay vô ngã... dẫn đến quan niệm thức ngã hay vô ngã là hý luận; quan niệm sắc tịch diệt hay chẳng tịch diệt là hý luận; quan niệm có khổ thánh đế nên biết, có tập thánh đế nên đoạn, có diệt thánh đế nên chứng có đạo thánh đế nên tu đều là hý luận; quan niệm phải tu 4 niệm xứ... dẫn đến phải tu 8 thánh đạo đều là hý luận, quan niệm phải tu 3 giải thoát môn “không, vô tướng và vô tác” đều là hý luận, quan niệm phải tu 8 bối xả, 9 thứ đệ định đều là hý luận, quan niệm phải vượt qua 4 quả Thanh Văn, quả Bích Chi Phật đều là hý luận, quan niệm phải đầy đủ 10 địa Bồ tát là hý luận, quan niệm phải nhập Bồ tát vị là hý luận, quan niệm phải thanh tịnh Phật độ, phải thành tựu chúng sanh đều là hý luận, quan niệm phải sanh 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp đều là hý luận; quan niệm phải được Nhất thiết chủng trí là hý luận; quan niệm phải tận đoạn phiền não tập khí cũng là hý luận.

Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát thấy thường sắc thường hay vô thường đều là chẳng có thể hý luận được, nên chẳng có hý luận... dẫn đến thấy Nhất thiết chủng trí thường hay vô thường đều chẳng có thể hý luận nên chẳng có hý luận.

Vì sao? Vì tánh chẳng hý luận tánh, vô tánh chẳng hý luận vô tánh, lại nữa, rời “tánh” và “vô tánh” ra, thì chẳng có pháp gì có thể đắc, cũng chẳng có người hý luận, chẳng có pháp hý luận, chẳng có chỗ hý luận. Bởi vậy nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng hý luận được.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát nên hành “vô hý luận Bát nhã Ba-la-mật”.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Vì sao sắc chẳng thể hý luận được... dẫn đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể hý luận được?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Vì sắc là tánh không... dẫn đến Nhất thiết chủng trí là tánh không. Nếu pháp là tánh không, thì pháp chẳng thể hý luận được. Bởi vậy nên sắc... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng thể hý luận được.

Này Tu Bồ Đề! Nếu Bồ tát hành được “vô hý luận Bát nhã Ba-la-mật” như vậy, thì liền vào được Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát hành pháp gì mà được Bồ tát vị ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng dùng Thanh Văn đạo, chẳng dùng Bích Chi Phật đạo... dẫn đến chẳng dùng Phật đạo mà vào được Bồ tát vị. Bồ tát phải khắp học các đạo(*) trước đã, rồi sau mới vào được Bồ tát vị.

Ví như người tu Thanh Văn, trước học các đạo(), rồi sau mới vào chánh vị; trước khi được quả, phải sanh đạo dẫn đến quả. Cũng như vậy, Bồ tát phải khắp học các đạo trước đã, rồi sau mới vào Bồ tát vị. Khi chưa được Nhất thiết chủng trí, Bồ tát phải sanh Kim Cang tam muội. Lúc bấy giờ, chỉ dùng “nhất niệm tương ưng huệ” là được Nhất thiết chủng trí.**

*. Gồm tất cả các đạo trong Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Bồ tát đạo.

** . Đây nói về 8 đạo dẫn đến 8 bậc Thanh Văn. Đó là: Hướng Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hoàn, Hướng Tu-đà-hàm, Tu-đà-hàm, Hướng A-na-hàm, A-na-hàm, Hướng A-la-hán, A-la-hán.

Xem thêm về 8 hạng người tín hành và pháp hành trong Thanh Văn đạo (Phẩm thứ 27, quyển 54).

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Các đạo đều sai khác nhau. Vì sao Bồ tát phải khắp học các đạo, rồi mới vào Bồ tát vị?

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát học khắp các đạo rồi mới vào Bồ tát vị, thì khi sanh “kiến đạo” phải làm Tu-đà-hoàn; khi sanh “tư duy đạo” phải làm Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán; khi sanh “Bích Chi Phật đạo” phải làm Bích Chi Phật.

Bạch Thế Tôn! Nếu Bồ tát phải vào trong các đạo, rồi mới vào Bồ tát vị, thì thật là vô lý. Nếu Bồ tát chẳng vào Bồ tát vị mà được Nhất thiết chủng trí thì cũng thật là vô lý. Nếu Bồ tát phải làm Tu-đà-hoàn... dẫn đến Bích Chi Phật, rồi mới vào vào Bồ tát vị, thì thật là vô lý. Nếu Bồ tát chẳng vào Bồ tát vị mà được Nhất thiết chủng trí thì cũng thật là vô lý vậy.

Bạch Thế Tôn! Con làm sao biết được Bồ tát khắp học các đạo, rồi vào Bồ tát vị?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Nay Tu Bồ Đề! Bồ tát làm Tu-đà-hoàn... dẫn đến làm Bích Chi Phật, rồi mới vào Bồ tát vị là chẳng thể có vậy. Bồ tát chẳng vào Bồ tát vị, mà vẫn được Nhất thiết chủng trí cũng là chẳng thể có vậy.

Này Tu Bồ Đề! Từ sơ phát tâm, Bồ tát đã phải dùng trí quán vượt qua 8 địa sau đây: Càn Huệ địa, tánh địa, nhập nhơn địa, kiến địa, bạc địa, ly dục địa, dĩ biện địa và Bích Chi Phật địa.

Sau đó, Bồ tát dùng đạo chủng trí mà vào Bồ tát vị. Sau khi đã vào Bồ tát vị rồi, Bồ tát lại dùng Nhất thiết chủng trí để tận đoạn hết thấy phiền não tập khí.

Này Tu Bồ Đề! Tất cả 8 hạng người tín hành và pháp hành, người được quả Tu-đà-hoàn dẫn đến A-la-hán, hoặc trí hoặc đoạn, người được quả Bích Chi Phật, hoặc trí, hoặc đoạn đều là Bồ tát vô sanh pháp nhẫn.

Như vậy, Bồ tát học Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo, dùng đạo chủng trí mà vào Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị rồi, Bồ tát lại dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn trừ các phiền não tập khí, mà được Phật đạo.

Như vậy, này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải khắp học đầy đủ các đạo, mới được Vô Thượng Bồ Đề; được Vô Thượng Bồ Đề rồi, mới làm lợi ích cho hết thấy chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Theo như lời Thế Tôn dạy, thì đây là Thanh Văn đạo, Bích Chi Phật đạo và Phật đạo. Như vậy thế nào là đạo chủng trí của Bồ tát?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải sanh hết thấy đạo chủng tịnh trí.

* Thế nào là đạo chủng tịnh trí?

Này Tu Bồ Đề! Đó là tướng mạo có thể hiển bày được của các pháp, mà Bồ tát phải chánh biết, chánh tu; rồi lại phải vì chúng sanh diễn nói, khai thị, khiến họ được rõ. Bồ tát phải biết rõ tất cả âm thanh, ngữ ngôn; rồi lại phải dùng các âm thanh đó để thuyết pháp, vang khắp cả 3.000 đại thiên thế giới.

Này Tu Bồ Đề! Vậy nên, trước hết Bồ tát phải học hết thấy đạo trí; phải phân biệt thâm tâm của chúng sanh; phải biết rõ chúng sanh ở trong các đạo “địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh”; phải biết rõ nhân và quả địa ngục, nhân và quả ngạ quỷ, nhân và quả súc sanh. Bồ tát lại phải biết rõ các đạo “rông, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca

lầu la, khăn na la, ma hầu la già”, về nhân và về quả; phải biết rõ đạo “trời” đạo “người” về nhân và về quả. Bồ tát lại phải biết rõ 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, về nhân và về quả; phải biết rõ 3 giải thoát môn “Không, vô tướng và vô tác”, về nhân và về quả; phải biết rõ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi, về nhân và về quả.

Bồ tát dùng đạo chủng trí đưa chúng sanh vào 4 quả Thanh Văn vào đạo Bích Chi Phật, vào đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Này Tu Bồ Đề! Như vậy gọi là Bồ tát thanh tịnh đạo chủng trí. Bồ tát học đạo chủng trí như vậy rồi, lại quán thâm tâm của chúng sanh, để tùy theo từng đối tượng chúng sanh mà thuyết pháp, khiến lời nói ra đúng chỗ, chẳng có hư dối.

Vì sao? Vì Bồ tát khéo biết căn tánh của chúng sanh khéo biết các tâm và tâm sở pháp dẫn chúng sanh vào trong sanh tử.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải như vậy mà hành Bát nhã Ba-la-mật, cũng phải như vậy mà hành Thanh Văn đạo và Bích Chi Phật đạo. Vì sao? Vì hết thấy các pháp trợ đạo đều nhiếp vào trong Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu 4 niệm xứ... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc (vô sắc), chẳng có hình (vô hình), là chẳng có đối (vô đối), đều là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng), thì Bồ tát hành các pháp trợ đạo đó làm sao có thể đến được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn! Pháp chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có

sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, chẳng có tướng như vậy, là pháp chẳng thể thủ (vô thủ), chẳng thể xả (vô xả), ví như hư không chẳng thể thủ, chẳng thể xả vậy.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các pháp đều là tự tướng không, nên là chẳng thể thủ, chẳng thể xả.

Vì có nhiều chúng sanh chẳng biết như vậy, nên phải vì họ khai thị để họ biết rằng, “Tu các pháp trợ đạo cũng đến được Vô Thượng Bồ Đề”.

Này Tu Bồ Đề! Sắc... dẫn đến thức, Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, 4 thiên, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định, 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo, 3 giải thoát môn, 8 bối xả, 9 thứ đệ định, 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi... dẫn đến Nhất thiết chủng trí đều bình đẳng. Tất cả các Thánh pháp đó đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, đều chỉ là một tướng (nhất tướng), là chẳng có tướng (vô tướng).

Vì y theo thế tục, mà phải nói ra tất cả các pháp đó; chẳng phải là đệ nhất nghĩa vậy.

Này Tu Bồ Đề! Ở nơi các pháp, Bồ tát phải dùng trí huệ để như thật thấy biết, mà học. Học như vậy rồi, lại phải vì chúng sanh phân biệt rõ, giúp họ biết rõ được chỗ dụng pháp thích hợp, chỗ nên dùng, chỗ chẳng nên dùng.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì Bồ tát phân biệt là nên dùng? Những pháp gì Bồ tát phân biệt là chẳng nên dùng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phân biệt pháp Thanh

Văn, pháp Bích Chi Phật để biết, mà chẳng nên dùng; phân biệt pháp Nhất thiết chủng trí để biết và nên dùng.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát phải học Bát nhã Ba-la-mật để phân biệt các pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Những pháp gì gọi là thánh pháp? Vì sao gọi là thánh pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Đó là các pháp của Nhị thừa và Bồ tát thừa. Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, và chư Phật ở nơi tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi dục nhiễm, sắc nhiễm, vô sắc nhiễm đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi tán loạn, vô minh... đều chẳng hợp, chẳng tan, ở nơi 4 thiền, 4 vô lượng tâm, 4 vô sắc định đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo đều chẳng hợp, chẳng tan; ở nơi hết thấy các thiện pháp khác cũng đều chẳng hợp, chẳng tan.

Vì sao? Vì hết thấy các sắc đó đều là vô sắc, vô hình, vô đối đều là nhất tướng, là vô tướng. Pháp vô sắc chẳng có thể cùng với pháp vô sắc hợp hay tan; pháp vô hình chẳng có thể cùng với pháp vô hình hợp hay tan; pháp vô đối chẳng có thể cùng với pháp vô đối hợp hay tan; pháp nhất tướng chẳng có thể cùng với pháp nhất tướng hợp hay tan; pháp vô tướng chẳng có thể cùng với pháp vô tướng hợp hay tan.

Này Tu Bồ Đề! Bát nhã Ba-la-mật là vô sắc, là vô hình, là vô đối, là nhất tướng, là vô tướng. Bồ tát phải nên học như vậy. Học như vậy rồi sẽ chẳng còn chấp tướng nữa.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Bồ tát chẳng học tướng của sắc... dẫn đến thức, của nhãn... dẫn đến

ý, của sắc... dẫn đến pháp, của địa chủng... dẫn đến thức chủng hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của Đàn Ba-la-mật... dẫn đến Bát nhã Ba-la-mật, của nội không... dẫn đến vô pháp hữu pháp không, hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của 4 thiên, của 4 vô lượng tâm, của 4 vô sắc định hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của 4 niệm xứ... dẫn đến 8 thánh đạo hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của 3 tam muội “không, vô tướng và vô tác” hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của 8 bối xả, của 9 thứ đệ định hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của 10 Phật lực, của 4 vô sở úy, của 4 vô ngại trí, của 18 bất cộng pháp... dẫn đến tướng của đại từ, của đại bi hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của 4 thánh đế, của 12 nhân duyên hay sao?

Bồ tát chẳng học tướng của hữu vi tánh và vô vi tánh hay sao?

Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng học các pháp tướng, thì Bồ tát làm sao biết được các pháp? Làm sao vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật?

Làm sao vào được Bồ tát vị? Làm sao đến được Nhất thiết chủng trí? Làm sao chuyển pháp luân?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các pháp thật sự có tướng, thì Bồ tát nên học các tướng đó. Vì thật tướng của

các pháp là vô sắc, vô hình, vô đối, là nhất tướng, là vô tướng nên Bồ tát chẳng học tướng, chẳng học vô tướng vậy. Vì sao? Vì dù có Phật hay chẳng có Phật, thì các pháp vẫn là tướng duy nhất, vẫn là tánh thường trú.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng có tướng, chẳng phải chẳng có tướng thì Bồ tát làm sao tu học Bát nhã Ba-la-mật? Nếu chẳng tu học Bát nhã Ba-la-mật, thì chẳng vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật. Nếu chẳng vượt qua hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì chẳng vào được Bồ tát vị. Nếu chẳng vào được Bồ tát vị thì chẳng được vô sanh pháp nhẫn. Nếu chẳng được vô sanh pháp nhẫn, thì chẳng được các thần thông. Nếu chẳng được các thần thông, thì chẳng thể thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh. Nếu chẳng thanh tịnh Phật độ, thành tựu chúng sanh, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí. Nếu chẳng được Nhất thiết chủng trí, thì chẳng thể chuyển pháp luân. Nếu chẳng chuyển pháp luân, thì chẳng thể dùng 3 thừa đạo giáo hóa chúng sanh, khiến họ được các quả Tu-đà-hoàn, Tu-đà-hàm, A-la-hán, Bích Chi Phật... dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Các pháp đều là vô tướng, chẳng phải một, cũng chẳng phải khác. Bởi vậy nên tu vô tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào mà gọi là tu vô tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tu các pháp hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào mà gọi tu các pháp hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Tu sắc hoại... dẫn đến thức hoại, tu nhãn hoại... dẫn đến ý hoại, tu sắc hoại... dẫn đến pháp hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 4 thiên hoại, 4 vô lượng tâm hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 4 niệm xứ hoại... dẫn đến 8 thánh đạo hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 3 tam muội hoại, 8 bối xả hoại, 9 thứ đệ định hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật. Tu 10 Phật lực hoại, 4 vô sở úy hoại, 4 vô ngại trí hoại, 18 bất cộng pháp hoại v.v... là tu Bát nhã Ba-la-mật. Dẫn đến tu đoạn dứt phiền não tập khí hoại cũng là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Như thế nào mà gọi là tu sắc hoại... dẫn đến tu đoạn dứt phiền não tập khí hoại là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm, sắc, thọ, tưởng, hành, thức... dẫn đến chẳng niệm tu đoạn dứt phiền não tập khí. Đó là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì có niệm pháp là chẳng tu Bát nhã Ba-la-mật; có niệm pháp là chẳng tu 5 Ba-la-mật kia.

Này Tu Bồ Đề! Còn chấp pháp là chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, là chẳng có giải thoát, chẳng có đạo, chẳng có Niết Bàn.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là hữu pháp? Thế nào gọi là vô pháp?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! “Hữu” và “Vô” đều là hữu pháp. Pháp có hai là hữu pháp. Pháp chẳng có hai là vô pháp.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Sắc tướng... dẫn đến thức tướng là pháp có hai; nhãn tướng... dẫn

đến ý tướng là pháp có hai; sắc tướng... dẫn đến pháp tướng là pháp có hai; Vô Thượng Bồ Đề tướng... dẫn đến hữu vi tánh tướng, vô vi tánh tướng đều là pháp có hai.

Này Tu Bồ Đề! Pháp có tướng là pháp có hai, mà pháp có hai là hữu pháp. Đã là hữu pháp là có sanh tử. Đã có sanh tử thì chẳng rời sanh, già, bệnh, chết, cùng các ưu bi, khổ não.

Bởi vậy nên biết rằng có hai tướng là chẳng có Đàn Ba-la-mật... dẫn đến chẳng có Bát nhã Ba-la-mật, chẳng có đạo, chẳng có đạo quả... dẫn đến chẳng có thuận nhãn. Người thấy có sắc tướng... dẫn đến thấy có Nhất thiết chủng trí tướng là người chẳng tu đạo. Người như vậy làm sao được các quả Thanh Văn, được quả Bích Chi Phật... dẫn đến quả Vô Thượng Bồ Đề; làm sao đoạn dứt được các phiền não tập khí!

LUẬN:

Nghe Phật dạy, “Bồ tát hành 6 pháp Ba-la-mật mà chẳng thọ quả báo thế gian”, ngài Tu Bồ Đề tự nghĩ rằng, “Bồ tát tu nhân mà chẳng thọ quả. Vì lợi ích lớn cho chúng sanh, nên Bồ tát chẳng thọ quả báo nhỏ”. Nghĩ như vậy rồi, ngài bạch Phật: Bồ tát thành tựu đại huệ, hành thậm thâm pháp mà chẳng thọ quả báo chẳng?

Phật dạy: Ở nơi pháp tánh, Bồ tát thường bất động, nên chẳng thọ quả báo.

Vì sao? Vì Bồ tát biết rõ pháp tánh thật tế là rốt ráo không, là vô sở hữu, nên an trú bất động nơi các pháp tánh vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Bồ tát bất động ở nơi các pháp tánh gì?

Phật dạy: Bồ tát bất động ở nơi tánh sắc... dẫn đến ở nơi đại từ, đại bi.

Vì sao? Vì do các chúng duyên hòa hợp mà có các pháp, nhưng các pháp đều chẳng có sanh tướng, chẳng có định tướng, chẳng có chuyển tướng, đều là vô sở hữu tướng. Do chấp có hữu vi mà nói có vô vi, nhưng hữu vi và vô vi đều là vô sở hữu. Vì sao? Vì chẳng thể dùng pháp vô sở hữu mà được pháp sở hữu. Chư Thánh dụng vô sở hữu mà còn cho là vô sở đắc, huống nữa là khi dụng hữu pháp. Cả 2 chấp “hữu” và “vô” đều là lầm lỗi.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Pháp sở hữu có thể được pháp sở hữu chẳng? Pháp sở hữu có thể được pháp vô hữu chẳng? Pháp vô sở hữu có thể được pháp vô sở hữu chẳng?

Phật dạy: Chẳng được vậy.

Vì sao? Vì pháp sở hữu tự như có sanh tướng mà còn chẳng có thể được, huống nữa là pháp vô sở hữu bản lai là “không”, làm sao có thể được vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu pháp sở hữu cùng pháp vô sở hữu đều chẳng có thể được, thì chẳng có đạo, chẳng có đạo quả hay sao?

Phật dạy: Có được đạo, có được đạo quả, nhưng chẳng phải do các sự kiện nêu trong 4 câu trên đây.

Vì sao? Vì 4 câu đó đều có lỗi, đều là hý luận. Ly 4 hý luận đó tức là được đạo.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là hý luận?

Phật dạy: Quan niệm sắc thường hay vô thường đều là có lỗi.

Vì sao? Vì “thường” có nghĩa là chẳng có sanh diệt. Do “thường” mà nói đến “vô thường”. Phạm phu hý luận các pháp, chấp thường, hoặc chấp vô thường. Cả 2 chấp đều là lầm lỗi. Bồ

tát chẳng hý luận các pháp, vì biết rõ các pháp do duyên sanh chỉ là giả danh, chẳng thật có. Do vậy mà chấp thường hoặc chấp vô thường đều là hý luận, đều là bất khả đắc cả.

Do biết các pháp đều là vô tánh, là chẳng hý luận, nên Bồ tát hành “vô hý luận Bát nhã Ba-la-mật” mà vào Bồ tát vị.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh, thì Bồ tát hành pháp gì mà vào được Bồ tát đạo?

Phật dạy: Bồ tát chẳng dùng Thanh Văn đạo, chẳng dùng Bích Chi Phật đạo. Nếu chưa đầy đủ 6 pháp Ba-la-mật, thì Bồ tát chưa vào được Phật đạo. Bồ tát phải khắp học các pháp, các đạo, mới vào được Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị rồi mà chưa được Nhất thiết chủng trí, thì Bồ tát phải trú Kim Cang tam muội, dùng “nhất niệm tương ưng huệ”, mới được quả Nhất thiết chủng trí.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Làm sao biết được Bồ tát khắp học các đạo, rồi mới vào Bồ tát vị?

Phật dạy: Từ sơ phát tâm Bồ tát tu tập 6 pháp Ba-la-mật, muốn được đầy đủ đạo chủng trí. Nếu đầy đủ đạo chủng trí mới vào được Bồ tát vị. Vào Bồ tát vị rồi, Bồ tát lại dùng Nhất thiết chủng trí để đoạn trừ các phiền não tập khí, được vô sanh pháp nhẫn, vào “học vị”. Khi đã đoạn tận hết thấy phiền não tập khí rồi, Bồ tát vào “vô học vị”, được 10 trí vô lậu.

Bồ tát có được nhu thuận nhẫn, nên ly được cả “hữu” và “vô”, diệt được các hý luận, được vô sanh pháp nhẫn, mãi cho đến khi được quả Vô Thượng Bồ Đề trọn chẳng còn sanh ác tâm.

Bồ tát có đại phước đức trí huệ, nên dù vì lợi ích chúng sanh vẫn thường quán sanh diệt, mà chẳng sanh tâm sợ hãi như hàng Nhị thừa.

Bồ tát có huệ nhãn thấy thật tướng pháp là bất khả đắc, nên chẳng chấp vô thường; quán vô sanh diệt, mà chẳng chấp vô sanh diệt. Bởi vậy nên Bồ tát chẳng đọa về thường, cũng chẳng đọa về vô thường. Bồ tát quán các pháp tướng như Niết Bàn tướng, biết các pháp từ xưa đến nay vốn là vô sanh diệt, là rốt ráo thanh tịnh. Bởi vậy nên “thường” mà còn chẳng chấp, huống nữa là chấp “sanh diệt”.

Như vậy là ở nơi các tướng, Bồ tát được bình đẳng, nên được vô sanh pháp nhãn, vào Bồ tát vị, đoạn phiền não, tập khí, được Nhất thiết chủng trí, độ vô lượng chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là đạo chủng trí của Bồ tát?

Phật dạy: Bồ tát trú trong vô sanh pháp nhãn, vào nơi thật tướng pháp; rời từ nơi đây khởi các âm thanh, ngôn ngữ. Dù biết rõ các âm thanh đều như tiếng vang, nhưng Bồ tát vẫn dùng âm thanh làm phương tiện nói pháp, làm lợi ích cho chúng sanh.

Bồ tát biết rõ chúng sanh trong các đạo, biết rõ căn tánh của chúng sanh, biết rõ nhân duyên quả báo ở đời vị lai của chúng sanh, nên dùng trí huệ Bát nhã Ba-la-mật soi sáng cho chúng sanh, đem 3 Thừa pháp giáo hóa chúng sanh.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu hết thấy pháp đều chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, chẳng có tướng, thì đều chẳng thể thủ, chẳng thể xả như hư không chẳng?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Vì chúng sanh chẳng biết như vậy, nên ta phải vì họ nói các pháp đều là tự tướng không, và vì họ phân biệt nói các pháp trợ đạo cũng dẫn đến Vô Thượng Bồ Đề. Các pháp trợ đạo chẳng hợp, chẳng tan, chẳng có sắc, chẳng có hình, chẳng có đối, là rốt ráo không mà ta vẫn nói ra nhằm đưa chúng sanh vào thánh pháp. Đây là theo thế tục để mà nói, chẳng phải là đệ nhất nghĩa đế.

Bởi vậy nên Bồ tát phải khắp học các đạo, mới đầy đủ “tri kiến”. Vì sao? Vì biết lúc ban đầu gọi là “tri”, thấy biết đến chỗ rốt ráo, đến chỗ thâm sâu gọi là “kiến”.

Hỏi: Vì sao “tri” và “kiến” có nghĩa sai khác nhau như vậy?

Đáp: Có thuyết nói “tri” chẳng phải là “kiến”; còn “kiến” thì đầy đủ cả nghĩa “tri” và nghĩa “kiến”. Phải có “tận trí”, “vô sanh trí” mới có đầy đủ “kiến” thế gian.

Có người nói “kiến đế đạo” là kiến (thấy) mà chẳng biết (vô tri); định là thấy (kiến); chẳng định là biết (tri); vô lậu huệ mới có đầy đủ cả biết (tri) và thấy (kiến).

Trong kinh *Chuyển Pháp Luân* nói, “Biết khổ là tri; đoạn tập, chứng diệt, tu đạo là kiến”.

-o0o-

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào gọi là thánh pháp?

Phật dạy: Các pháp của cả 3 thừa đạo đều gọi là Thánh pháp. Chư Thanh Văn, chư Bích Chi Phật, chư Bồ tát, chư Phật ở nơi hết thấy pháp đều chẳng hợp, chẳng tan. Các ngài biết rõ các pháp đều là vô sở hữu, nên chẳng tham đắm, chẳng thương ghét; lại cũng biết rõ các pháp đều là vô sắc, vô hình, vô đối, đều là nhất tướng, là vô tướng, nên biết rõ pháp vô tướng chẳng cùng pháp vô tướng hợp hay tan. Bồ tát học Bát nhã Ba-la-mật như vậy, nên biết rõ chẳng có pháp nào có tướng “khả đắc” cả.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như vậy Bồ tát chẳng học các pháp tướng hay sao?

Phật dạy: Nếu các pháp có tướng thì mới nên học các tướng đó. Vì thật tướng các pháp là vô tướng, nên Bồ tát chẳng học tướng, cũng chẳng học vô tướng. Vì sao? Vì các pháp từ xưa đến nay vốn là nhất tướng, là vô tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp chẳng có tướng, cũng chẳng phải chẳng có tướng, lại nữa nếu tướng của vô tướng cũng là không, thì Bồ tát làm sao có thể tu được Bát nhã Ba-la-mật, làm sao có thể vượt qua hàng Nhị thừa, làm sao có thể an lập được 3 Thừa đạo?

Phật dạy: Bồ tát chẳng dùng tướng mà tu Bát nhã Ba-la-mật, vì tu Bát nhã Ba-la-mật là tu vô tướng vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như thế nào mà gọi tu vô tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Tu các pháp hoại tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật.

Vì sao? Vì tướng hoại tức là vô tướng. Ở nơi tướng hoại thì tướng của vô tướng cũng bị hoại luôn. Ví như khi cỗ xe bị hoại, thì tướng hoại của cỗ xe cũng bị hoại luôn.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Như thế nào mà gọi tu các pháp hoại tướng là tu Bát nhã Ba-la-mật?

Phật dạy: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng niệm sắc... dẫn đến chẳng niệm tu đoạn dứt phiền não, tập khí là tu Bát nhã Ba-la-mật. Khi hành 5 Ba-la-mật kia cũng là như vậy. Vì còn chấp pháp là chẳng hành 6 pháp Ba-la-mật, chẳng có giải thoát, chẳng có đạo, chẳng có Niết Bàn. Tu 6 pháp Ba-la-mật mà còn chấp tướng là chẳng phải tu 6 pháp Ba-la-mật. Vô pháp còn chẳng chấp, huống nữa là hữu pháp; chấp có pháp chỉ là hý luận vậy.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Thế nào là “hữu pháp”? Thế nào là “vô pháp”?

Phật dạy: “Hữu” và “vô” đều là hữu pháp. Pháp có hai là hữu pháp. Pháp chẳng có hai mới thật là vô pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Những gì là pháp có hai?

Phật dạy: Nhãn và sắc là hai. Vì lia con mắt ra thì chẳng có sắc, và lia sắc ra cũng chẳng có nhãn thức. Hữu vi và vô vi là 2. Vì lia hữu vi ra, thì chẳng có vô vi, lia vô vi ra cũng chẳng có hữu vi. Bởi vậy nên 2 pháp chẳng rời nhau.

Phàm phu do chấp có 2 tướng tương đãi nhau như vậy, nên cứ mãi chìm đắm trong sanh tử. Do trú trong “hữu” nên sanh tâm chấp; do sanh tâm chấp mà dấy sanh các phiền não; do bị các phiền não trói buộc mà chẳng thể thoát ra khỏi vòng sanh tử. Người chấp 2 pháp chẳng thể được 6 pháp Ba-la-mật, chẳng thể được thiên nhãn, nên chẳng thể được thật tướng pháp, dẫn đến chẳng thể được Nhất thiết chủng trí. Hạng người này thấy có sắc tướng... dẫn đến thấy có Nhất thiết chủng trí tướng là chẳng tu đạo; như vậy làm sao được các quả Thánh... dẫn đến làm sao có được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Hỏi: Vào “đánh pháp” chẳng còn thối chuyển. Như vậy vì sao còn nói đến “nhãn pháp”?

Đáp: “Đánh pháp” là pháp ở bậc cao, vượt lên tới đánh. Nhưng ở trong pháp Thanh Văn cũng như ở trong pháp Bồ tát đều có nói đến “đọa đánh”. Đây là trường hợp tu lên đến bậc cao đó bèn an phận, trú nơi đó, chẳng muốn tiến tu lên nữa.

Hàng Thanh Văn nếu được “đánh pháp”(***) mà an trú nơi

***. Đánh pháp là pháp tu chứng thứ 2 trong 4 pháp tu chứng của hàng Thanh Văn ở thời kỳ Kiến đạo, 4 pháp đó gồm: Noãn pháp, Đánh pháp, Nhãn pháp, Thế đế nhất pháp.

đây, chẳng muốn tu lên nữa thì gọi là “đọa đánh”****). Bởi vậy nên phải tu lên “nhẫn pháp”. Có nhẫn mới tiến tu lên các bậc cao hơn.

Có thuyết nói, “Dù chẳng đọa đánh, nhưng nếu tâm chưa kiên cố, thì phải tu nhẫn”. Có thuyết nói, “Dù đã ở lâu trong chánh định, nhưng nếu chưa được vô lậu, thì nay phải tùy thuận vô lậu, mà tu nhẫn.

Trong Bồ tát đạo cũng có trường hợp “đọa đánh”. Bồ tát nào tu được địa vị “thập tín” rồi, biết mình chẳng còn chìm đắm trong 3 cõi, đã được đầy đủ công đức rồi, mà chẳng tinh tấn tu thêm lên địa vị “thập trú”, thì cũng gọi là “đọa đánh”.

-o0o-

****. Đọa đánh là an trú ở Đánh vị, chẳng muốn tu lên nữa.

Phẩm Thứ Bảy Mười Lăm



Tam Thứ Đệ Học (Học theo ba thứ lớp)

KINH:

Lúc bấy giờ, Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu có pháp tướng, thì thuận nhãn còn chẳng được, huống nữa là được đạo.

Như vậy, Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có pháp tướng, thì có được thuận nhãn chăng?

Nếu tu 8 địa, từ Càn Huệ địa... dẫn đến Bích Chi Phật địa, lấy sự đoạn dứt phiền não làm nhân tu đạo, thì có đoạn dứt được phiền não chăng? Nếu do phiền não mà chẳng vượt qua được hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật, thì làm sao vào được Bồ tát vị. Nếu chẳng vào Bồ tát vị, thì làm sao được Nhất thiết chủng trí? Nếu chẳng được Nhất thiết chủng trí thì làm sao đoạn dứt được hết thấy phiền não tập khí?

Bạch Thế Tôn! Nếu chẳng có các pháp tướng, thì các đạo pháp chẳng sanh. Nếu các đạo pháp chẳng sanh, thì chẳng có được Nhất thiết chủng trí.

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Nếu chẳng có các pháp tướng, thì có thuận nhãn ... dẫn đến có đoạn dứt hết thấy phiền não tập khí.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát có các pháp tướng chăng? Có

tướng sắc... dẫn đến có tướng Nhất thiết chủng trí, tướng đoạn trừ phiền não tập khí chẳng?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Chẳng có vậy. Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng có pháp tướng, cũng chẳng có phi pháp tướng. Đây chính là thuận nhẫn. Chẳng có pháp tướng chẳng có phi pháp tướng tức là tu đạo, cũng tức là tu đạo quả.

Này Tu Bồ Đề! Bồ tát có pháp là Bồ tát đạo; Bồ tát chẳng có pháp là Bồ tát quả. Bởi nhân duyên vậy, nên phải biết tánh của hết thấy pháp là vô sở hữu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Nếu các pháp đều là vô sở hữu tánh, thì vì sao chư Phật ở nơi vô sở hữu tánh đó mà được thành Phật, được tự tại ở nơi hết thấy pháp?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Này Tu Bồ Đề! Hết thấy pháp đều là vô sở hữu tánh.

Trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta cũng tu 6 pháp Ba-la-mật, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc vào sơ thiên... dẫn đến vào tứ thiên. Ở nơi các thiên, ta chẳng niệm thiên tướng, chẳng thọ thiên vị, chẳng đắc thiên quả; tâm ta vẫn thường thanh tịnh, chẳng có nhiễm trước. Hành các thiên như vậy, mà ta chẳng thọ quả báo. Y nơi 4 thiên mà ta phát khởi 5 thần thông, nhưng ta chẳng niệm tướng, chẳng thọ vị cũng chẳng thấy ta có đắc 5 thần thông... dẫn đến chẳng có phân biệt các thần thông ấy.

Này Tu Bồ Đề! Lúc bấy giờ, ta dùng “nhất niệm tương ưng huệ”, được Vô Thượng Bồ Đề, biết rõ 4 thánh đế, thành tựu 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất

cộng pháp, đại từ, đại bi, và được thành Phật. Ta phân biệt rõ chúng sanh ở trong 3 tụ, gồm: Chánh định tụ, tà định tụ và bất định tụ.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật: Bạch Thế Tôn! Ở nơi vô sở hữu tánh mà Thế Tôn làm sao khởi được 4 thiên và 5 thần thông, cùng phân biệt biết rõ chúng sanh ở trong 3 tụ?

Phật dạy: Này Tu Bồ Đề! Nếu các dục, ác bất thiện pháp mà có tự tánh, có tha tánh, thì trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta chẳng thể quán các dục, ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, để nhập vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên.

Này Tu Bồ Đề! Vì các ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, nên ta mới tu được 4 thiên, 5 thần thông... dẫn đến mới được quả Vô Thượng Bồ Đề.

LUẬN:

Hỏi: “*Pháp rất ráo không*” chỉ có 1 nghĩa. Như vậy vì sao ngài Tu Bồ Đề lại nói, “*Nếu có pháp tướng, thì chẳng được thuận nhãn, chẳng được đạo... dẫn đến chẳng được Nhất thiết chủng trí*”?

Đáp: Tuy rằng “*pháp rất ráo không*” chỉ có 1 nghĩa duy nhất, nhưng nghĩa ấy quá thậm thâm, khó giải, khó biết. Diễn nói nghĩa ấy còn rất khó, huống nữa là thọ trì, và y nghĩa tu hành.

Ngài Tu Bồ Đề sợ người nghe khởi nghi tâm, nên đã nêu lên nhiều nhân duyên, đặt ra nhiều câu hỏi, để xin Phật giải đáp:

- Các pháp chỉ có 1 nghĩa, vì sao Thế Tôn lại phân biệt nói có 5 đạo chúng sanh?

- Các pháp là vô sở hữu tướng, vì sao lại phân biệt có ra 3 thừa?

- Có pháp tướng, thì chẳng được thuận nhãn. Như vậy vì sao nói tu 8 địa, từ Càn Huệ địa... dẫn đến Bích Chi Phật địa, mà có thể vào được Bồ tát vị?

Ngài Tu Bồ Đề nêu lên nhiều câu hỏi với nhiều ý nghĩa khác nhau, nhưng vì Bát nhã Ba-la-mật chẳng có định tướng, nên Phật đều trả lời là “Như vậy, như vậy”.

Trước, ngài Tu Bồ Đề hỏi về thuận nhãn của Tiểu thừa; sau ngài lại hỏi về thuận nhãn của Đại thừa, là pháp của Bồ tát, nên ngài mới hỏi Phật: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát sanh pháp tướng chẳng?

Phật dạy: Khi hành Bát nhã Ba-la-mật, Bồ tát chẳng sanh pháp tướng, dù là hữu tướng, dù là vô tướng.

Vì sao? Vì thấy “hữu”, thấy “vô” là thấy 2 tướng, nên là có lỗi. Bởi vậy nên ở nơi hết thấy pháp, Bồ tát thuận nhãn chẳng sanh pháp tướng. Như vậy là tu đạo, cũng là tu đạo quả.

Hành Bồ tát đạo là hành “hữu pháp”, mà đạo quả lại là “vô pháp”. “Hữu pháp” là hữu vi; “vô pháp” là vô vi. Như vậy là Bồ tát đoạn các phiền não là hành hữu vi, nhằm thành tựu thánh quả, là vô vi.

-o0o-

Có thuyết nói, “5 Ba-la-mật kia là hữu vi, Bát nhã Ba-la-mật là vô vi. Hữu pháp và vô pháp đều là quả của Bồ tát”.

Có thuyết nói, “Tướng trí huệ là hữu pháp, nên gọi là đạo. Như pháp tánh thật tế chẳng theo nhân duyên sanh mà thường có, nên gọi là quả. Ở nơi bình đẳng tánh, thì đạo và quả là thường có và chẳng sai khác nhau”.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp tánh là vô sở hữu, thì

Phật làm sao ở nơi vô sở hữu mà được chánh trí, được Vô Thượng Bồ Đề?

Phật dạy: Đúng như vậy, đúng như vậy! Do nơi tánh vô sở hữu mà ta có được trí huệ, tận đoạn được các chấp, dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Phật lại còn đem mình ra làm chứng, và nói rằng, “Trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta cũng tu 6 Ba-la-mật, ly dục, ly ác bất thiện pháp, có giác có quán, ly sanh hỷ lạc, vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên.

Phật dạy: Khác hẳn với hàng ngoại đạo, ở nơi các thiên ta chẳng đắm thiên vị, chẳng sanh nhiễm tâm, chẳng thọ quả báo, y theo 4 thiên mà phát khởi 5 thần thông, dùng thiên nhãn thông thấy rõ tâm niệm của chúng sanh nhằm độ thoát họ ra khỏi các khổ. Rồi ta khởi lậu tận thông, dùng một niệm tương ưng huệ, được Vô Thượng Bồ Đề. Các khổ đã tận, các đạo đã thành, thông suốt được cả 4 thánh đế, nên ta được đầy đủ 10 Phật lực, 4 vô sở úy, 4 vô ngại trí, 18 bất cộng pháp, đại từ, đại bi. An trú trong các thần thông, ta phân biệt rõ chúng sanh trong 3 tụ, để vì chúng sanh thuyết pháp.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp đều là vô sở hữu, thì làm sao Phật có thể khởi 4 thiên, được 5 thần thông, biết rõ chúng sanh trong 3 tụ?

Phật dạy: Nếu các dục, ác bất thiện pháp có tự tánh, có tha tánh, thì trước kia, khi hành Bồ tát đạo, ta chẳng thể quán các dục, ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, để vào sơ thiên... dẫn đến vào đệ tứ thiên. Vì dục, ác bất thiện pháp là vô sở hữu tánh, nên ta mới tu được 4 thiên, 5 thần thông... dẫn đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Nên biết pháp tánh có 2 phần: Tự tánh và tha tánh.

Tự tánh là tánh của tự thân bất tịnh; tha tánh là tánh của ngoại vật trang nghiêm thân. Tự tánh cũng như tha tánh đều là vô tướng, là hư dối, là nhân sanh 5 dục dẫn đến khổ đau. Khi Bồ tát quán 5 dục là không, là tánh vô sở hữu, thì vào được sơ thiên, khiến các dục, ác bất thiện pháp chẳng còn khởi ác tánh, khiến tự tánh và tha tánh đều rốt ráo không.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: Nếu các pháp là tánh vô sở hữu, là tánh không, thì Phật làm sao được tự tại ở nơi các pháp?

Phật dạy: Do 4 thiên mà ở nơi các phiền não ta được giải thoát; do 5 thần thông mà ở nơi các pháp ta được tự tại.

Ngài Tu Bồ Đề hỏi: 4 thiên và 5 thần thông là hữu pháp. Sao lại nói 4 thiên, 5 thần thông đều là tự tánh không. Nếu là tự tánh không, thì làm sao tu 4 thiên, 5 thần thông mà được tự tại?

Phật dạy: Ta quán 4 thiên và 5 thần thông đều chẳng có định tướng, nên chẳng chấp. Vì sao? Vì 4 thiên cũng như 5 thần thông có vô lượng tướng, nên phải xả các tướng ấy mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Khi vào sơ thiên phải ly dục mới vào được tánh vô sở hữu. Đây là nhân tu dẫn đến quả chứng. Nhân và quả đều là tánh vô sở hữu.

Thiên là tự tánh không, Vô Thượng Bồ Đề là tự tánh không, hết thảy pháp đều là tự tánh không. Tu như vậy là chẳng có gì ngăn ngại, nên ở nơi các pháp ta đều được tự tại.